

BỘ NGOẠI GIAO VIỆT NAM

# *Duyên dáng* **VIỆT NAM**





**70** Năm  
**BỘ NGOẠI GIAO  
VIỆT NAM (1945 - 2015)**



# *Duyên dáng* **VIỆT NAM**



**PHẦN 1** 4 - 13

**THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ VIỆT NAM**

**PHẦN 2** 14 - 83

**VIỆT NAM - VẺ ĐẸP BẤT TẬN**

**PHẦN 3** 84 - 139

**VIỆT NAM TRÊN ĐƯỜNG HỘI NHẬP**

**PHẦN 4** 140 - 180

**VÀI NÉT VỀ NGÀNH NGOẠI GIAO VIỆT NAM**







# PHẦN I THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ VIỆT NAM

- ◆ **Tên chính thức:** Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- ◆ **Quốc khánh:** Ngày 2/9 (Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Thủ đô Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa).
- ◆ **Vị trí:** Trong khu vực Đông Nam Á, phía Bắc giáp Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa; phía Tây giáp Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Vương quốc Campuchia; phía Đông giáp Biển Đông.
- ◆ **Diện tích:** 331.000 km<sup>2</sup>.
- ◆ **Chiều dài bờ biển:** 3.260 km.
- ◆ **Khí hậu:** Nhiệt đới gió mùa.
- ◆ **Thủ đô:** Hà Nội.
- ◆ **Ngôn ngữ chính:** Tiếng Việt.
- ◆ **Dân số:** 90.73 triệu (năm 2014).
- ◆ **Tỷ lệ biết chữ:** 95% (năm 2013).
- ◆ **Tiền tệ:** Việt Nam đồng (VND).
- ◆ **GDP (danh nghĩa):** 184 tỷ USD (năm 2014).
- ◆ **GDP trên đầu người (danh nghĩa):** 2.028 USD (năm 2014).
- ◆ **Đơn vị hành chính:** 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- ◆ **Sân bay quốc tế:** Cát Bi (Hải Phòng), Nội Bài (Hà Nội), Phú Bài (Thừa Thiên - Huế), Đà Nẵng (Đà Nẵng), Chu Lai (Quảng Nam), Cam Ranh (Khánh Hòa), Phú Quốc (Kiên Giang), Tân Sơn Nhất (TP. Hồ Chí Minh), Cần Thơ (Cần Thơ).

# LỊCH SỬ



Việt Nam - đất nước có lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, là một dân tộc có sức sống mãnh liệt, có lòng yêu nước nồng nàn, yêu chuộng hòa bình, độc lập, tự do, kiên cường bất khuất trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm, năng động và sáng tạo trong xây dựng và phát triển đất nước.

Dân tộc Việt Nam từ thời Hùng Vương dựng nước (năm 2879 tr. CN - 179 tr. CN) đã hình thành 3 trung tâm văn hóa có mối liên hệ mật thiết với nhau là Văn hóa Đông Sơn ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Văn hóa Sa Huỳnh ở Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Văn hóa Đông Sơn ở Nam Bộ. Suốt hơn 1.000 năm dưới thời kỳ Bắc thuộc (năm 179 tr. CN - 938), dưới các triều đại trị vì của nhà Ngô - Đinh - Tiền Lê - Lý (939-1225), triều đại Trần - Hồ (1226-1407), toàn dân tộc Việt Nam đã đoàn kết một lòng đấu tranh lật đổ ách thống trị của ngoại bang và chống quân xâm lược để bảo vệ nền độc lập, thống nhất mà đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) đánh bại quân Minh, giành lại chủ quyền dân tộc. Triều Lê sơ - Mạc - Lê - Trịnh & Nguyễn (1428-1788) đã hoàn thành công cuộc khẩn hoang ở phương Nam và triều đại Tây Sơn (1771-1802) thống nhất đất nước và đánh đuổi các thế lực ngoại bang xâm lược. Tới triều Nguyễn (1802-1945), phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam diễn ra ở nhiều nơi. Năm 1945, dưới sự lãnh đạo của lãnh tụ Hồ Chí Minh, tận dụng thời cơ lịch sử, nhân dân Việt Nam đứng lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền, làm nên cuộc Cách mạng tháng Tám, tuyên bố thành lập nước



Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (2/9/1945), mở ra một thời đại mới độc lập, tự do, hạnh phúc cho dân tộc. Dân tộc Việt Nam vốn yêu chuộng hòa bình, hòa hiếu, nhưng khi bờ cõi bị xâm lăng toàn dân tộc lại sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc.

Từ năm 1945-1975, nhân dân Việt Nam, vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, chiến thắng trong cuộc đấu tranh anh dũng chống thực dân Pháp (1945-1954) và đế quốc Mỹ (1954-1975), giành độc lập, tự do cho dân tộc và thống nhất đất nước. Sau Đại thắng mùa Xuân 1975, cả nước chuyển sang giai đoạn mới xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện các kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế (1976-1980, 1981-1985), đồng thời tiếp tục đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Tây Nam và biên giới phía Bắc (1975-1979).

Kể từ khi tiến hành công cuộc Đổi mới vào năm 1986, Việt Nam đã đạt được thành tựu vượt bậc trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ phát triển; quan hệ đối ngoại rộng mở, vị thế của đất nước trên trường quốc tế được nâng cao. Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên đạt Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ về xóa đói giảm nghèo của Liên hợp quốc. Nhà nước Việt Nam là nhà nước pháp quyền "của dân, do dân và vì dân", luôn đặt con người ở vị trí trung tâm, là mục tiêu và động lực của phát triển, nhằm mang đến cho người dân cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Với tình hình chính trị ổn định, Việt Nam đang tiến bước vững chắc trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.



# HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

**T**rong những thập niên gần đây, Việt Nam được thế giới công nhận là quốc gia có tình hình chính trị ổn định. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền. Hiến pháp qui định nhà nước Việt Nam là “của dân, do dân và vì dân”, đảm bảo mọi người dân đều có quyền bình đẳng trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội.

## Hệ thống chính trị

Đảng Cộng sản Việt Nam, cũng là Đảng chính trị cầm quyền và duy nhất. Hai cơ quan quan trọng nhất của Đảng là Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

## Cơ quan lập pháp

Quốc hội (nhiệm kỳ 5 năm/lần) là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập pháp. Quốc hội quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của đất nước và hoạt động của công dân. Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước.

## Hành pháp

Chủ tịch nước là người đứng đầu quốc gia, do Quốc hội bầu, là đại diện cho nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trong lĩnh vực đối nội và đối ngoại.

Chính phủ là cơ quan hành pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, gồm Thủ tướng, các Phó Thủ tướng, các Bộ trưởng và các thành viên Chính phủ.

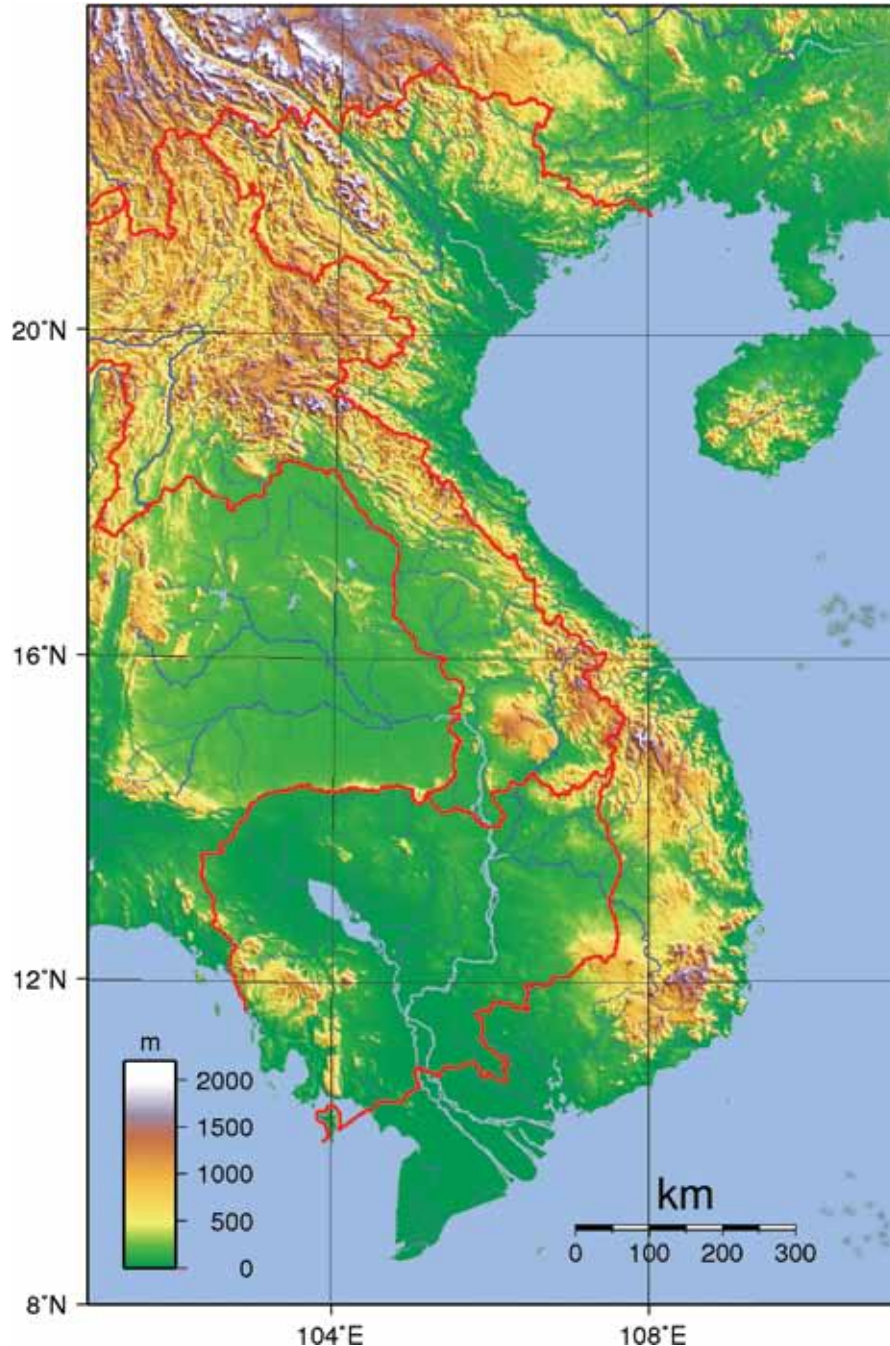
## Tư pháp

Tòa án Nhân dân Tối cao là cơ quan xét xử cao nhất của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, góp phần đảm bảo cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.



Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh

# ĐỊA LÝ



Đất nước Việt Nam có hình chữ “S”, nằm bên bờ Đông của bán đảo Đông Dương, phía Bắc giáp Trung Quốc, phía Tây giáp Lào, Campuchia và phía Đông giáp Biển Đông. Ba phần tư lãnh thổ Việt Nam là đồi núi, với hai vùng đồng bằng lớn là đồng bằng sông Hồng (phía Bắc) và đồng bằng sông Cửu Long (phía Nam). Việt Nam có ba mặt Đông, Nam và Tây Nam trông ra biển với bờ biển dài 3.260 km, từ Móng Cái ở phía Bắc đến Hà Tiên ở phía Tây Nam. Phần Biển Đông thuộc chủ quyền Việt Nam mở rộng về phía Đông và Đông - Nam, có thêm lục địa, các đảo và quần đảo lớn nhỏ bao bọc. Chỉ riêng Vịnh Bắc Bộ đã tập trung một quần thể gần 3.000 hòn đảo trong khu vực Vịnh Hạ Long, Bái Tử Long, các đảo thuộc quần đảo Cát Bà, đảo Bạch Long Vĩ... Xa hơn là quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Phía Tây Nam và Nam có các nhóm đảo Côn Sơn, Phú Quốc và Thổ Chu.





# NHÂN KHẨU HỌC VĂN HÓA VÀ TÍN NGƯỠNG



**Đ**ến cuối năm 2013, dân số Việt Nam đã chạm mốc 90 triệu người và trở thành quốc gia có số dân đông thứ 14 thế giới. Do lợi thế dân số trẻ, với 60% số người dưới 25 tuổi, lực lượng lao động của Việt Nam được bổ sung thêm 1 triệu người mỗi năm. Tốc độ tăng dân số ổn định, ở mức 1,2%/năm. Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là hai thành phố đông dân nhất cả nước.

Việt Nam có 54 dân tộc anh em, trong đó dân tộc Kinh (Việt) chiếm 86,2%. Dân tộc Kinh sống trải rộng trên khắp cả nước nhưng tập trung chủ yếu ở vùng trũng và đồng bằng. 53 dân tộc còn lại phân bố ở vùng núi và trung du, rải rác từ Bắc tới Nam. Hầu hết các dân tộc thiểu số cùng chung sống ở khu vực phía Bắc và Bắc Trung Bộ. Những nhóm dân tộc chính gồm người Tày, chiếm 1,9% dân số, Thái 1,7%, Mường 1,5%, Khmer 1,4%, Hoa 1,1%, Nùng 1,1%, và Hmông 1%. Sự phong phú về sắc tộc này đã giúp Việt Nam có được một nền văn hóa đa dạng.

Là một quốc gia phương Đông nên triết lý giáo dục tại gia thường ảnh hưởng đến đạo đức và đời sống tín ngưỡng của người Việt. Do ảnh hưởng lớn bởi tư tưởng phong kiến thời xưa, hơn 70% dân số Việt Nam theo “tam tôn” - một sự pha trộn giữa Phật giáo, Đạo giáo và Nho giáo. Những tôn giáo khác như Thiên Chúa giáo, Cao Đài và Hòa Hảo cũng lần lượt xuất hiện ở Việt Nam gần đây.



Mùa xuân mới

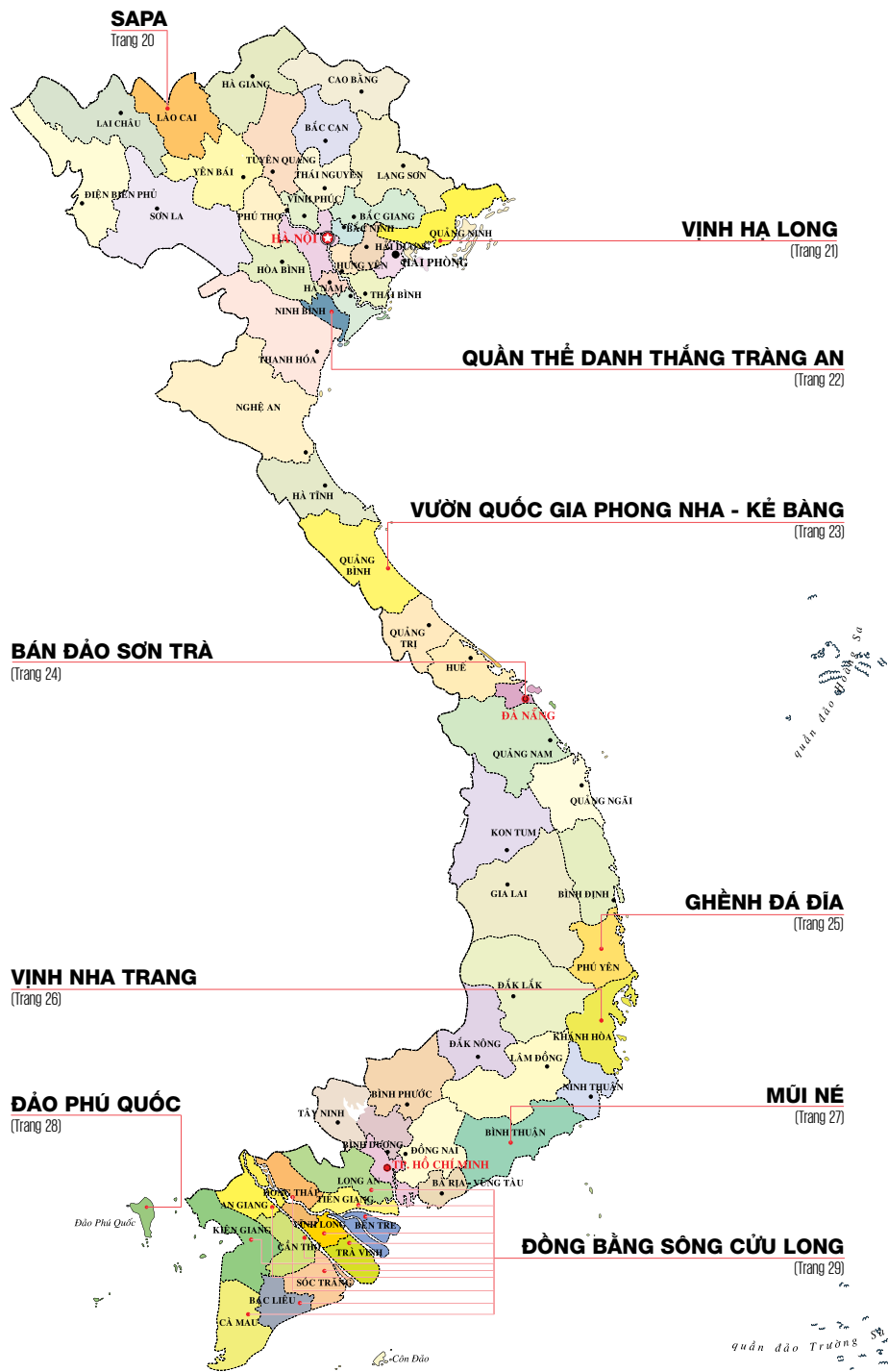




# PHẦN II VIỆT NAM VỀ ĐẸP BẤT TẬN







# TIỀM NĂNG DU LỊCH CỦA VIỆT NAM



Ly Sơn ngày xanh



Vườn Cò



Rừng Hoa Tam Giác mạch - Hà Giang



Rừng bạc thang - Hà Giang

Việt Nam có rất nhiều tiềm năng để phát triển du lịch, nhờ có lợi thế về vị trí địa lý, khí hậu và điều kiện tự nhiên, bao gồm một bờ biển dài hơn 3.000 km trải dọc chiều dài đất nước, núi rừng xanh tươi, phong cảnh hùng vĩ, tráng lệ. Việt Nam sở hữu tới 125 bãi biển du lịch và được xếp vào Top 12 quốc gia có nhiều vịnh đẹp nhất thế giới. Ngành du lịch đóng góp một phần quan trọng vào sự phát triển của kinh tế Việt Nam, với doanh thu đạt khoảng 200.000 tỷ đồng trong năm 2013. Tính tới cuối tháng 11/2014, ngành du lịch Việt Nam chào đón trên 7,2 triệu lượt khách du lịch quốc tế.

Hiện Việt Nam sở hữu hơn 3.000 danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử được liệt vào hàng Di sản Quốc gia. UNESCO cũng đã công nhận 8 Di sản Thiên nhiên và Văn hóa Thế giới của Việt Nam, đó là: Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long, Vịnh Hạ Long, Quần thể danh thắng Tràng An, Thành Nhà Hồ, Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, Quần thể Di tích Huế, Đô thị cổ Hội An và Khu di tích Mỹ Sơn.

Tính tới tháng 12/2014, Việt Nam cũng đã có tới 9 Di sản Văn hóa Phi vật thể được UNESCO công nhận, đó là: Không gian Văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên, Âm nhạc



Hang Sơn Đòong - Quang Bình



Cung đình Việt Nam – Nhã nhạc (triều Nguyễn); Đờn ca Tài tử Nam Bộ; Dân ca Quan họ Bắc Ninh; Ca trù; Hát Xoan; Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh; Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương; Hội Gióng đền Phù Đổng và đền Sóc.

Ngoài ra Việt Nam cũng sở hữu tới 8 khu dự trữ sinh quyển thế giới, đó là: Khu dự trữ Sinh quyển Rừng ngập mặn Cần Giờ (Thành phố Hồ Chí Minh), Khu dự trữ Sinh quyển Quần đảo Cát Bà (Hải Phòng), Khu dự trữ Sinh quyển liên tỉnh ven biển đồng bằng châu thổ sông Hồng, Khu dự trữ Sinh quyển thế giới Kiên Giang, Khu dự trữ Sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm – Hội An, Khu dự trữ Sinh quyển thế giới Mũi Cà Mau, Khu dự trữ Sinh quyển miền Tây Nghệ An, Khu dự trữ Sinh quyển thế giới Đồng Nai.

Đặc biệt, Việt Nam còn sở hữu Công viên Địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đờng Vần (Hà Giang).

Cuối cùng, Việt Nam hiện có 4 Di sản tư liệu được UNESCO công nhận là: Mộc bản Triều Nguyễn; 82 bia tiến sĩ Văn miếu - Quốc Tử Giám; Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm và Châu bản Triều Nguyễn.





# MỘT SỐ ĐIỂM DU LỊCH HẤP DẪN

## Sapa

Nằm ở độ cao gần 2.000 m, với bốn mùa mây bao phủ, Sapa mang vẻ đẹp hùng vĩ và hoang sơ đặc trưng của vùng phố núi ở khu vực biên giới phía Bắc Việt Nam. Sapa mang những vẻ đẹp riêng có với những thửa ruộng bậc thang ngút ngàn tầm mắt hay những bản làng chèo vênh giữa lưng chừng núi. Đến Sapa, khách tham quan không chỉ được du ngoạn những danh lam thắng cảnh nổi tiếng như Thác Bạc, Thung lũng Mường Hoa, Cổng Trời, Hàm Rồng hay đỉnh Phan Xi Păng - nóc nhà Đông Dương... mà còn được hòa mình vào không gian văn hóa đặc sắc của người dân tộc bản địa như Tày, Dao, Mèo, H'Mông, Thái.



## Vịnh Hạ Long

Được UNESCO công nhận năm 1994 và năm 2000 là Di sản Thiên nhiên Thế giới nhằm tôn vinh vẻ đẹp cảnh quan và giá trị địa chất, địa mạo, Vịnh Hạ Long, thuộc tỉnh Quảng Ninh là tác phẩm nghệ thuật tạo hình vĩ đại và kỳ diệu của thiên nhiên. Vịnh Hạ Long có hàng nghìn đảo đá, mỗi đảo mang một hình dáng độc đáo khác nhau. Tầm ẩn trong lòng các đảo đá là những hang động tuyệt đẹp gắn với nhiều truyền thuyết thần kỳ. Địa danh này mang những dấu tích quan trọng về quá trình hình thành và phát triển trái đất với tuổi kiến tạo địa chất lên đến 250-280 triệu năm.





## Quần thể danh thắng Tràng An



Tràng An



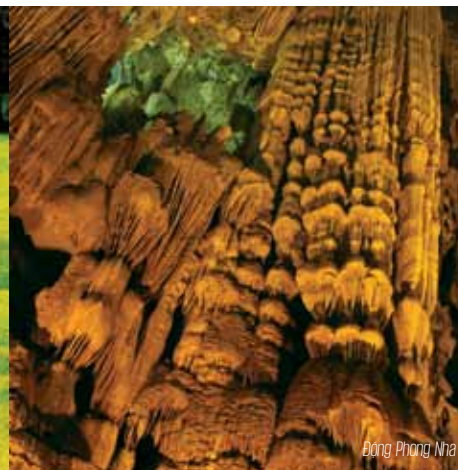
Tràng An



Tam Cốc - Bích Động

Nằm cách Hà Nội gần 100 km về phía Nam và cách trung tâm thành phố Ninh Bình 7 km, quần thể danh thắng Tràng An trải rộng hơn 2.000 ha, được tạo nên bởi các dải núi đá vôi, các hang động kỳ ảo, những ruộng lúa cùng hàng chục di tích lịch sử - văn hóa bao gồm đền thờ, chùa. Tại đây có nhiều di tích, danh thắng như: Khu du lịch sinh thái Tràng An, khu du lịch Tam Cốc - Bích Động, chùa Bái Đính, cố đô Hoa Lư... Nơi đây vốn là Thành Nam của kinh đô Hoa Lư vào thế kỷ X và XI. Tràng An được ví như một Vịnh Hạ Long trên cạn. Tháng 6/2014, UNESCO đã chính thức công nhận Quần thể danh thắng Tràng An là Di sản hỗn hợp Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới.

## Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng



Động Phong Nha



Động Phong Nha



Hang Sơn Đoòng

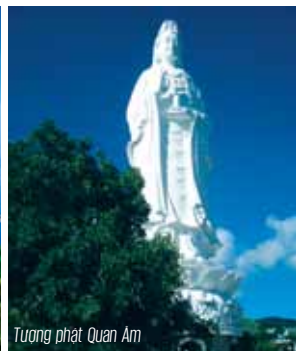
Thuộc tỉnh Quảng Bình, Phong Nha - Kẻ Bàng được ví như một bảo tàng địa chất khổng lồ có giá trị và mang ý nghĩa toàn cầu bởi cấu trúc địa lý phức tạp, tập hợp nhiều loại đá khác nhau như sa thạch, thạch anh, phiến thạch, đá vôi... Nơi đây ẩn chứa rất nhiều điều bí ẩn của tự nhiên, những hang động như những lâu đài lộng lẫy trong lòng núi đá vôi được tạo tác từ hàng triệu năm trước. Phong Nha - Kẻ Bàng có khoảng 300 hang động lớn nhỏ. Trong vùng lõi của Phong Nha - Kẻ Bàng có hang Sơn Đoòng, được khám phá vào năm 2009, là hang động tự nhiên lớn nhất thế giới. Với hệ thống thạch nhũ tráng lệ, bộ sưu tập ngọc động đẹp mắt cùng với khu rừng nhiệt đới nguyên sinh trong lòng hang, Sơn Đoòng được coi như một báu vật của nhân loại.



## Bán đảo Sơn Trà



Bán đảo Sơn Trà nhìn từ trên cao



Tượng phật Quan Am



Intercontinental resort

Thuộc địa phận thành phố Đà Nẵng ở miền Trung Việt Nam, được mệnh danh là viên ngọc thiên nhiên quý giá, Sơn Trà có sức hấp dẫn đặc biệt với khu rừng già bạt ngàn nhiều loại động vật quý hiếm, những rặng san hô rực rỡ sắc màu và bờ biển dài quyến rũ, khí hậu trong lành, mát mẻ quanh năm. Sơn Trà có nhiều bãi tắm nổi tiếng như bãi Bắc, bãi Nam và bãi Bụt. Chùa Linh Ứng - Bãi Bụt tại đây hiện được xem là ngôi chùa lớn nhất ở thành phố Đà Nẵng cả về quy mô cũng như kiến trúc nghệ thuật. Ngôi chùa mang một phong cách hiện đại kết hợp với tính truyền thống vốn có của chùa chiền Việt Nam, với mái ngói uốn cong có hình rồng, những trụ cột vững chắc được bao quanh bởi những con rồng uốn lượn rất tinh xảo.

## Ghềnh Đá Đĩa



Cách thành phố Tuy Hòa hơn 40 km về phía Nam, thuộc địa phận tỉnh Phú Yên, nhìn từ xa Ghềnh Đá Đĩa giống như một tổ ong khổng lồ rộng khoảng 50 m, dài 200 m, với những khối đá hình lăng trụ xếp liền nhau một cách ngay ngắn. Những trụ đá hoặc nghiêng nghiêng theo thế tiến ra biển, hoặc xếp thẳng đứng chồng chất lên nhau, cao thấp khác nhau, tựa như những chông đĩa lớn được tạo hóa sắp xếp một cách ngay ngắn. Khu ghềnh được hình thành khi núi lửa tuôn trào dung nham xuống biển, khối nham thạch bị rạn nứt đa chiều tạo nên cảnh quan kỳ thú ngày nay. Năm 1998, Ghềnh Đá Đĩa được cấp chứng nhận danh thắng cấp quốc gia.

## Vịnh Nha Trang



Tháp Bà Ponagar

Tượng Phật nằm



Vịnh Nha Trang thuộc thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, là địa điểm du lịch biển nổi tiếng nhất của Việt Nam. Nha Trang được ví như thiên đường của hạ giới với phong cảnh biển, núi, đảo, địa danh cổ, di tích, quần thể kiến trúc cùng hòa quyện vào nhau, vừa hiện đại vừa quyến rũ. Nha Trang nổi tiếng thu hút du khách bởi các bãi tắm đẹp, hoang sơ trải dọc chiều dài thành phố và các đảo nằm trong vịnh Nha Trang. Bãi biển Nha Trang được Tạp chí National Geographic bình chọn là 1 trong 99 bãi biển đẹp nhất thế giới. Vịnh Nha Trang trở thành thành viên Câu lạc bộ những vịnh đẹp nhất thế giới từ tháng 6/2003. Đây cũng là địa điểm tổ chức nhiều sự kiện du lịch quốc tế, đáng chú ý là Festival biển Nha Trang với nhiều hoạt động vui chơi giải trí phong phú.

## Mũi Né



Làng chài - Phan Thiết



Đồi cát - Phan Thiết

Mũi Né tọa lạc ở bờ biển phía đông của Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng 250 km về phía Bắc. Nơi đây nổi tiếng với những con đường rợp bóng dừa, những bãi biển đẹp, những vách đá, những cồn cát rực rỡ trong nắng. Đến với Mũi Né, du khách có cơ hội trải nghiệm cuộc sống lao động của ngư dân làng chài, chứng kiến cảnh tàu thuyền ra khơi và trở về với những mẻ lưới đầy cá, cảnh náo nhiệt của những phiên chợ cá buổi sớm ngay trong thành phố. Đây được coi là địa điểm ưa thích của khách du lịch quốc tế.



## Đảo Phú Quốc



Nhảy dù tại biển Phú Quốc



Vinpearl resort Phú Quốc



Bãi biển Phú Quốc

Thuộc địa phận tỉnh Kiên Giang, Phú Quốc là đảo lớn nhất trong quần thể 22 đảo nằm trong vịnh Thái Lan và cũng là hòn đảo lớn nhất của Việt Nam. Được mệnh danh là Đảo Ngọc, Phú Quốc làm say lòng du khách bởi những bãi cát trắng dài miên man bên làn nước xanh biếc. Bên cạnh vẻ đẹp nguyên sơ, vùng đất này còn nổi tiếng với đặc sản nước mắm, rượu sim và nhiều loại hải sản độc đáo. Năm 2006, Khu dự trữ Sinh quyển ven biển và biển đảo Kiên Giang bao gồm cả Phú Quốc đã được UNESCO công nhận là Khu dự trữ Sinh quyển Thế giới.

## Đồng bằng sông Cửu Long



Vườn Quốc Gia



Chèo nô - Cai Be

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng cực nam của Việt Nam, bao gồm 1 thành phố và 12 tỉnh. Vùng đất này được hình thành từ những trầm tích phù sa và bồi dần qua nhiều kỷ nguyên thay đổi mực nước biển. Đồng bằng sông Cửu Long nổi tiếng với những vùng sông nước mênh mông, những vườn cây trái bạt ngàn, sản vật trù phú, con người vừa hào sảng, khí khái, vừa chân chất. Nơi đây có những vườn quốc gia, sản chim với vô số loài chim muông và động, thực vật quý. Đồng bằng sông Cửu Long còn có những lễ hội dân gian truyền thống, những loại hình nghệ thuật dân gian đặc trưng của vùng sông nước như cải lương, các điệu lý, điệu hò hay các bản nhạc, điệu múa của đồng bào Khmer.



# DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ



## KHÔNG GIAN VĂN HÓA **CỒNG CHIÈNG** **TÂY NGUYÊN**



**C**ồng, chiêng là loại hình nghệ thuật gắn liền với lịch sử văn hóa của các dân tộc thiểu số Tây Nguyên sinh sống dọc dải Trường Sơn; trải rộng khắp các tỉnh như: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Không gian Văn hóa Cồng, chiêng Tây Nguyên không chỉ bao gồm cồng, chiêng, các bản nhạc tấu bằng cồng, chiêng và những người chơi cồng, chiêng, mà còn gồm cả những lễ hội có sử dụng cồng, chiêng và những miền đất quê hương của các lễ hội đó... Chủ thể của không gian



văn hóa này gồm nhiều dân tộc khác nhau như: Ê Đê, Ba Na, Mạ, Lắc, Xê Đăng, Gia Rai...

Cồng, chiêng là một nhạc cụ nghi lễ. Các bài nhạc cồng, chiêng trước hết là phục vụ nghi lễ; mỗi nghi lễ có ít nhất một bài nhạc chiêng riêng.

Về nguồn gốc, theo một số nhà nghiên cứu Việt Nam, cồng, chiêng là "hậu duệ" của đàn đá và được xem là biểu hiện của tín ngưỡng, là phương tiện giao tiếp với siêu nhiên và nối kết những con người trong cùng một cộng đồng. Cồng, chiêng luôn có mặt trong đời sống sinh hoạt của người dân Tây Nguyên, từ các sinh hoạt nghi lễ lớn như: lễ đâm trâu, khóc người chết trong tang lễ, mừng nhà rông mới, lễ xuống giống, lễ cầu an cho lúa, lễ mừng cơm mới, lễ đóng cửa kho... đến các sinh hoạt cộng đồng như: lễ thổi tai cho trẻ sơ sinh, mừng nhà mới, lễ bỏ mả, lễ cúng máng nước...

Cồng, chiêng là loại nhạc khí bằng hợp kim đồng, có khi pha vàng, bạc hoặc đồng đen. Cồng là loại nhạc cụ hình tròn có núm ở giữa, còn chiêng thì không có núm. Nhạc cụ này có nhiều cỡ, đường kính từ 20 cm đến 60 cm, loại cục đại từ 90 cm đến 120 cm. Cồng, chiêng có thể được dùng đơn lẻ hoặc dùng theo dàn, các tộc người Tây Nguyên đã lựa chọn nhiều biên chế dàn cồng, chiêng khác nhau: dàn chiêng có 2 hay 3 chiếc; dàn cồng có 6 chiếc; dàn chiêng 11 hoặc 12 chiếc, gồm 3 cồng và 8 - 9 chiêng.

Đối với các tộc người vùng Tây Nguyên, cồng, chiêng là nhạc cụ mang sức mạnh thiêng liêng, cất lên tiếng nói tâm linh, diễn tả những niềm vui, nỗi buồn trong cuộc sống. Mỗi chiếc cồng, chiêng ẩn chứa một vị thần, cồng, chiêng càng cổ thì vị thần càng quyền lực. Cồng, chiêng cũng là thứ tài sản quý giá, biểu tượng của quyền lực và sự giàu có. Dòng họ nào có nhiều cồng, chiêng sẽ được các dòng họ khác, làng khác ví nể. Già làng ở làng ấy có thể được tôn lên làm già làng cho cả một vùng.

Cồng, chiêng Tây Nguyên là di sản văn hóa mang đậm dấu ấn thời gian và không gian; thể hiện cả tiến trình phát triển âm nhạc của miền đất này từ thuở sơ khai đến tận ngày nay.

Ngày 25/11/2005, Không gian Văn hóa Cồng, chiêng Tây Nguyên đã được UNESCO công nhận là Kiệt tác di sản văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại và tháng 11/2008, UNESCO đã lưu Không gian Văn hóa Cồng, chiêng Tây Nguyên vào danh sách Di sản Văn hóa Phi vật thể đại diện của nhân loại.





# KON TUM

## NỖ LỰC GÌN GIỮ KHÔNG GIAN VĂN HÓA CỒNG CHIÈNG TÂY NGUYÊN

Là một tỉnh miền núi nằm ở cực Bắc Tây Nguyên, với khoảng 53% dân số là đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó có 6 dân tộc thiểu số sinh sống lâu đời là Ba Na, Xê Đăng, Gia Rai, Giê Triêng, Brâu, Rơ Măm, văn hóa Kon Tum rất đa dạng và đặc sắc. Sinh hoạt văn hóa cồng, chiêng gắn bó mật thiết với cuộc sống của đồng bào các dân tộc tại đây.

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của di sản văn hóa phi vật thể đối với đời sống xã hội, những năm qua, tỉnh Kon Tum đã tiến hành nhiều hoạt động bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, nhất là bảo tồn và phát huy di sản Không gian Văn hóa Cồng, chiêng Tây Nguyên.

Những năm gần đây, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Kon Tum định kỳ hàng năm tổ chức Ngày hội văn hóa các dân tộc tỉnh Kon Tum tại Khu du lịch sinh thái quốc gia Măng Đen, phục dựng được trên 20 lễ hội truyền thống của 6 dân tộc anh em. “Đêm hội cồng, chiêng - những sắc màu văn hóa”, “Lễ hội cồng, chiêng Tây Nguyên” cũng là những lễ hội được tổ chức thường niên để tôn vinh và quảng bá văn hóa cồng, chiêng đến với du khách trong nước và quốc tế.



Không chỉ có thế, công tác sưu tầm các bài nhạc chiêng, hàng ngàn bộ cồng, chiêng cũng đã được âm thầm, bền bỉ tiến hành suốt nhiều năm qua. Theo thống kê thì hiện nay riêng tại tỉnh Kon Tum, đồng bào còn lưu giữ trên 1.800 bộ cồng, chiêng.

Để “truyền lửa” cho lớp trẻ, nhiều lớp đào tạo bồi dưỡng kỹ thuật đánh và chỉnh chiêng cũng đã được tổ chức, góp phần phát triển không gian văn hóa cồng, chiêng. Lớp học cồng, chiêng ở làng Kon Tum Kpong (phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum) đã thu hút khá nhiều em thiếu nhi tham gia. Đến nay, đội cồng, chiêng “nhí” trong làng có hơn 30 em, đã có thể trình diễn các bài nhạc cồng, chiêng trong các dịp lễ hội của làng. Cách Thành phố Kon Tum hơn 20 km về phía Tây, tại làng Lung Leng, xã Sa Bình, huyện Sa Thầy, những “mầm non” cồng, chiêng cũng đang được ươm mầm, vun xới...

Có thể nói, mô hình cồng, chiêng nhí cũng phát triển nhanh chóng lan rộng khắp các huyện của Kon Tum, lan tỏa tình yêu và sự gắn bó với cồng, chiêng đến với các thế hệ người dân Tây Nguyên. Hàng trăm đội chiêng trẻ đã ra đời từ đó. Đây chính là đội ngũ góp phần đưa tiếng cồng, chiêng âm vang khắp núi rừng Tây Nguyên.

# NHÃ NHẠC

## ÂM NHẠC CUNG ĐÌNH HUẾ



Nhã nhạc là thể loại nhạc nghi thức cung đình phong kiến được biểu diễn vào các dịp lễ của triều đình, diễn tấu trong cung vua hoặc tại các địa điểm diễn ra các lễ tế.

Nhã nhạc - âm nhạc cung đình Việt Nam bắt đầu manh nha từ triều Lý (1010 - 1225) và được biết đến qua các hình ảnh chạm khắc trên các tảng đá lớn tại chùa Phật Tích (Bắc Ninh). Bức chạm cho thấy dàn nhạc thời đó gồm có 10 nhạc công với các nhạc khí: phách, đàn gáo, sáo ngang, đàn tranh, sênh, đàn tỳ bà, tiêu, đàn nguyệt, trống.

Đến thời nhà Trần (1225-1400), nhạc lễ cung đình bắt đầu định hình và chia làm 2 bộ phận: Đại nhạc và Tiểu nhạc. Đại nhạc chỉ dành riêng cho vua, còn hoàng tộc, quan lại khi nào có lễ tế lớn mới được dùng. Tiểu nhạc là loại nhạc dân dã, được dùng phổ biến trong dân gian.

Thời nhà Lê (1427-1788), nhạc cung đình Việt Nam đi vào hoạt động một cách quy củ, hoàn thiện, được tổ chức thành 2 dàn nhạc là Đường thượng chi nhạc và Đường hạ chi nhạc. Sử sách ghi lại có 8 thể loại nhạc, đó là: Giao nhạc, Miếu nhạc, Ngũ tự nhạc, Đại triều nhạc, Thường triều nhạc, Đại yến nhạc, Cung trung chi nhạc và Cửu nhật nguyệt giao trưng nhạc. Nhạc lễ thời Lê đã kết hợp với các điệu múa, trong đó có hai vũ khúc có giá trị nghệ thuật cao là: múa võ với điệu "Bình Ngô phá trận" và múa văn với điệu "Chu hầu lai triều".

Âm nhạc cung đình Việt Nam phát triển hưng thịnh và đạt đến đỉnh cao nghệ thuật tại cung đình Huế dưới triều Nguyễn (1802-1945) với cái tên được biết đến ngày nay là Nhã nhạc cung đình Huế.

Nhã nhạc cung đình Huế là sự kế thừa và phát triển lên một đỉnh cao mới những thành tựu của dòng nhạc cung đình Thăng Long đã được xây dựng từ nhiều thế kỷ trước. Nhã nhạc cung đình mang trong mình tất cả những tinh hoa của dòng nhạc cung đình Việt Nam đã hình thành và phát triển trên một nghìn năm.



Các quy định về quy mô dàn nhạc, cách thức diễn xướng, nội dung của Nhã nhạc đều rất chặt chẽ, phản ánh tinh quy củ qua các định chế thẩm mỹ rất cao, có khả năng phản ánh tư tưởng, quan niệm triết lý của chế độ quân chủ đương thời. Âm nhạc được xem là một bộ phận linh thiêng của các đại lễ, là tiếng nói huyền diệu, có khả năng giao cảm với trời đất, thần linh, tổ tiên. Âm nhạc cung đình một mặt thể hiện quyền lực của hoàng triều, mặt khác thể hiện quan điểm về sự tương thông giữa người (thiên tử), tổ tiên, trời đất.

So với các thời đại trước thì các dàn nhạc thời Nguyễn rất phong phú, gồm 6 loại dàn nhạc như: Nhã nhạc, Huyền nhạc, Đại nhạc, Tiểu nhạc, Nhạc Ty chung và Ty Khánh và Quân nhạc. Biên chế các dàn nhạc cũng được mở rộng hơn trước. Dưới thời Vua Gia Long (1802-1819), Việt tương đội (một dàn nhạc cung đình lớn) được thành lập với khoảng 200 nghệ nhân. Về bản nhạc cũng rất phong phú, Đại nhạc có 10 bài, Tiểu nhạc có 15 bài, sử dụng trong các đại lễ hoặc giải trí trong cung đình.

Cuối thời Nguyễn, Nhã nhạc cung đình chỉ còn duy trì 2 loại dàn nhạc là Đại nhạc và Tiểu nhạc. Nhã nhạc cung đình Huế thường đi đôi với múa cung đình. Múa cung đình triều Nguyễn rất đa dạng, được sử dụng vào nhiều dịp khác nhau. Cho đến nay, 11 điệu múa cung đình đã được bảo tồn. Múa cung đình chủ yếu mang tính chất nghi lễ nên không khí trang nghiêm, kính cẩn, di chuyển liên hoàn và uyển chuyển.

Sau năm 1945, Nhã nhạc đã mất đi không gian vốn có của nó và có nguy cơ mai một dần. Từ sau 1975, Nhã nhạc được bắt đầu khôi phục lại. Hiện Nhã nhạc đang được bảo tồn và là một minh chứng độc đáo về sự sáng tạo văn hóa đặc biệt của dân tộc Việt Nam.

Ngày 7/11/2003, Nhã nhạc - Âm nhạc Cung đình Huế được UNESCO công nhận là Kiệt tác di sản văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại và tháng 11/2008, UNESCO đã lưu Nhã nhạc - Âm nhạc Cung đình Huế vào danh sách Di sản Văn hóa Phi vật thể và truyền khẩu đại diện của nhân loại.





NGƯỜI GIỮ HỒN CHO NHẠC

NHẠC NHẠC

# ÂM NHẠC CUNG ĐÌNH HUẾ

Sinh ra trong một gia đình có truyền thống làm nghệ thuật, nghệ nhân Trần Kịch bắt đầu học Nhã nhạc từ nhỏ và tình yêu với âm nhạc cung đình đã chảy trong huyết quản của ông như một điều rất tự nhiên. Tình yêu và sự say mê đó một phần được truyền cảm hứng từ cha ông - cũng là một nghệ sĩ chuyên biểu diễn Nhã nhạc có tiếng.

Bắt đầu tham gia làm nghệ thuật chuyên nghiệp từ năm 16 tuổi và là một trong những nghệ nhân chơi nhạc phục vụ trong cung đình triều Nguyễn, nghệ nhân Trần Kịch được coi như một báu vật của nghệ thuật Nhã nhạc Cung đình Huế với vốn trải nghiệm phong phú và đặc sắc về Nhã nhạc cung đình nguyên bản.

Quá trình gắn bó với Nhã nhạc của nghệ nhân cũng là quá trình khổ luyện nghệ thuật nghiêm túc, không ngừng nghỉ để chơi thành thạo tới tuyệt kỹ các loại nhạc cụ dân tộc như kèn đại, kèn lỗ, đàn nhị, đàn nguyệt, đàn bầu, sáo... cho nhạc tuồng Huế, nhạc Phật, nhạc múa cung đình, nhạc đệm cho ca Huế...

Với hơn 70 năm tuổi nghề, ông đã nghiên cứu cách ký âm hoàn chỉnh, góp phần ghi lại được 30 bản nhạc về Đại nhạc và Tiểu nhạc. Những cây đàn nhị, nguyệt, bầu, sáo, kèn... khi được ông sử dụng để biểu diễn nhu được nâng thêm tầm cao âm thanh mới. Những ngón nghề nhún, vuốt, vé, rung... của ông luyến láy tinh vi, điệu nghệ; khi trang trọng, lúc gần gũi, sâu lắng; tất thấy đều đi vào lòng người. Ông cũng đã đi khắp các quốc gia trên thế giới từ phương Đông đến phương Tây để giao lưu và giới thiệu Nhã nhạc Cung đình Huế đến với bạn bè quốc tế.



Để tiếp tục truyền nghề, duy trì ngọn lửa tình yêu với Nhã nhạc cho thế hệ trẻ, khi trường Quốc gia âm nhạc Huế được thành lập (1962), nhạc sĩ Trần Kịch đã tham gia giảng dạy thực hành nhiều loại nhạc cụ: đàn nguyệt, đàn nhị, đàn bầu, kèn... Nội dung truyền dạy gồm các hệ thống Đại nhạc, Tiểu nhạc của Nhã nhạc Cung đình triều Nguyễn, các làn điệu ca Huế. Từ ngôi trường này, nhiều học trò của ông đã trở thành những nghệ sĩ thành danh và đang hoạt động tích cực ở Huế như Nghệ sĩ Ưu tú La Cẩm Vân, Tôn Nữ Lệ Hoa, Quý Cát, Nguyễn Đình Văn, Trần Thảo...

Với những đóng góp của mình cho sự phát triển của Nhã nhạc Cung đình Huế, năm 2000, ông được Bộ Văn hóa - Thông tin tặng Huy chương chiến sĩ văn hóa; năm 2003, ông được phong tặng danh hiệu Nghệ nhân Dân gian Việt Nam, và đặc biệt, năm 2008, trong dịp Festival Huế, Đại sứ quán Pháp tại Hà Nội đã trao ông tước hiệu Hiệp sĩ Văn hóa Nghệ thuật do Bộ Văn hóa và truyền thông Pháp phong tặng.

Ngày 8/12/2010, tại nhà riêng số 34/4 ngõ 320 đường Bạch Đằng, thành phố Huế, "báu vật sống" của Nhã nhạc Cung đình Huế đã trút hơi thở cuối cùng, hưởng thọ 90 tuổi. Ông đã ra đi, nhưng những di sản quý báu mà ông để lại vẫn luôn hiện hữu, tiếp tục được người con trai của ông là nghệ sĩ Trần Thảo bảo tồn và phát triển.





# TRỌN ĐỜI NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG

**N**ghệ thuật Đờn ca Tài tử Nam Bộ (còn gọi là Đờn ca Tài tử) là loại hình nghệ thuật dân gian đặc trưng của Việt Nam, được hình thành và phát triển từ cuối thế kỷ 19. Người miền Nam coi Đờn ca Tài tử là sinh hoạt văn hóa tinh thần không thể thiếu trong các dịp lễ hội, tết, giỗ, cưới, sinh nhật, họp mặt... Lễ giỗ Tổ nghề được tổ chức vào ngày 12/8 âm lịch hàng năm.

Đờn ca Tài tử là nghệ thuật của đờn (đàn) và ca, do người dân Nam Bộ sáng tác để hát chơi sau những giờ lao động. Chữ "tài tử" có nghĩa là người chơi nhạc có biệt tài, giỏi về cổ nhạc. Lúc đầu chỉ có đờn, sau xuất hiện thêm hình thức ca nên gọi là đờn ca. Quá trình phát triển của loại hình nghệ thuật này luôn được bổ sung và làm mới bằng cách kế thừa, kết hợp giá trị âm nhạc cung đình, dân gian; đồng thời giao lưu, tiếp biến các yếu tố văn hóa của người Khmer, người Hoa và phương Tây.

Các bản nhạc của Đờn ca Tài tử được sáng tạo dựa trên cơ sở nhạc lễ, nhạc cung đình, nhạc dân gian miền Trung và Nam. Các bản nhạc này được cải biên liên tục từ 72 bài nhạc cổ và đặc biệt là từ 20 bài gốc (bài Tổ) cho 4 điệu (hơi), gồm: 6 bài Bắc (diễn tả sự vui tươi, phóng khoáng), 7 bài Hạ (dùng trong tế lễ, có tính trang nghiêm), 3 bài Nam (diễn tả sự an nhàn, thanh thoát) và 4 bài Oán (diễn tả cảnh đau buồn, chia ly).

Nhạc cụ được sử dụng trong Đờn ca Tài tử gồm: đàn kim, đàn tranh, đàn cò, đàn tỳ bà, đàn tam (hoặc đàn sến, đàn độc huyền), sáo, tiêu, song loan... Từ khoảng năm 1930, có thêm đàn guitar phím lõm, violin, guitar Hawaii (đàn hạ uy cầm).

Đờn ca Tài tử là loại hình sinh hoạt văn hóa gắn kết cộng đồng, phản ánh tâm tư, tình cảm, phù hợp với lối sống cần cù, phóng khoáng, cởi mở và sự can trường của người dân Nam Bộ. Thông qua việc lưu hành Đờn ca Tài tử, các tập quán xã hội khác như: lễ hội, văn hóa truyền khẩu, nghề thủ công... cũng được bảo tồn và phát huy. Hiện nay, nghệ thuật Đờn ca Tài tử đang được sinh hoạt tại hơn 2.500 câu lạc bộ, nhóm, gia đình ở 21 tỉnh, thành phố tại miền Nam Việt Nam.

Ngày 5/12/2013, Đờn ca Tài tử Nam Bộ đã được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Phi vật thể đại diện của nhân loại.

**M**ay mắn được sinh ra trong một gia đình hai bên nội ngoại bốn đời có nhiều người am hiểu nhạc truyền thống dân tộc và đều giỏi Đờn ca Tài tử, Giáo sư Trần Văn Khê đã hít thở bầu không khí của âm nhạc truyền thống từ thuở còn nằm trong bụng mẹ. Có lẽ vì vậy mà việc ông dành trọn niềm say mê cho nghệ thuật truyền thống, nhất là Đờn ca Tài tử, gần như là lẽ tự nhiên.

Năm 1959, tại Praha, Tiệp Khắc, Giáo sư Khê đã nói chuyện và tự minh họa về nhạc Tài tử miền Nam. Nghe Giáo sư Khê biểu diễn, Nhạc sĩ Nguyễn Văn Thương khen ông là "nghệ nhân" về nhạc Tài tử. Năm 1960, ông được mời sang Thụy Sĩ nói chuyện về âm nhạc Việt Nam tại 24 địa điểm khác nhau. Ông cũng được mời qua Anh quốc nói về ứng tác, ứng tấu, cách "rao" mở đầu và đờn tùy hứng theo phong cách Đờn ca Tài tử miền Nam Việt Nam. Cùng năm này, Giáo sư Trần Văn Khê được cử vào Ban Chấp hành Hội đồng Âm nhạc Quốc tế. Từ đó, ông được mời đi dự hội nghị quốc tế ở nhiều nơi, được mời đi thuyết trình, giảng dạy ở hơn 40 nước trên thế giới. Bất kỳ ở đâu và lúc nào, ông cũng tranh thủ mọi cơ hội để truyền bá nghệ thuật truyền thống Việt Nam. Ông thường nói, âm nhạc truyền thống Việt Nam "là hoa thơm cỏ lạ của riêng mình mà các nước khác không có. Mình mang ra thế giới cho mọi người cùng thấy, cùng biết, cùng hiểu và từ đó họ tôn trọng mình hơn. Bên cạnh đó, mình góp phần làm giàu có thêm cho vườn hoa âm nhạc trăm hương nghìn sắc, muôn màu muôn vẻ của thế giới".

Giáo sư Khê có cách mô tả thật súc tích và độc đáo về âm nhạc truyền thống Việt Nam: hát thì luyến láy, đờn thì nhấn nhá, đờn theo nguyên tắc "chân phương hoa lá" (nghĩa là thêm hoa lá vào những âm thanh chính của điệu thức). "Khi mình đờn, bàn tay mặt (tay phải) mình sanh ra thanh, bàn tay trái nhấn nhá, nuôi dưỡng thanh đó, biến thanh thành âm; hát thì truyền khẩu, đờn thì truyền ngón... Đó là những yếu tố đặc sắc trong âm nhạc mình làm cho người nghe thú vị".

Đặc biệt, trong hành trình truyền bá cái hay, cái đẹp của âm nhạc truyền thống Việt Nam, Giáo sư Khê thường tự minh minh họa qua các hơi - điệu khác nhau của nhạc Tài tử trên các nhạc khí dân tộc như đờn tranh, đờn kim, đờn cò...





Định cư tại Pháp từ năm 1949, từ ngày về sống hẳn ở Việt Nam vào năm 2002, Giáo sư Trần Văn Khê luôn tích cực tham gia các chuyến đi thuyết trình, giảng giải cho mọi đối tượng về nghệ thuật truyền thống của dân tộc.

Giờ đây, mặc dù đã ở tuổi 94, nhưng khi nói về nghệ thuật truyền thống dân tộc, Giáo sư vẫn vô cùng khẩn tiếp, rất hào hứng, say sưa và không kém phần nhiệt huyết. Ông ân cần dặn: “Hãy giữ lấy hồn cốt của Đờn ca Tài tử, tức là giữ lấy phong cách chơi và tính cách ngẫu hứng của nó”. Bởi tính chất ngẫu hứng này mà người xưa “chơi” Đờn ca Tài tử. Không ai gọi là “biểu diễn” Đờn ca Tài tử.

Người Đờn ca Tài tử đúng nghĩa không dùng nhạc Tài tử làm kế sinh nhai. Khi nào thích đờn thì họp nhau tại nhà một người trong làng rồi cùng nhau đờn ca chơi. Dù vậy, trình độ nghệ thuật của Đờn ca Tài tử không hề thấp. Muốn trở thành người Đờn ca Tài tử đúng nghĩa, phải trải qua thời gian tập luyện khá công phu. Hiện nay, Đờn ca Tài tử phần nhiều đã bị sân khấu hóa, cần phải đưa Đờn ca Tài tử về đúng với phong cách chơi vốn có của nó với tính cách ngẫu hứng giữa các Tài tử với nhau... Trong dàn nhạc Đờn ca Tài tử, cây đờn kim là cây đờn giữ vị trí dẫn dắt các nhạc công, giữ song lang (giữ nhịp) cho cả dàn nhạc. Cây guitar phím lõm vì có âm vực rộng, lên cao hay xuống thấp đều được nên nó làm cho dàn nhạc Đờn ca Tài tử phong phú, sôi động hơn, nhưng không vì thế mà để nó áp đảo và thay thế tất cả các nhạc khí truyền thống khác.

Hơn nửa thế kỷ sống và dạy học tại Đại học Sorbonne (Pháp), được làm việc trong một môi trường nghiên cứu chuyên nghiệp, khoa học và khách quan, Giáo sư Khê tha thiết mong muốn thay đổi cách dạy dỗ, truyền thụ về âm nhạc truyền thống Việt Nam, trong đó có Đờn ca Tài tử. “Cần học theo phong cách Việt Nam chứ không nên bắt chước theo lối dạy nhạc của phương Tây, vì không phù hợp với lối nhạc truyền thống của mình”, ông nhấn mạnh. Âm nhạc truyền thống được đưa vào học đường; không phải để đào tạo các học sinh trở thành nghệ sĩ, mà quan trọng là giúp cho thế hệ trẻ có được một vốn hiểu biết căn bản về vốn cổ vô giá của cha ông.



# QUAN HỌ BẮC NINH

Quan họ Bắc Ninh là nếp sinh hoạt văn hóa nghệ thuật dân gian có từ lâu đời của nhân dân các làng quê Bắc Ninh, miền Bắc Việt Nam. Đây là những làn điệu dân ca của vùng đồng bằng Bắc Bộ, tập trung chủ yếu ở vùng Kinh Bắc (Bắc Ninh và Bắc Giang). Sinh hoạt văn hóa Quan họ diễn ra ở vùng hợp lưu của ba dòng sông cổ: sông Cầu, sông Ngũ Huyện Khê và sông Tiêu Tương với trung tâm là thành phố Bắc Ninh (tỉnh Bắc Ninh) ngày nay - nơi có đến 31/49 làng Quan họ gốc.

Là thể loại dân ca phong phú nhất về mặt giai điệu trong kho tàng dân ca Việt Nam và được lưu truyền từ đời này sang đời khác qua phương thức truyền khẩu, dân ca quan họ có 213 giọng khác nhau, với hơn 400 bài ca. Lời một bài ca có hai phần: lời chính và lời phụ. Lời chính là thể thơ và ca dao của Việt Nam, phần lớn là thể lục bát, lục bát biến thể, bốn từ hoặc bốn từ hỗn hợp với từ ngữ giàu tính ẩn dụ, trong sáng, mẫu mực. Đây là phần cốt lõi, phản ánh nội dung của bài ca, thường là thể hiện tình yêu lứa đôi. Lời phụ gồm tất cả những tiếng nằm ngoài lời ca chính, là tiếng đệm, tiếng đưa hơi như i hư hư, a ha,...

Về hình thức diễn xướng, hát Quan họ là lối hát đối đáp giữa “bên nam” và “bên nữ”. Một “bên nữ” của làng này hát với một “bên nam” của làng kia với một bài hát cùng giai điệu, khác về ca từ và đối giọng. Đây là môn nghệ thuật được hợp thành bởi nhiều yếu tố như âm nhạc, lời ca, phục trang, lễ hội... với một lối hát giao duyên dân dã, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa những “liền anh”, “liền chị”, phản ánh tình cộng đồng sâu sắc và đặc điểm trong nghĩa, nặng tình của người dân xứ Kinh Bắc. Trong Quan họ, trang phục của “liền anh” và “liền chị” cũng rất đặc biệt. Trang phục của “liền chị” gồm nón ba tầm hoặc nón thúng quai thao, khăn vấn và khăn mỏ quạ, yếm, áo, váy, thắt lưng, dép. Trang phục của “liền anh” gồm khăn xếp, ô lục soan, áo cánh bên trong và áo dài 5 thân bên ngoài, quần, dép.

Hiện nay trên địa bàn toàn tỉnh Bắc Ninh có 41 nghệ nhân hát Quan họ, trong đó thành phố Bắc Ninh có 32 nghệ nhân. Ngày 30/9/2009, UNESCO đã công nhận Dân ca Quan họ Bắc Ninh là Di sản Văn hóa Phi vật thể đại diện của nhân loại.



CỤ NGUYỄN THỊ NGUYÊN



# DI SẢN NHÂN VĂN SỐNG CỦA ĐẤT QUAN HỌ

**S**inh năm 1922, bắt đầu hát Quan họ từ năm lên 10, năm nay đã ở tuổi 92, bà Nguyễn Thị Nguyên là một trong số ít những di sản nhân văn sống của đất Quan họ. Bà Nguyên là thế hệ thứ 3 trong một gia đình có truyền thống hát Quan họ tại làng Khả Lễ (huyện Bò Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Mẹ bà Nguyên - bà Sáu Cáy là một bà “trùm” Quan họ đình đám của vùng đất quan họ Bắc Ninh, Bắc Giang. Xưa kia, mẹ đi dạy Quan họ ở đâu là bà Nguyên theo đây và những ca từ, giai điệu Quan họ “ngấm” vào bà từ đó. Đến thuở trăng tròn, cô thôn nữ Nguyễn Thị Nguyên lại thường xuyên theo người cô ruột đi học hát Quan họ với “bọn” Quan họ nữ trong làng. Không chỉ học hát, đó còn là những dịp bà được học hỏi và tham gia giao lưu, sinh hoạt Quan họ trong các lễ hội đình chùa... Có lẽ vì vậy, bà Nguyên thuộc và ca được đúng lẽ lối hàng trăm giọng ca Quan họ

khác nhau. Bà còn tham gia sáng tác các bài Quan họ mới, làm phong phú thêm kho tàng dân ca Quan họ Bắc Ninh, như *Đầu làng có gốc cây đa, Hội Gióng...*

Trần trở và đầy nhiệt tâm với việc lưu giữ Quan họ truyền thống của quê hương, vào những lúc nông nhàn bà Nguyên đã tổ chức truyền dạy trực tiếp môn nghệ thuật này. Người nghệ nhân này đã đào tạo được nhiều “liền anh”, “liền chị” Quan họ tiêu biểu của quê hương Bắc Ninh - Kinh Bắc, góp phần nuôi dưỡng tình yêu nghệ đến các thế hệ kế cận. Giờ đây, tuổi cao sức yếu, không đi được đâu xa, ngôi nhà của “liền chị” kỳ cựu Nguyễn Thị Nguyên vẫn thường xuyên mở rộng cửa để đón các cháu thiếu nhi hay những người đam mê Quan họ đến học hỏi các lẽ lối cổ, cũng như tìm hiểu kiến thức về nghệ thuật dân gian đặc sắc này.

Nói về việc bảo tồn và phát huy vốn dân ca Quan họ, bà Nguyên cho rằng, muốn Quan họ cổ truyền sống mãi, trước tiên phải giữ và đào tạo cho được những “trùm” Quan họ. Đó là những người hấp thụ được tinh hoa Quan họ, biết rành rẽ những lối chơi Quan họ cổ truyền. Với suy nghĩ đó, nghệ nhân Nguyễn Thị Nguyên hướng đến việc đào tạo cho được các “trùm” Quan họ đó. Khi vẫn còn sức khỏe, mỗi năm bà đào tạo khoảng 20 học viên của trường Trung học Văn hóa nghệ thuật của tỉnh. Trong các thế hệ học sinh của bà đã có những cái tên nổi tiếng trong làng Quan họ như Trần Thị Thủy, Duyên Thị Hương, Trương Khắc Chiến... Họ không chỉ kế thừa từ bà những tinh túy Quan họ mà còn kế thừa cả tâm huyết giữ gìn, phát triển Quan họ để tiếp tục nối nghiệp bà, dạy lại cho các thế hệ sau. Cứ thế, những vốn quý của Di sản Văn hóa Phi vật thể này sẽ sống mãi. Để vinh danh những đóng góp của bà vào việc bảo tồn và phát huy nghệ thuật hát Quan họ, năm 2003, Bộ Văn hóa - Thông tin đã phong tặng danh hiệu Nghệ nhân Quan họ cho bà.





# XHÁT XOAN PHÚ THỌ



Hát Xoan đã tồn tại hơn 2.000 năm, là di sản văn hóa dân gian hết sức quý báu của Việt Nam. Hát Xoan còn được gọi là Khúc môn đình (hát cửa đình), là lối hát thờ thần, tương truyền có từ thời các vua Hùng. Gốc của hát Xoan ở vùng Phú Thọ, sau đó lan tỏa tới các làng quê thuộc đôi bờ sông Lô, sông Hồng, qua cả tỉnh Vĩnh Phúc. Bốn phường Xoan cổ là An Thái, Phù Đổng, Kim Đới và Thét, nằm ở hai xã Kim Đới và Phượng Lâu (Phú Thọ).

Thuở xa xưa, người Văn Lang tổ chức các cuộc hát Xoan vào mùa Xuân để đón chào năm mới. Có 3 hình thức hát Xoan: hát thờ cúng các vua Hùng và Thành hoàng làng; hát nghi



lễ cầu mùa tốt tươi, cầu sức khỏe; và hát lễ hội là hình thức để nam nữ giao duyên. Các làn điệu Xoan cổ đều được bắt nguồn từ những làng cổ nằm ở địa bàn trung tâm bộ Văn Lang thời các vua Hùng dựng nước.

Tâm linh là yếu tố quan trọng chi phối tính chất của hát Xoan, mang tính nghi lễ phồn thực của cư dân nông nghiệp. Nó được hát ở cửa đình, thể hiện những lễ tục diễn xướng tế thần linh tại các cửa đình và được tổ chức hát vào mùa Xuân - mùa nghỉ ngơi của một chu trình canh tác lúa nước hai vụ Chiêm - Xuân qua 12 tháng và 4 mùa Xuân - Hạ - Thu - Đông. Hát Xoan thể hiện ước nguyện, là lời thỉnh cầu của người nông dân đối với các bậc thánh, thần cao siêu mà họ quan niệm rằng đó chính là các bậc cai quản, ban phát sự may mắn, phong lưu cho bản dân thiên hạ; quyết định vận mệnh sống còn của họ. Hát Xoan thể hiện đạo lý vua - tôi, nghĩa vợ chồng, đạo làm cha, đạo làm con. Hát Xoan còn thể hiện tâm tư tình cảm, ước vọng; là cầu nối cho sự đoàn kết trong cộng đồng và quan hệ trên - dưới, tạo nên mối quan hệ bình đẳng, dân chủ, không phân biệt địa vị sang - hèn và giàu - nghèo.

Loại hình nghệ thuật này đã được nhiều người có vị thế và uy tín trong xã hội, nhiều văn nhân, thi sĩ nâng đỡ, tạo điều kiện cho phát triển. Trong đó có phần công lao to lớn của bà Lê Thị Lan Xuân, vợ thứ tư của Vua Lý Thần Tông (1127-1138), là người có công bảo tồn và phát triển vốn hát Xoan Phú Thọ. Để tỏ lòng biết ơn bà, các phường Xoan (tên gọi khác của các phường hát Xoan, do các bài hát này thường được hát vào mùa Xuân) kiêng tên bà gọi chệch đi là hát Xoan.

Ca nhạc của điệu hát Xoan là ca nhạc biểu diễn với đầy đủ các dạng thức nhạc hát: hát nói, hát ngâm, ngâm thơ và ca khúc. Trong hát Xoan, múa và hát luôn đi cùng, trong âm vang tiếng nhạc cụ chỉ là một chiếc trống da.

Ngày 24/11/2011, UNESCO đã công nhận hát Xoan Phú Thọ là Di sản Văn hóa Phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp.



## Nghệ nhân **NGUYỄN THỊ LỊCH:** MỘT ĐỜI ĐẮM ĐUỐI **XOAN**

**L**àng An Thái, xã Phương Lâu, thành phố Việt Trì (Phú Thọ) là quê hương của những "trùm" hát Xoan nổi tiếng, cũng chính là quê hương của nghệ nhân Nguyễn Thị Lịch. Say mê, đắm đuối với hát Xoan, cô bé Lịch đã theo gánh hát của ông nội đi biểu diễn từ rất nhỏ. Những làn điệu Xoan cũng ngấm vào bà từ đó. Ở tuổi 13, bà đã thuộc hết 14 quả cách (làn điệu) và trở thành đào nương trẻ nhất làng An Thái. Giờ đây, ngoài 60 tuổi (bà Lịch sinh năm 1950), bà là trùm phường nữ Xoan duy nhất của tỉnh Phú Thọ.

Luôn canh cánh nỗi lo môn nghệ thuật dân gian này sẽ thất truyền, người phụ nữ này đã nỗ lực tìm mọi cách để bảo tồn, lưu giữ vốn quý của hát Xoan, đồng thời truyền tình yêu hát Xoan đến với các thế hệ trẻ. Từ năm 1999, bà tích cực vận động mọi người gây dựng lại phường Xoan cổ để truyền dạy cho lớp trẻ kế cận.

Những nỗ lực của bà đã được đền đáp khi vào năm 2006, phường hát Xoan An Thái chính thức được tỉnh Phú Thọ khôi phục lại, và từ chỗ chỉ có chưa đến 20 người, nay đã lên đến con số 85 người. Những điệu hát Xoan tưởng chừng như sắp thất truyền nay lại ngân vang trong từng ngõ xóm. Đến nay, đã có khoảng 40 lớp hát Xoan được bà đào tạo, với tổng số học viên lên đến hơn 1.000 người. Lứa học trò đầu tiên của bà Lịch đã trưởng thành và trở thành những kếp, những đào chính của phường Xoan An Thái, góp phần đưa tiếng hát Xoan đi khắp mọi vùng quê. Những lứa học trò này đang tiếp nối sứ mệnh của bà để truyền dạy hát Xoan đến các thế hệ tiếp theo.



Tại gia đình riêng hiện nay, bà vẫn ngày ngày dạy hát Xoan miễn phí cho các cháu thiếu nhi và những người yếu thể loại diễn xướng dân gian độc đáo này. Với sự truyền dạy bằng tình yêu và tâm huyết một đời dành cho hát Xoan của bà Lịch, những người con đất Tổ nay lại say mê và đắm đuối với những câu Xoan như một cách để họ tìm về và trân quý cội nguồn của mình. Năm 2011, khi hát Xoan chính thức được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại, niềm vui của bà cùng người dân An Thái được nhân lên gấp bội, và họ lại có động lực để tiếp tục sứ mệnh lưu giữ và phát triển nghệ thuật hát Xoan.

Năm 2005, nghệ nhân Nguyễn Thị Lịch đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nghệ nhân dân gian và là 1 trong số 7 nghệ nhân của phường Xoan An Thái hiện nay. Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng hàng năm, nghệ nhân Nguyễn Thị Lịch cùng các kếp, đào và nghệ nhân khác của phường Xoan An Thái lại đem những làn điệu Xoan giới thiệu với đồng bào cả nước và du khách quốc tế tại Đền Hùng.

Mục tiêu mà bà Lịch đang hướng đến là năm 2015, hát Xoan sẽ thoát ra khỏi danh mục "phải bảo vệ khẩn cấp". Với những gì đã làm được, mục tiêu của bà đã không còn quá xa vời.





# DÂN CA VÍ GIÀM NGHỆ TĨNH

**H**át ví, hát giặm là loại hình dân ca gắn với đời sống sinh hoạt và lao động của người dân hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, thuộc miền Trung Việt Nam. Chưa có một nghiên cứu nào xác định được cụ thể thời gian ra đời của hình thái dân gian này, chỉ biết rằng, từ thế kỷ XVIII, loại hình này đã hiện diện và được đại thi hào Nguyễn Du đưa vào tác phẩm của ông.

Theo số liệu thống kê năm 2013, ở Việt Nam, tại hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh hiện vẫn còn 260 làng lưu truyền dân ca ví, giặm; có 75 nhóm dân ca ví, giặm đang hoạt động với khoảng 1.500 thành viên.

Mối đầu, dân ca ví, giặm xứ Nghệ còn thô sơ, mộc mạc, giản dị, xuất phát từ lời ca của những cô gái kéo sợi, dệt vải, di cấy,... nhưng theo thời gian, ví, giặm phát triển lên một tầm cao mới với lời lẽ, bố cục chặt chẽ và hình thành nên những vần điệu dân ca trữ tình đa dạng.

Ví là "ví von", ví cũng là "vối" (theo tiếng địa phương có nghĩa là "vối"), bên nam đứng ngoài đường, ngoài ngõ hát vối vào trong sân, trong nhà đối đáp với bên nữ đang quay sợi, dệt vải... Còn giặm gần nghĩa với đám lúa (theo tiếng địa phương có nghĩa là "cây lúa"), điền nan. Ngoài ra, "giặm" với nghĩa của một động từ, có nghĩa là đan, và thêm vào chỗ nan hỏng, thêm vào chỗ còn trống, còn thiếu cho đủ. Gọi là giặm bởi bài nào cũng chứa ít nhất một câu lặp lại câu đi trước giữa khoảng trống hai khổ thơ, giống như giặm mạ thêm vào chỗ trống. Ví, giặm đều có không gian diễn xướng gắn liền với lao động sản xuất và thường được gắn với những tên gọi như ví phường Vải, ví phường Đan, ví phường Cấy, ví phường Cùi...



Ví thuộc thể ngâm vịnh, bằng phương pháp phổ thơ dân tộc (lục bát, song thất lục bát, lục bát biến thể...). Ví thường là hát tự do, không có tiết tấu từng khuôn nhịp, người hát có thể co giãn một cách ngẫu hứng. Âm điệu cao thấp, ngắn dài có khi còn tùy thuộc vào lời thơ bằng hay trắc, ít từ hay nhiều từ.

Giặm là thể hát nói, bằng thơ ngũ ngôn (thơ/vè 5 chữ). Giặm có những làn điệu như: Giặm kể, giặm cửa quyền, giặm ru, giặm vè, giặm nói... Khác với ví, giặm là thể hát có tiết tấu rõ ràng, có phách mạnh phách nhẹ, có nhịp nội nhịp ngoại. Đặc tính chung của giặm là tự sự, tự tình, kể lể khuyên răn, phân trần, cũng có khi dí dỏm châm biếm hoặc trữ tình giao duyên.

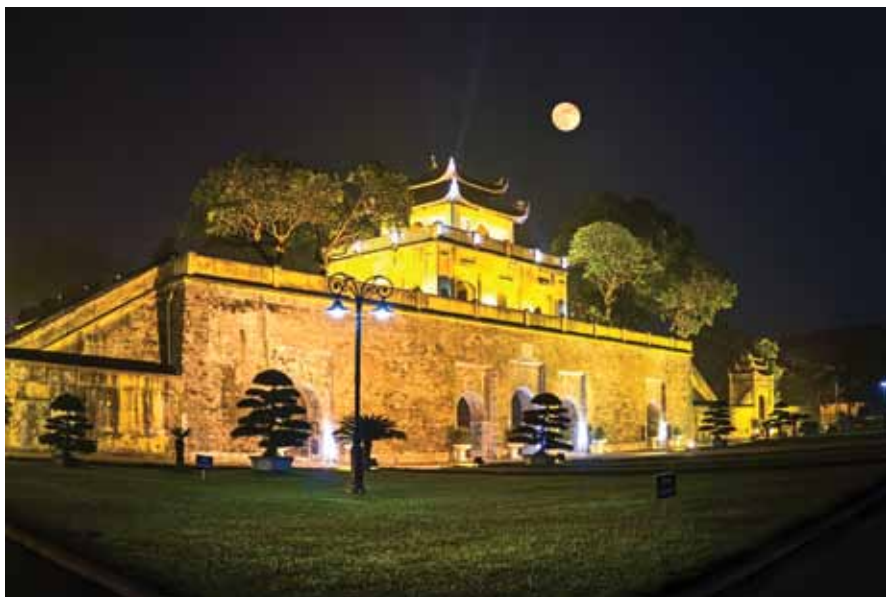
Không gian diễn xướng của dân ca ví, giặm rất phong phú, gắn với đó là những đặc trưng như: Hát với không gian và môi trường lao động, hát mang tính du hí vào những dịp hội hè, Tết; hát giao duyên giữa những đôi lứa nam nữ; tính tự tình: mượn câu hát để bộc lộ nội tâm; tính tự sự: dùng hình thức kể về để thuật lại những việc xảy ra trong làng, xã; tính chất tâm linh: hát trong khi thờ cúng, tế lễ; tính giáo huấn...

Vượt qua rào cản về thời gian, dân ca ví, giặm xứ Nghệ vẫn khẳng định được sức sống trường tồn của mình. Những nét tinh túy trong dân ca ví, giặm xứ Nghệ trở thành nguồn cội của các ca khúc đương thời về Nghệ An, Hà Tĩnh.

Ngày 27/11/2014, tại kỳ họp lần thứ 9 Ủy ban liên Chính phủ Công ước Bảo vệ Di sản văn hóa phi vật thể, UNESCO đã công nhận Dân ca Ví, Giặm Nghệ - Tĩnh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

# DI TÍCH LỊCH SỬ DẤU ẤN VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KỲ

## Khu trung tâm Hoàng Thành Thăng Long - Hà Nội



Khu Trung tâm Hoàng Thành Thăng Long - Hà Nội là quần thể di tích gắn với lịch sử kinh thành Thăng Long, Hà Nội. Công trình kiến trúc đồ sộ này được các triều vua xây dựng trong nhiều giai đoạn lịch sử và trở thành di tích quan trọng bậc nhất trong hệ thống các di tích lịch sử của Việt Nam. Tháng 12/2002, các chuyên gia đã tiến hành khai quật trên tổng diện tích 19.000 m<sup>2</sup> tại trung tâm chính trị Ba Đình - Hà Nội. Cuộc khai quật khảo cổ học lớn nhất Việt Nam và Đông Nam Á này đã phát lộ những dấu vết của Hoàng Thành Thăng Long trong tiến trình lịch sử trải dài 13 thế kỷ với các di tích và tầng văn hóa chồng xếp lên nhau. Những dấu vết kiến trúc độc đáo cùng hàng triệu hiện vật quý giá đã phần nào tái hiện quá trình lịch sử trải dài từ thế kỷ VII đến những thập niên đầu của thế kỷ XX. Ngày 1/8/2010, Khu Trung tâm Hoàng Thành Thăng Long đã được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới.

## Di tích lịch sử Điện Biên Phủ



Quần thể di tích lịch sử Điện Biên Phủ trải dài trên lòng chảo Điện Biên, nay là thành phố Điện Biên Phủ, bốn bề là núi bao bọc với chiều dài 18 km, rộng 6 km. Các di tích nổi bật nhất là đồi Him Lam, nơi diễn ra trận đánh mở màn chiến dịch Điện Biên Phủ ngày 13/3/1954; đồi Độc Lập, nơi diễn ra trận đánh ác liệt chiếm cứ điểm ngày 15/3/1954. Các đồi C, D, E cũng là nơi quân đội Việt Nam và quân đội viễn chinh Pháp giành giật nhau từng tấc đất trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Trong quần thể di tích lịch sử Điện Biên Phủ còn có Tượng đài chiến thắng Điện Biên Phủ trên đồi D1- biểu tượng cho tinh thần quyết chiến và quyết thắng của quân và dân Việt Nam, Bảo tàng chiến thắng Điện Biên Phủ - nơi lưu giữ, trưng bày hơn 500 hiện vật, tranh, ảnh tư liệu... liên quan đến chiến dịch Điện Biên Phủ và toàn bộ cuộc chiến đấu đầy hi sinh, gian khổ của quân và dân Việt Nam để có chiến thắng 7/5/1954, kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc Việt Nam.

## Cổ Loa

Di tích Cổ Loa thuộc địa phận huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Vào khoảng năm 208 trước Công nguyên, sau khi thống nhất hai bộ tộc Âu Việt và Lạc Việt, lập nên nhà nước Âu Lạc, An Dương Vương đã chọn vùng đất này để lập kinh đô, xây thành Cổ Loa. Hiện nay, di tích có phạm vi quy hoạch bảo tồn là 830 ha. Thành được xây dựng kiểu vòng ốc (nên gọi là Loa thành), tương truyền có tới 9 vòng, ngoài thành là hào sâu ngập nước thuyền bè đi lại được. Ngày nay ở Cổ Loa còn lại 3 vòng thành đất: thành ngoài (chu vi 8 km), thành giữa (hình đa giác, chu vi 6,5 km) và thành trong (hình chữ nhật, chu vi 1,6 km). Thành thành ngày nay còn có chiều cao trung bình từ 4-5 m, có chỗ cao tới 12 m, chân thành rộng 20-30 m. Trong khu vực Cổ Loa hiện có khoảng 60 di tích, bao gồm các loại hình: di tích kiến trúc nghệ thuật, di tích lịch sử, cách mạng, di chỉ khảo cổ học. Di tích Cổ Loa cũng là địa điểm khảo cổ học có giá trị nổi bật, gắn với các giai đoạn văn hóa cổ của người Việt, như văn hóa





Sơn Vi, văn hóa Phùng Nguyên, văn hóa Đông Sơn, văn hóa Gò Mun, mà đỉnh cao là Văn hóa Đông Sơn, với nhiều di chỉ khảo cổ tiêu biểu: Đông Vàng, Bãi Mèn, Đình Chiền, Đình Tràng, Mả Tre, Thành Nội, Thành Ngoại, Thành Trung, Xuân Kiều, xóm Nhồi, đền Thương, Tiên Hội, Đường Mây, Cầu Vực...

## Văn Miếu - Quốc Tử Giám



Văn Miếu - Quốc Tử Giám, nằm ở phía Nam kinh thành Thăng Long (thời nhà Lý), là tổ hợp gồm hai di tích: Văn Miếu và Quốc Tử Giám. Văn Miếu được xây dựng vào năm 1070 dưới

thời vua Lý Thánh Tông, là nơi thờ Khổng Tử, các bậc hiền triết của Nho giáo và Tư nghiệp Quốc tử giám Chu Văn An, người thầy đạo cao, đức trọng của nền giáo dục Việt Nam. Năm 1076, dưới triều vua Lý Nhân Tông, Quốc Tử Giám được xây dựng kế sau Văn Miếu, là nơi đào tạo nhân tài cho đất nước, trường đại học đầu tiên ở Việt Nam. Trong gần một ngàn năm qua, Văn Miếu - Quốc Tử Giám được coi là một biểu tượng của sự trường tồn tinh hoa văn hóa, giáo dục, truyền thống tôn sư trọng đạo, khuyến đức, khuyến tài của dân tộc Việt Nam. Tại đây có đặt 82 tấm bia tiến sĩ bằng đá, khắc các bài văn bia đề danh tiến sĩ Nho học Việt Nam của các khoa thi Đình thời nhà Hậu Lê và nhà Mạc (1442-1779). Tất cả các bia này đều được chế tác theo cùng một phong cách: bia dẹt, trán cong, hình vòm và được đặt trên lưng rùa. Đây là những tấm bia tiến sĩ duy nhất trên thế giới có bài ký (văn bia), không chỉ lưu danh những tiến sĩ đã thi đỗ trong các kỳ thi trải dài suốt gần 300 năm mà còn ghi lại lịch sử các khoa thi và triết lý của triều đại về nền giáo dục và đào tạo, sử dụng nhân tài. Trải qua gần 1.000 năm lịch sử, Văn Miếu - Quốc Tử Giám vẫn giữ được vẻ cổ kính với đặc điểm kiến trúc của nhiều thời đại và là một trong những di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu và quan trọng bậc nhất của Thủ đô Hà Nội và cả nước.

## Thành nhà Hồ



Thành nhà Hồ thuộc địa phận huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Thành nhà Hồ do Hồ Quý Ly - lúc bấy giờ là Tể tướng dưới triều đại nhà Trần - cho xây dựng vào năm 1397. Chỉ sau ba tháng (từ tháng 1 đến tháng 3 năm 1397), thành được xây xong, Vua Trần Thuận Tông dời đô từ kinh thành Thăng Long (Hà Nội) về Thanh Hóa. Tháng 2 năm Canh Thìn (1400), Hồ Quý Ly lên ngôi vua thay nhà Trần và đặt tên nước là Đại Ngu (1400-1407), Thành nhà Hồ chính thức trở thành kinh đô. Thành nhà Hồ trong lịch sử còn có các tên gọi khác là Thành An Tôn, Tây Đô, Tây Kinh, Tây Nhai và Tây Giai. Thành nhà Hồ được coi là tòa thành đá duy nhất còn lại ở Đông Nam Á. Nhờ kỹ thuật xây dựng độc đáo, sử dụng các vật liệu



bền vững, đặc biệt là các khối đá lớn, Thành nhà Hồ được bảo tồn rất tốt trong cảnh quan thiên nhiên hầu như còn nguyên vẹn. Đây là một trong số ít các di tích kinh thành chưa chịu nhiều tác động của quá trình đô thị hóa, cảnh quan và quy mô kiến trúc còn được bảo tồn gần như nguyên vẹn. Ngày 27/6/2011, UNESCO đã công nhận Thành nhà Hồ là Di sản Văn hóa Thế giới.

## Đô thị cổ Hội An



Đô thị cổ Hội An nằm ở địa bàn tỉnh Quảng Nam, cách thành phố Đà Nẵng 30 km về phía Nam. Từ cuối thế kỷ XVI, Hội An từng là trung tâm mậu dịch quốc tế trên hành trình thương mại Đông - Tây, là một trong những thương cảng nhộn nhịp nhất của xứ Đàng Trong - Việt Nam trong triều đại các chúa Nguyễn. Hiện nay, khu phố cổ Hội An được bảo tồn gần như nguyên trạng của một quần thể di tích kiến trúc cổ gồm nhiều công trình nhà ở, hội quán, đình chùa, miếu mạo, giếng, cầu, nhà thờ tộc, bến cảng, chợ... Đây được xem như một bảo tàng sống về kiến trúc và lối sống đô thị.

Ngoài những giá trị văn hóa qua kiến trúc đa dạng, Hội An còn lưu giữ một nền tảng văn hóa phi vật thể đồ sộ. Cuộc sống của cư dân với những phong tục tập quán, sinh hoạt tín ngưỡng, nghệ thuật dân gian, lễ hội văn hóa đang được bảo tồn và phát huy cùng với

cảnh quan thiên nhiên thơ mộng, các làng nghề truyền thống, các món ăn đặc sản... làm cho Hội An ngày càng trở thành điểm đến hấp dẫn của du khách thập phương. Tháng 12/1999, UNESCO đã công nhận Đô thị cổ Hội An là Di sản Văn hóa Thế giới.

## Quần thể di tích Huế







Thuộc địa phận xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, Khu di tích Mỹ Sơn nằm trong một thung lũng có đường kính khoảng 2 km, bao gồm 70 công trình kiến trúc nằm rải rác trên 9 ngọn đồi. Đây được coi là một trong những trung tâm đền đài chính của Ấn Độ giáo ở khu vực Đông Nam Á. Mỹ Sơn là thánh địa Ấn Độ giáo của Vương quốc Chăm-pa. Mỗi vị vua, sau khi lên ngôi, đều đến Mỹ Sơn làm lễ thánh tẩy, dâng cúng lễ vật và xây dựng đền thờ. Đây là điểm duy nhất ở Việt Nam mà nghệ thuật Chăm có quá trình phát triển liên tục từ thế kỷ VII đến thế kỷ XIII. Đền tháp ở Mỹ Sơn được chia thành nhiều cụm, xây dựng theo cùng một nguyên tắc. Kết cấu mỗi cụm gồm có một ngôi đền thờ chính (Kalan), bao quanh bằng những ngôi tháp nhỏ hoặc công trình phụ. Ngôi đền chính tượng trưng cho núi Meru - trung tâm vũ trụ, là nơi hội tụ của thần linh và thờ thần Shiva. Các đền phụ (miếu phụ) thờ các vị thần trông coi các hướng trời. Ngoài ra, còn có những công trình phụ là những ngôi tháp, thường có mái lợp ngói, là nơi khách hành hương sửa lễ, cất giữ đồ tế lễ. Tháng 12/1999, Khu di tích Mỹ Sơn đã được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới.

Quần thể Di tích Huế gồm toàn bộ những di tích lịch sử - văn hóa do triều Nguyễn xây dựng trong khoảng thời gian từ đầu thế kỷ XIX đến nửa đầu thế kỷ XX trên địa bàn kinh đô Huế xưa, nay thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế. Nằm ở bờ Bắc sông Hương, Cố đô Huế được xây dựng trên một mặt bằng với diện tích hơn 500 ha và được giới hạn bởi 3 vòng thành theo thứ tự ngoài lớn, trong nhỏ, gồm ba tòa thành lồng vào nhau: Kinh thành Huế, Hoàng thành Huế và Tử cấm thành Huế. Xuyên suốt cả 3 tòa thành này là những công trình kiến trúc quan yếu nhất như: Nghinh Lương Đình, Phu Văn Lâu, Kỳ Đài, Ngọ Môn, điện Thái Hòa và điện Càn Chánh... Đây là quần thể di tích tiêu biểu cho những thành tựu về kiến trúc, điêu khắc, thẩm mỹ và sức lao động sáng tạo của con người Việt Nam trong suốt một thời gian dài, đặc biệt là trong nghệ thuật và kiến trúc. Tháng 12/1993, UNESCO đã quyết định công nhận Quần thể Di tích Huế là Di sản Văn hóa Thế giới.

## Khu di tích Mỹ Sơn



## Địa đạo Củ Chi



Thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh, cách trung tâm thành phố 70 km về phía Tây Bắc. Địa đạo Củ Chi là một di tích lịch sử cách mạng nổi tiếng, được bắt đầu xây dựng trong khoảng thời gian 1946-1948. Đây là nơi cư dân địa phương trú ẩn, tránh các cuộc càn quét của quân Pháp, đồng thời cũng là nơi trú ẩn của quân Việt Minh. Địa đạo Củ Chi là một công trình kiến trúc độc đáo, có một hệ thống đường hầm nằm sâu trong lòng đất, nhiều tầng, nhiều ngõ ngách như mạng nhện, tổng chiều dài trên 200 km, có nơi ẩn ở, hội họp và chiến đấu... Địa đạo Củ Chi gồm hai điểm cụ thể: Bến Dược và Bến Đình. Địa đạo Bến Dược là căn cứ khu ủy và quân sự khu Sài Gòn - Gia Định được bảo tồn tại ấp Phú Hiệp, xã Phú Mỹ Hưng. Địa đạo Bến Đình là căn cứ Huyện ủy huyện Củ Chi, được bảo tồn tại ấp Bến Đình, xã Nhuận Đức. Địa đạo Củ Chi là biểu hiện cho ý chí kiên cường, trí thông minh, niềm tự hào của người dân Củ Chi, là biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng của dân tộc Việt Nam. Củ Chi đã được Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam phong tặng danh hiệu "Đất thép thành đồng". Địa đạo Củ Chi đã đi vào lịch sử đấu tranh anh hùng của nhân dân Việt Nam như một huyền thoại của thế kỷ XX và trở thành một địa danh nổi tiếng trên thế giới.



# LỄ HỘI



## Lễ hội Đền Hùng - Phú Thọ

Lễ hội đền Hùng hay còn gọi là giỗ tổ Hùng Vương được tổ chức từ ngày mùng 8 đến ngày 11 tháng 3 âm lịch, trong đó mùng 10 là chính hội. Lễ hội diễn ra tại đền Hùng, tỉnh Phú Thọ - kinh đô của quốc gia cổ Văn Lang. Đây là lễ hội mang tính quốc gia để tưởng nhớ các vua Hùng đã có công dựng nước. Phần lễ được cử hành rất trọng thể, mang tính quốc lễ. Lễ vật dâng cúng là "lễ tam sinh" (1 lợn, 1 dê và 1 bò), bánh chưng, bánh dày và xôi nhiều màu, nhạc khí là trống đồng cổ. Lần lượt các vị chức sắc, bô lão của các làng xã trong vùng và nhân dân, du khách hành hương vào tế lễ trong các đền thờ. Phần hội gồm có các hoạt động như thi kiệu, lễ hát thờ (hát Xoan), hát ca trù và các trò chơi dân



gian. Ngày 6/12/2012, UNESCO đã chính thức công nhận "Tín ngưỡng Thờ cúng Hùng Vương", biểu tượng của tinh thần đại đoàn kết, truyền thống đạo lý "uống nước nhớ nguồn" của dân tộc Việt Nam, là Di sản Văn hóa Phi vật thể đại diện của nhân loại.

## Lễ hội chùa Hương



Hội chùa Hương diễn ra trên địa bàn xã Hương Sơn, thuộc địa phận huyện Mỹ Đức, Hà Nội. Ngày mùng 6 tháng Giêng âm lịch hàng năm là khai hội, lễ hội thường kéo dài đến hạ tuần tháng 3 âm lịch. Vào dịp này, hàng triệu phật tử cùng du khách khắp bốn phương lại nô nức trải hội chùa Hương, cũng là hành trình về miền đất Phật - nơi Bồ Tát Quan Thế Âm ứng hiện tu hành để nguyện cầu, thể hiện sự thành kính với đức Phật. Trước ngày mở hội, tất cả các đền, chùa, đình, miếu đều khói hương nghi ngút, không khí lễ hội bao trùm cả xã Hương Sơn. Phần lễ của hội chùa Hương rất đơn giản. Ở chùa Hương có lễ dâng



hương, gồm hương, hoa, đèn, nến, hoa quả và thức ăn chay. Lúc cúng có hai tầng ni mặc áo cà sa mang đồ lễ chạy đàn rồi mới tiến dùng đồ lễ lên bàn thờ. Trong lúc chạy đàn có hai vị tăng ni múa rất dẻo và đẹp mắt. Từ ngày mở hội cho đến hết hội, chỉ thỉnh thoảng mới có sư ở các chùa trên đến gõ mõ tụng kinh chừng nửa giờ tại các chùa, miếu, đền. Còn hương khói thì không bao giờ dứt. Lễ hội chùa Hương còn là nơi hội tụ các sinh hoạt văn hóa dân tộc độc đáo như bơi thuyền, leo núi và các chiếu hát chèo, hát văn... Lễ hội này có sức thu hút đặc biệt với khách thập phương bởi hành trình ngồi trên thuyền văn cảnh dọc suối Yến và đường vào non tiên cõi Phật rất thi vị.

## Hội Lim



Hội Lim là một lễ hội lớn đầu xuân, diễn ra từ ngày 12-14 tháng Giêng âm lịch hàng năm, trên địa bàn huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, xưa được gọi là vùng Kinh Bắc, bao gồm những làng xã cổ nằm quanh núi Lim và đôi bờ sông Tiêu Tương. Hội mở đầu bằng lễ rước. Đoàn rước có sự tham gia của đông đảo người dân với những bộ lễ phục xưa, sắc sỡ, cầu kỳ, kéo dài tới gần 1 km. Trong phần lễ có tục hát Quan họ thờ thần. Các liền anh, liền chị Quan họ đứng thành hàng trước cửa làng Hồng Vân (thờ ông Nguyễn Đình Diễn, quan trấn phủ xứ Thanh Hóa, người sinh ra tại thôn Đình Cả, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du) hát vọng để ca ngợi công lao của thần. Phần hội diễn ra nhiều trò chơi dân gian như đấu võ, đấu vật, đấu cờ, thi dệt củi, nấu cơm, ... nhưng đặc sắc hơn cả là phần hát hội, diễn ra khoảng gần trưa, được tổ chức theo hình thức du thuyền hát Quan họ đối đáp giữa liền anh và liền chị. Tối ngày 12 là đêm hội hát thi giữa các làng Quan họ.

## Hội Gióng

Được tổ chức từ ngày 6-8 tháng Giêng âm lịch hàng năm, Hội Gióng là lễ hội tưởng nhớ và ca ngợi chiến công của người anh hùng Thánh Gióng, một trong "tứ bất tử" của tín ngưỡng dân gian Việt Nam. Lễ hội mở phỏng một cách sinh động diễn biến các trận đấu của Thánh



Gióng và nhân dân Văn Lang trong cuộc chiến chống giặc Ân, thông qua đó giáo dục lòng yêu nước, truyền thống thượng võ, ý chí quật cường và khát vọng độc lập, tự do của dân tộc. Hội Gióng được tổ chức ở nhiều nơi, nhưng tiêu biểu nhất là ở đền Sóc (huyện Sóc Sơn, Hà Nội). Theo truyền thuyết, sau khi đánh thắng giặc Ân, xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn là nơi dừng chân cuối cùng của Thánh Gióng trước khi bay về trời. Để tưởng nhớ công lao của Đức Thánh, tại đây, nhân dân đã xây dựng Khu di tích đền Sóc bao gồm 6 công trình, trong đó có tượng đài Thánh Gióng và nhà bia. Ngày 6/11/2010, Hội Gióng đền Phù Đồng và đền Sóc Sơn đã được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Phi vật thể đại diện của nhân loại.

## Lễ Khao lề thế lính





Lễ Khao lễ thế linh là một lễ hội được nhân dân huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi duy trì hàng trăm năm nay, thường được tổ chức vào ngày 20 tháng 2 âm lịch hàng năm. Thời gian đầu khi mới thành lập Đội Hoàng Sa, cứ hàng năm, người của đảo Lý Sơn lại được tuyển mộ vào đội này làm binh, phu đi khai thác và bảo vệ Hoàng Sa và Trường Sa. Những chàng trai này thay thế cho đội quân đã ra đảo từ năm trước để tiếp tục nhiệm vụ, vì thế gọi là “thế linh”. Lễ Khao lễ thế linh là một lễ hội độc đáo nhằm ghi nhớ công ơn người xưa. Lễ hội được tổ chức tại Âm Linh Tự vào các ngày 18, 19, 20 tháng 2 âm lịch hàng năm. Lễ hội tổ chức rất công phu với nhiều công đoạn, song đặc biệt hơn cả là hình thức thả thuyền giấy ra biển, ngụ ý việc ra biển sẽ vẫn mãi mãi được tiếp nối, duy trì. Những ngày này, người địa phương còn thực hiện đắp và dọn các ngôi mộ gió của các chiến sĩ hải đội Hoàng Sa (những ngôi mộ được đắp để tưởng nhớ những người đã ra đi và không thể trở về). Lễ hội thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn, khẳng định truyền thống gìn giữ và bảo vệ lãnh thổ và lãnh hải của đất nước.

## Hội đua voi Buôn Đôn



Hội đua voi là một trong những hoạt động của lễ hội văn hóa truyền thống các dân tộc huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, được tổ chức hai năm một lần vào tháng 3 dương lịch. Đây cũng là mùa ong rùng đi lấy mật và cũng là thời điểm bắt đầu làm nương rẫy. Buôn Đôn mở Hội đua voi cùng với các lễ hội khác như: lễ cúng bến nước, lễ cúng sức khỏe cho voi, lễ ăn trâu mừng mùa (lễ đâm trâu), lễ cúng lúa mới (lễ mừng mùa), ngày hội văn hóa công, chiêng... để cầu mong một mùa vụ mới bội thu, mang lại no ấm cho buôn làng. Hội đua voi diễn ra trong một ngày với các hoạt động như voi chạy tốc độ, voi bơi vượt

sông Sêrêpôk, voi đá bóng. Số lượng tham gia từ 15-18 con voi. Hội nhằm tôn vinh tinh thần thượng võ và tài nghệ thuần dưỡng voi của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, đồng thời cũng là dịp để tạ ơn thần linh, cầu mong mùa màng tốt tươi và ấm no cho buôn làng.

## Lễ nghinh Ông



Nghinh Ông là lễ hội dân gian lớn nhất ở Cà Mau có nguồn gốc xa xưa của người Chăm được người Việt tiếp thu, phát triển. Nghinh Ông là tưởng nhớ công ơn của loài cá voi – được coi là vị thần Đại tướng quân Nam Hải đã nhiều lần cứu giúp dân đi biển vượt qua sóng to gió lớn. Đây cũng là lễ hội cầu cho biển lặng, gió hòa, ngư dân làm ăn may mắn, phát đạt, an Khang. Lễ hội được tổ chức trong ba ngày: 14, 15, 16 tháng 2 âm lịch hàng năm tại thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Ngày 15 là chính hội, nghi lễ bắt đầu từ 14 giờ, chủ lễ cùng ban trị sự Lăng Ông trang trọng thỉnh lư hương lên kiệu (long đình), được 8 học trò lễ khiêng và theo hầu. Các đội trống lân, cờ ngũ sắc, đội binh khí: kích, kiếm, bát xà mâu; đoàn múa mâm... ăn mặc lễ phục xếp thành hai hàng dài từ chánh điện ra tới ngoài sân. Khi diễu hành, bà con trong vùng cũng nhập đoàn đi theo. Trước đó đã có hàng trăm chiếc tàu đánh cá của ngư dân trong và ngoài tỉnh được trang trí cờ hoa neo đậu dưới bến sông. Tàu chủ là chiếc tàu lớn (hoặc 3 chiếc) được chọn đi nghinh Ông. Tàu chủ được trang hoàng dây cờ, băng rôn lồng lẩy nhất. Các nghi lễ chính diễn ra trên tàu này. Đoàn tàu xuất bến ra biển, rằm rộ và sôi động cả một vùng nước. Nếu gặp Ông phun nước (tiếng địa phương gọi là Ông “dội”) thì rước Ông về ngay. Nếu không gặp thì chủ lễ đọc bài “Nguyên hương” và xin “keo”, khi nào xin được thì thỉnh Ông về. Thường thì tàu ra tới vùng nước xanh xa bờ 5, 7 cây số. Về đến Lăng Ông mới tổ chức nghi thức tế lễ chính và thỉnh Ông vào chánh điện an vị. Bà con và khách thập phương dâng cúng phẩm vật tại đây cho đến khuya.



# ẨM THỰC VIỆT NAM



## NGHỆ THUẬT CỦA SỰ CÂN BẰNG TINH TẾ

Nếu chỉ được dùng một từ để nói về ẩm thực Việt Nam, nhiều người sẽ chọn từ “cân bằng”. Về cơ bản, các món ăn Việt Nam thường có sự cân bằng cả về nguyên liệu lẫn cách thức chế biến: không sử dụng quá nhiều muối hay chất béo, cũng như không lạm dụng các hình thức chiên, xào với nhiều dầu mỡ - vốn được coi là nguồn cơn của rất nhiều căn bệnh.

Sự tươi mới của thực phẩm luôn là yếu tố quan trọng hàng đầu trong ẩm thực Việt. Nhiều bà nội trợ dù bận đến mấy cũng cố gắng đi chợ mỗi ngày. Một đầu bếp Việt đích thực thường không lạm dụng gia vị để giữ được hương vị ngọt của thịt tươi, hải sản rói rói mùi biển cả. Món chính cùng các món ăn kèm luôn có sự nâng đỡ, bổ sung cho nhau rất tốt cả về dinh dưỡng và khẩu vị. Chẳng hạn, nem rán - món ăn được rất nhiều người nước ngoài biết đến và ưa thích - thường được ăn cùng rau sống tươi non và dưa góp cùng nước mắm chua ngọt có tỏi và tiêu, vừa bổ sung vitamin, chất xơ, vừa hỗ trợ tiêu hóa.



Mặc dù không được sử dụng quá nhiều, nhưng các loại gia vị trong bếp Việt luôn được gia giảm khéo léo, vừa đủ để món ăn thực sự “lên hương”. Ví như, phở Bắc đúng điệu không thể thiếu húng Láng; đậu phụ ắt đi kèm với kinh giới; trứng vịt lộn phải có gừng và rau răm. Chẳng thế mà tục ngữ Việt Nam có câu: “Thịt dày xanh, không có hành không ngon” (xanh: một loại nòi).

Một yếu tố nữa có tính “toàn quốc” của ẩm thực Việt, không thể không nhắc đến, là nước mắm. Trên dải đất hình chữ S này, thứ mà căn bếp nào cũng có chính là nước mắm. Nhiều nơi làm được mắm ngon, nhưng nổi tiếng nhất có lẽ là nước mắm Phú Quốc (Kiên Giang). Những người dân ở hòn đảo lớn nhất của Việt Nam này có gần 200 năm kinh nghiệm làm nước mắm. Có nhiều loại cá có thể cho nước mắm ngon, nhưng nước mắm Phú Quốc chỉ sử dụng cá cơm. Cá được ủ muối ngay khi vừa đánh bắt lên từ biển nên nước mắm có độ đậm rất cao. Độ đậm cao của loại nước mắm này khiến nó được coi là “thần dược” giữ ấm cơ thể cho những người thợ lặn khi không có đồ lặn chuyên dùng. Trước khi ngậm mình xuống làn nước lạnh, họ thường uống một bát nước mắm cốt. Còn vị thơm ngon ư? Chỉ một chén nước mắm Phú Quốc đậm ốt, nhiều người có thể “đánh bay” cả nồi cơm gạo mới dẻo thơm.

Ở nhiều nước châu Á, đôi dưa là “công cụ” không thể thiếu khi dùng bữa. Nhưng dưa Việt truyền thống vẫn có nét riêng. Dưa thường làm bằng nguyên liệu tự nhiên như tre, gỗ, nhất là gỗ dưa già; dài hơn và không trơn láng bằng dưa inox của Hàn Quốc, không thon nhọn và có khía ở đầu hay sơn phết với hoa văn cầu kỳ như dưa Nhật Bản mà mộc mạc, hồn hậu như những người dân quê áo vải.

Bên cạnh những đặc điểm chung ấy, ẩm thực ở mỗi vùng miền trên đất nước trải dài hơn 1.600 km với nhiều hình thái khí hậu khác nhau cũng có những nét riêng độc đáo. Ở miền Bắc, nơi 4 mùa có sự phân định khá rõ ràng, khẩu vị “ôn hòa”: không quá mặn, quá ngọt hay quá cay. Mùa nào thức nấy, sản vật tươi mới thường hiện diện trên mâm cơm người Bắc, từ các loại thịt, cá đến các loại rau xanh; khiến người ta đôi khi nhớ nhung quay quắt một món ăn khi mùa chưa tới. Trong khi đó người miền Trung ưa cay, mặn. Từ miền Trung vào đến miền Nam mọi món ăn đều được gia giảm một chút đường ngọt ngào...

Chính vì sự quyến rũ và đa dạng ấy mà ẩm thực là một trong những nỗi nhớ khôn nguôi của những người Việt xa xứ và là một trong những “lực hút” quan trọng khiến những người khách phương xa tìm đến với Việt Nam.

NHỮNG MÓN ĂN

# LÀM SAY LÒNG THỰC KHÁCH



# PHỞ

**P**hở là món ăn đặc trưng trong ẩm thực của người Việt Nam, đặc biệt là người dân miền Bắc. Phở xuất hiện ở mọi nơi, từ những gánh hàng rong, những nẻo đường làng quê cho đến các ngõ ngách chốn thị thành, từ những quán ăn vỉa hè, quán bình dân và trong cả các nhà hàng sang trọng.

Hiện có nhiều ý kiến khác nhau về sự ra đời của phở. Một số nhà nghiên cứu cho rằng, từ phở xuất thân từ cách phiên âm tiếng Pháp của từ "pho - /feu/" trong cụm từ "pot au feu", có nghĩa là "thịt hầm" và phở ra đời cùng với quá trình du nhập món thịt bò hầm của Pháp vào Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX.

Phở xuất hiện cùng với quá trình đô thị hóa và ban đầu chỉ được bán ở những đô thị lớn.



Sau khi đã trở nên quen thuộc ở Hà Nội và Nam Định, phở lại theo chân những đầu bếp Nam Định và Hà Nội đến nhiều thành phố, vùng miền khác của Việt Nam. Những ảnh hưởng tại mỗi nơi đã khiến cho phở truyền thống phát triển thêm nhiều dạng thức khác như: phở xào, phở sốt vang, phở trộn, phở chua, phở cuốn, phở chiên phồng (đều là phở bò) hay thành phở gà (ở miền Bắc), phở hải sản và phở khô (ở miền Trung và miền Nam).

Để có bát phở ngon quan trọng nhất là nấu nước dùng. Nước dùng nói chung được chế từ việc hầm xương bò, trong nước dùng có các loại gia vị như: quế, hồi, gừng, thảo quả, đinh hương, hạt mùi... Công thức chung là như vậy, nhưng mỗi người thợ làm phở lại có một bí quyết pha chế nước dùng riêng và chỉ truyền lại cho các thế hệ sau trong gia đình.

Nói về sự hòa quyện tinh tế giữa các loại nguyên liệu và gia vị trong món phở, Đại sứ Pháp tại Việt Nam, ông Jean Noel Poirier chia sẻ trong một bài phỏng vấn với báo Người Lao động: "Tôi mê ẩm thực Việt về sự sáng tạo và hòa trộn của các nguyên liệu và gia vị trong chế biến thức ăn. Ví dụ như, bát phở ngon chủ yếu là do nước dùng, phở bò tái chín tổng hợp được thật nhiều mùi hương và vị".

Bánh phở, theo truyền thống, được làm từ bột gạo, tráng thành tấm mỏng rồi cắt thành sợi. Bánh phở thường được kết hợp với gia vị và rau như: hành lá, hạt tiêu, rau mùi và chanh thái lát hoặc giấm ớt. Sự thành công của người nấu chính là đã làm cho tất cả những nguyên liệu từ nước, bánh phở đến thịt, rau thơm đều hòa quyện với nhau làm một, tạo nên một hương vị hấp dẫn, độc đáo riêng của món phở Việt Nam.

Nhà văn Thạch Lam từng viết trong một tác phẩm của mình: Phở ngon phải là phở "cổ điển", đó là phở bò, nước dùng được nấu bằng xương bò, trong và ngọt, bánh phở phải dẻo mà không nát, thịt mỡ gàu giòn chứ không dai, chanh ớt với hành lá đủ cả, "rau thơm tươi, hồ tiêu bắc, giọt chanh cốm gắt, lại điểm thêm một ít cà cưỡng, thoảng nhẹ như một nghi ngờ".

Năm 2014, món phở bò của Việt Nam đứng đầu danh sách 40 món ăn ngon của thế giới nên thử một lần trong đời do Business Insider bình chọn.





# NEM RÁN

**N**em rán là cách gọi của người miền Bắc, còn người Nam gọi là chả giò. Nem là đặc sản hoàn toàn của người Việt Nam. Món ăn này xuất phát từ miền Bắc và thời trước chỉ trong ngày Tết, ngày giỗ, đám cưới của nhà giàu, nhà khá giả mới có nem. Do chỉ phục vụ cho vua chúa, tầng lớp quý tộc, nên người Pháp dịch hay nói đúng hơn là đặt cho nem một cái tên Pháp rất sang trọng, quý tộc là “Pa-tê hoàng gia” (Pâté impériale).

Ngày nay, nem rán đã trở thành món ăn quen thuộc trong mọi gia đình Việt Nam. Nó có mặt trong những bữa tiệc sang trọng lẫn các quán cơm bình dân dành cho những thực khách ít tiền.

Nguyên liệu để làm nhân nem rán gồm: thịt lợn nạc (ngon nhất là nạc dăm) băm nhỏ, nấm hương, mộc nhĩ, hành khô, giá sống (hay củ đậu), trứng, hạt tiêu, muối, gia vị... Trong nem tính sơ sơ hơn cả chục hương vị, chưa kể hương vị nước chấm gồm nước mắm pha đường, chanh, ớt, ăn với rau mùi, rau thơm, xà lách.

Tất cả trộn đều rồi dùng bánh đa nem (miền Nam gọi là bánh tráng) đã được nhúng nước cho mềm, gói lại thành những cuốn tròn rồi rán chín vàng trong chảo ngập mỡ. Lửa rán không to, không nhỏ quá để giữ độ giòn của vỏ, nhân chín vẫn giữ được màu của rau.

Bánh đa nem phải kén loại bánh tráng mỏng và dai để gói thì nem rán sẽ ngon hơn, vỏ giòn mà không bị vỡ.

Nước chấm nem rán phải pha chế thật ngon, khéo điều hòa giữa vị mặn của nước mắm ngon, vị ngọt của mì chính, đường (nếu pha bằng nước dừa tươi thì không cần đường), vị chua của chanh (hay dấm) rồi hòa chung với nước lọc, thêm vào ít tỏi băm nhỏ, vài lát ớt tươi sao cho vừa đủ độ mặn, ngọt, chua, cay, dậy mùi thơm của tỏi, ớt.

Ăn kèm với nem rán là các loại rau sống gồm: xà lách, mùi, húng láng, kinh giới... và dưa góp được làm từ đu đủ xanh, su hào, cà rốt thái lát mỏng ngâm dấm đường.

Ngày nay, người ta đã đa dạng hóa nem rán với đủ loại nhân được làm từ hải sản, cua, ốc, chuối, giò sống, cá, đậu hũ, rau củ... được gói trong các loại bánh tráng khác loại bánh tráng cổ điển như bánh tráng rế, bánh tráng xóp... chấm với tương ớt, sốt chua ngọt. Nhưng những loại nem rán này vẫn không thể nào ngon bằng nem rán truyền thống.

Sự kết hợp hài hòa giữa các loại nguyên liệu, gia vị cũng như màu sắc của món nem rán đã tạo nên sức hấp dẫn đặc biệt của món ăn này. Nem rán Việt Nam cũng đã được kênh truyền hình CNN bình chọn là một trong 40 món ăn ngon nhất thế giới.



# BÚN BÒ HUẾ

**A**m thực Huế có một chiều sâu riêng, mang đậm bản sắc của một vùng đất từng là đô thị, thanh lịch, nhẹ nhàng và từng tiêm. Người Huế thường thích ẩm thực theo ba tiêu chí là đẹp, ngon, rẻ. Một món ăn không đẹp, không phải là một món ăn. Thực khách ưa chuộng bún Huế bởi cái tính “kiểu Huế” của nó. Kiểu Huế là nghèo mà vẫn sang, là sự thanh tao, cầu kỳ, tỉ mỉ từ hương đến sắc khiến cho người thưởng thức không chỉ cảm nhận được cái ngon của món ăn mà còn cảm nhận được cái hồn của người chế biến. Món ăn cũng phần nào thể hiện tâm tính của người Huế, đặc biệt là người phụ nữ Huế: nhẹ nhàng, kín đáo, cần cù, tỉ mỉ và đặc biệt là rất chu toàn.

Gọi là bún bò Huế vì cái gốc của món ăn này ở tại Huế. Bát bún bò Huế trông thì có vẻ đậm bạc nhưng lại rất thanh lịch và đem lại cho thực khách một cảm nhận trọn vẹn của nghệ thuật ẩm thực.

Bún bò Huế, nguyên gốc tại Huế thì phải nấu với bún Vân Cù, được sản xuất tại làng Vân Cù, thuộc xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, cách Huế khoảng 10 km về phía Tây Bắc. Nguyên liệu chính để nấu bún bò Huế là thịt bò và giò heo. Thịt bò thì phải chọn loại thịt đùi nạc, có gân. Giò heo thì lại phải là giò sau lấy đoạn từ khuỷu chân xuống đến móng giò. Rồi đem tất cả rửa sạch, cạo lông giò heo, luộc khoảng nửa giờ cho đến khi nước sôi thì bớt lửa, canh lửa riu riu để hầm cho thịt mềm, thường xuyên vớt bọt cho nước trong. Tiếp đến đem thả cây sả đập dập vào nồi nước hầm thịt đang sôi. Nếu sả tạo nên hương thì mắm ruốc lại tạo nên vị cho tô bún. Mắm ruốc phải đánh cho tan loãng rồi gạn bỏ bã. Ruốc ném phải vừa đúng phân lượng để tạo một mùi thơm phảng phất và vị ngọt đậm đà. Nếu thiếu ruốc nêm, nước bún sẽ nhạt nhẽo, kém vị. Nhưng thừa ruốc nêm, nước bún sẽ có mùi nặng nề, không thơm.

Người Huế nổi tiếng bởi sự cầu kỳ trong “vẻ đẹp” của món ăn. Tô bún bò trông vẻ đậm bạc mà cũng chẳng kém phần thanh lịch với nước bún trong, lộ ra những sợi bún trắng nằm

xếp lớp, vài lát ớt màu đỏ nổi bật trên nền xanh pha trắng của rau hẹ, quện với những vầng sao của tinh dầu sả. Miếng giò heo trắng ngà vàng với lớp da mỏng, thêm màu nâu đỏ với những đường vân vàng nhạt của lát thịt bò bấp, bên cạnh tô

là đĩa rau ghém với bắp chuối xắt lát và những cong rau quế xanh, giá trắng tò điểm thêm cho tô bún vẻ thanh tao, nhẹ nhõm.

Cuộc sống thay đổi và tô bún bò Huế cũng thay đổi theo. Ngày nay, ở mỗi nơi, mỗi gánh hàng người ta lại có thêm một vài khác biệt. Nơi có thêm những viên chả cua, chả heo, nơi xào thịt bò, nơi lại chỉ nhúng qua... Dầu rằng có những thay đổi, có những khác biệt nhưng có đi đến đâu, tìm đến chỗ nào, thưởng thức theo cách nào thì người ta vẫn cảm nhận được cái chất riêng đậm bạc, thanh nhã nhưng đậm đà của tô bún Huế.

Món ăn Huế cũng đã theo chân người Huế đến với nhiều vùng miền khác nhau, các món ăn có thay đổi chút ít để phù hợp với khẩu vị địa phương. Chỉ cần vượt qua Đèo Hải Vân là đã có nhiều đổi khác. Tại Đà Nẵng, quán Bún bò nổi tiếng trên đường Thống Nhất, tô bún lớn hơn, nhiều thịt, gân bò và nhiều mỡ hơn. Khi đến Sài Gòn, có nơi tô bún bò Huế đã trở thành...tô “Phở Bún”.

Ngày nay, người Huế sành ăn vẫn thường tìm đến quán bún bò Mụ Rót rất nổi tiếng từ những năm 60 -70 của thế kỷ XX bởi vẫn còn giữ được hương vị đậm đà của món bún bò Huế xưa. Quán không có biển hiệu, chỉ là một căn nhà nhỏ nằm trên đường Tô Hiến Thành ngay sau lưng chùa Diệu Đế.

Ngoài ra, thực khách đến Huế muốn thưởng thức tô bún bò Huế chính hiệu có thể tìm đến các địa chỉ để tìm hơn như: Quán Bún bò Huế tại 14 Lý Thường Kiệt, thành phố Huế; Quán bún Bà Tuyết, địa chỉ: 37 Nguyễn Công Trứ; Quán bún Bà Tâm, địa chỉ: 43 Nguyễn Công Trứ; Quán bún Bà Phụng trên đường Nguyễn Du, thành phố Huế.





# BÁNH MỠ KẸP THỊT VIỆT NAM

Sau phở, nem cuốn, món bánh mì kẹp thịt Việt Nam đã trở thành một món ăn nổi danh và được yêu thích tại nhiều nước trên thế giới. Đến mức, từ bánh mì Việt Nam đã trở thành

một từ mới trong vốn từ điển của người dân Mỹ.

Bánh mì kẹp thịt Việt Nam là một loại bánh mì ổ làm bằng bột mì, bánh được bỏ dọc, bên trong kẹp pate, thịt, bơ sốt mayonnaise, kèm theo các loại rau củ quả như: hành, dưa chuột, cà rốt, rau mùi... rưới tương ớt và nước tương. Điểm cuốn hút đặc biệt của món ăn này đến từ những nguyên liệu được Việt hóa rất nhẹ nhàng và hợp khẩu vị người ăn. Thay vì dùng bơ động vật béo ngậy, bánh mì kẹp thịt Việt Nam sử dụng bơ dầu từ thực vật. Thêm vào đó, phần đồ chua man mát, giòn giòn sẽ tạo độ cân bằng hoàn hảo với phần nhân thịt mỡ và ngậy. Sự kết hợp hài hòa giữa các thứ nguyên liệu trong bánh mì kẹp thịt Việt Nam thể hiện rất rõ đặc trưng văn hóa ẩm thực của Việt Nam, đó là sự hòa đồng trong đa dạng.

Chiếc bánh mì làm nên loại bánh mì kẹp thịt Việt Nam xuất phát từ bánh mì Baguette do người Pháp đem đến Việt Nam vào những năm đầu thế kỷ XIX. Trong quá trình cải biến, người Sài Gòn đã chế biến Baguette thành bánh mì đặc trưng của Sài Gòn với độ dài ngắn hơn, chỉ khoảng 30 - 40 cm, đồng thời biến tấu bằng cách thêm nhân. Từ đó, món

bánh mì kẹp thịt trở nên quen thuộc và phổ biến ở Sài Gòn. Nhân bánh ngày nay được sáng tạo và chế biến thêm nhiều loại như thịt nướng, xiù mại, phá lấu, chả cá...

Tiện lợi, giá thành phù hợp, món bánh mì kẹp thịt được bán khắp các tuyến đường từ nơi phồn hoa đến xóm lao động nghèo, trong các cửa hàng lớn hay trên các xe đẩy đi vào đến tận cùng ngõ ngách của Sài Thành. Bánh mì đã trở thành món ăn sáng quen thuộc với tất cả mọi giới: từ các nhân viên công sở đến sinh viên, học sinh, người lao động...

Từ Sài Gòn, món ăn này phổ biến ra khắp Việt Nam và tùy từng địa phương mà bánh mì kẹp thịt lại được sáng tạo để phù hợp với khẩu vị của từng vùng và được sử dụng như một món ăn nhanh vào các thời điểm khác nhau trong ngày.

Quá trình đi ra thế giới của món bánh mì kẹp thịt Việt Nam được bắt đầu từ khá sớm. Sau năm 1975, bánh mì kẹp thịt bắt đầu đi theo công đồng người Việt du nhập vào Mỹ, Úc, Canada và trở nên phổ biến tại những quốc gia này. Vào tháng 3/2012, chuyên trang du lịch của The Guardian, một tờ báo nổi tiếng của Vương quốc Anh, đã bình chọn bánh mì kẹp thịt Việt Nam vào loại thuộc 10 món ăn đường phố ngon và hấp dẫn du khách nhất thế giới.



Bánh chưng, bánh dày là loại bánh truyền thống của người Việt thường được dùng trong các dịp lễ, Tết và những dịp cúng tế quan trọng. Người Việt vẫn truyền nhau câu chuyện về sự tích bánh chưng, bánh dày, rằng: sau khi vua Hùng phá được giặc Ân, muốn truyền ngôi cho con, bèn triệu 22 vị quan lang và công chúa đến mà phán rằng: "Ta muốn truyền ngôi cho kẻ nào làm ta vừa ý, cuối năm nay đem trần cam mỹ vì đến để tiến cúng tiên vương cho ta được tròn đạo hiếu thì sẽ được ta truyền ngôi".

Mọi người tỏa đi khắp nơi để tìm của ngon vật lạ. Duy chỉ có công tử thứ 18 là Lang Liêu, sớm mồ côi mẹ, không biết xoay sở ra sao. Một đêm kia được thần chỉ cho cách làm bánh: "Nay đem gạo nếp làm bánh, cái hình vuông, cái hình tròn để tượng trưng hình trời đất rồi dùng lá bọc ngoài, ở trong cho mỹ vị để ngụ ý công đức sinh thành lớn lao của cha mẹ". Lang Liêu làm theo lời thần dạy và được vua cha truyền ngôi.

Bánh chưng, bánh dày từ đó được dân chúng dùng để cúng trong những ngày Tết với ý nghĩa thể hiện lòng biết ơn của con cháu đối với tổ tiên, trời đất.

Bánh chưng hình vuông, tượng trưng cho đất. Bánh được gói bọc bên ngoài bằng lá dong bánh tẻ, lật mặt lá gói vào trong để bánh có màu xanh tự nhiên, đẹp mắt, buộc bằng lạt giang. Bánh được làm bằng gạo nếp với nhân đỗ xanh, thịt lợn, tiêu, hành... Bánh làm xong có hình vuông cạnh từ 15-17 cm, dày khoảng 4-6 cm. Bánh được nấu chín trong thời gian từ 10-12 giờ để đạt hương vị thơm, bùi, béo quyện vào nhau của các loại nguyên liệu.

Bánh chưng đã trở thành một phát ngôn cho triết lý âm thực và văn hóa của người Việt: cách chuẩn bị công phu, chu đáo, kỹ công... thể hiện lòng hiếu đạo của người dân Việt Nam đối với ông bà, tổ tiên. Bánh chưng đã gói ghém cả nền văn minh lúa gạo vào trong lòng văn hóa ẩm thực của dân tộc Việt.

Việc gói bánh chưng và thưởng thức bánh ngày Tết cũng thể hiện nét đẹp văn hóa của người Việt. Sau khi bánh được dâng cúng tổ tiên, mọi người trong gia đình cùng thưởng thức hương vị của bánh. Cắt bánh cũng là cả một nghệ thuật: bánh được chia thành các phần đều nhau cả phần nhân lẫn phần vỏ bánh. Thông thường người ta dùng chính dây lạt buộc bánh để cắt bánh thành 8 miếng hình tam giác với các đường cắt ngang và chéo trên bánh. Bánh chưng từ đó mang dáng dấp của văn hóa người Việt: đoàn kết, chan hòa, chu đáo, công bằng và tôn trọng lễ nghi.

Đi cùng với bánh chưng là bánh dày, cũng được làm từ gạo nếp và cũng được xếp thành từng cặp tượng trưng cho hai mặt âm - dương. Bánh dày có hình tròn, màu trắng mịn, thơm nhẹ mùi nếp mới, hương vị dẻo ngọt, tinh khiết. Bánh được làm từ gạo nếp đồ chín già trong cối đến khi dẻo mịn rồi được nặn thành hình tròn dẹt, đường kính khoảng 5-7 cm, dày khoảng 1 cm. Bánh dùng để cúng thường là bánh trắng không có nhân, khi ăn thường được ăn kèm với giò lụa hoặc muối vừng.

Quá trình chế biến bánh dày cũng thể hiện tinh thần cố kết của người Việt. Để làm được chiếc bánh dày, thông thường đòi hỏi phải có công sức lao động của tập thể: cần ít nhất 3 đến 4 người để cùng nhào, lật, già bột bánh, nặn bánh. Để có chiếc bánh dày dẻo ngon và đẹp mắt cần cả sức mạnh của người đàn ông và sự khéo léo của người phụ nữ.

Với nguyên liệu mộc mạc nhưng cũng quý giá nhất đối với người làm ruộng đó là gạo nếp, chiếc bánh dày thực sự là kết tinh của những giá trị tinh túy, giản dị và công phu của sức lao động và tình cảm trân trọng sản phẩm từ lao động của người Việt.

Bình dị nhưng chứa đựng trong đó là tinh cảm, là đạo lý, là nét đẹp văn hóa của tâm hồn người Việt, tất cả đã làm nên giá trị của bánh chưng, bánh dày.

Bánh chưng Việt Nam được xếp vào danh sách 10 món ăn truyền thống đặc trưng trên thế giới, do tạp chí uy tín National Geographic bình chọn hồi tháng 5/2014.



# TRÀ SEN TÂY HỒ

**T**rà sen Tây Hồ được biết đến như một sự thăng hoa trong nghệ thuật pha trà và thưởng trà của người Hà Nội.

Được tạo nên từ những nguyên liệu được lựa chọn kỹ càng và trải qua quy trình chế biến cầu kỳ, vì thế nhiều người ví trà sen Tây Hồ như là báu vật của đất Hà Thành. Từ hàng trăm năm trước, thú trà sen hảo hạng này chỉ dành để dâng tiến vua quan và những bậc quyền quý.

Quá trình ướp trà sen Tây Hồ vô cùng cầu kỳ và tỉ mỉ. Hoa sen dùng ướp trà phải là thứ sen hương, mỗi bông hơn trăm cánh ở vùng Quảng Bá, Tây Hồ. Bùn ở các đầm sen nơi đây rất màu mỡ nên hoa sen nơi này đẹp và đặc biệt hơn những nơi khác. Sen Tây Hồ có nhiều cánh xếp vào nhau, nhụy vàng thắm, cánh hồng phớt sắc, hương thơm ngào ngạt.

Mùa sen Tây Hồ kéo dài từ trung tuần tháng 5 đến đầu tháng 9. Khi sen ở độ chín và đậm hương nhất, đó cũng là lúc hàng nghìn bông sen được thu hái về để chuẩn bị cho công đoạn ướp trà. Hoa sen phải được hái khi mặt trời chưa lên, khi ấy hoa sen vẫn còn được hương. Những bông sen sau khi chọn sẽ được tách nhị hoa, hay còn gọi là gạo sen - đây là túi hương của bông sen để chuẩn bị cho việc ướp trà. Mỗi lạng gạo sen phải cần tới 80-100 bông hoa và để ướp 1 kg trà mỗi lần cần tới 2 lạng gạo sen, vì thế phải cần đến khoảng 1.400 bông sen để có được 1 kg trà sen.

Để ướp trà, người ta rải một lớp trà mỏng rồi rải một lớp gạo sen mỏng lên trên, lại một lớp trà, tiếp một lớp gạo sen, cho tới khi hết trà và gạo sen, sau cùng phủ giấy can và đem ủ trong một căn phòng ẩm và kín. Thùng gỗ ướp trà tốt nhất là sử dụng quả ăn hỏi. Cứ 4-6 tiếng phải mở nắp thùng gỗ đảo qua trà một lần cho nhiệt độ giảm đi để gạo sen không bị ủng. Tùy theo độ ẩm của trà và gạo sen, trà sẽ được ướp trong khoảng thời gian từ 36 - 48





Đối với người Việt Nam, trà sen được xem như một sản vật đại diện cho văn hóa và tính cách của người Việt. Ngày nay, trà sen đã được nhiều doanh nghiệp Việt Nam đầu tư sản xuất và cho ra đời nhiều sản phẩm đa dạng và tiện lợi như dạng trà túi nhúng để mang trà sen đến được với nhiều người tiêu dùng hơn.

Khi ướp trà, chỉ tách lấy nhụy sen (gạo sen) để ướp. Cứ một lớp trà mỏng, rồi một lớp gạo sen xếp dày hủ sành nhỏ, sau đó đem ủ trong một căn phòng kín và ẩm trong 3 ngày, rồi lại sàng gạo sen cũ đi, sấy khô trà và lại tiếp tục ủ với gạo sen mới. Cứ làm như vậy khoảng 7 lần thì mới được một mẻ trà sen. Mỗi lần ướp không quá 3 kg trà.

Mỗi độ thu về, người Hà Nội lại có một thú vui tao nhã là thưởng thức trà sen với cốm hoặc bánh cốm làng Vòng - loại bánh rất đặc biệt chỉ riêng Hà Nội mới có. Cốm làng Vòng (thuộc địa phận quận Cầu Giấy bây giờ) nổi tiếng dẻo và thơm ngon nhất xứ kinh kỳ. Được làm từ lúa nếp non, cốm chính là kết tinh của sự chăm đàng, cần cù và sáng tạo của người nông dân trồng lúa.

Để có được những chiếc bánh cốm xanh rền, thơm ngon, ngọt bùi, phải trải qua một quy trình chế biến rất cầu kỳ. Cốm dùng làm bánh phải là dạng cốm già, nghĩa là lúa cắt ở thời điểm hạt đã chắc xanh, vì cốm non khi vào đường sẽ tan hết, không dùng làm vỏ bánh được. Cốm làm xong sấy khô, đựng vào chum, vại, hoặc đóng gói thật kín cho khỏi ẩm. Khi làm bánh, cứ 1 kg cốm cho khoảng 1,3 lít nước, trộn cho hạt cốm mềm, rồi pha tỷ lệ một đường một cốm, đặt lên bếp đun và đảo đều tay, nếu non thì bánh nhão, quá lửa thì bánh có mùi khét. Đến khi gần được thì thêm ít giọt nước cất từ hoa bưởi, nhờ có tinh hoa bưởi mà bánh cốm có hương vị đặc biệt.

Bánh cốm ngon thường có màu xanh ngả vàng tự nhiên của cốm non, bánh mỏng, dẹt, có thể nhìn rõ cả lớp đậu xanh óng trong nhân bánh.

Bởi hương vị rất hợp nhau, vậy nên hai nét tinh túy trong văn hóa ẩm thực của Hà Nội là trà sen Tây Hồ, bánh cốm làng Vòng còn được chọn để đi cùng với nhau trong mâm lễ cưới hỏi của người Hà Nội.

giờ rồi mang ra sàng bỏ gạo sen cũ đi và sấy. Trà phải được sấy sao cho hơi nước bay đi nhưng hương sen còn đọng lại. Chu trình ướp - sấy này được lặp đi lặp lại nhiều lần cho đến khi trà thơm theo yêu cầu thì dừng lại. Đó cũng là lúc trà đã thực sự ngấm hết mùi hương của sen để sẵn sàng mang đến cho người thưởng thức. Câu kỳ là vậy, nên riêng với trà sen Tây Hồ, những người có kinh nghiệm ướp trà ngon đều được tôn là bậc nghệ nhân.

Ướp trà sen Tây Hồ đã cầu kỳ, thưởng trà sen Tây Hồ cũng cầu kỳ không kém. Một nơi lý tưởng để thưởng trà sen Tây Hồ cổ truyền là dưới mái hiên nhà trông ra phía hồ sen. Người thưởng trà ngồi xếp bằng trên sập gỗ. Trong lúc thưởng trà, người thưởng trà còn được chiêm ngưỡng những bông sen mới nở và tận hưởng không gian thanh khiết, trong lành. Trà sen khi pha có nước màu vàng như mật ong và mùi thơm thoang thoảng rất dễ chịu. Để thưởng thức hết vẻ đẹp của trà sen, người thưởng thức cần có một tâm hồn tinh tế, chân thành và tĩnh tâm. Người thưởng trà có thể ngắm cảnh, làm thơ, hàn huyên tâm sự hay trầm ngâm tự tại, do đó, không gian uống trà thường rất tĩnh lặng. Lối thưởng trà giản dị và thanh tao này cũng chính là một nét đặc trưng của nghệ thuật Trà đạo Việt Nam.

# ÁO DÀI VIỆT NAM - QUỐC PHỤC CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT



Phụ nữ Việt Nam từ xưa đến nay vẫn luôn song hành với chiếc áo dài duyên dáng. Từ những nhân vật quyền quý thuộc giới hoàng thân, quốc thích cho tới người dân thường, từ những cư dân chốn đô thị phồn hoa tới người dân quê, trong sinh hoạt đời thường đến các dịp trọng đại, lễ hội... áo dài Việt Nam từ lâu đã trở thành trang phục truyền thống được tôn vinh với tất cả niềm kiêu hãnh của người phụ nữ Việt.



Không thể xác định niên đại chính xác của áo dài, hình ảnh chiếc áo dài Việt Nam với hai tà áo thướt tha trong gió đã được tìm thấy qua các hình khắc trên mặt trống đồng và hiện vật Đông Sơn cách đây hàng nghìn năm.

Ngay cả trên những tranh khắc của Trống đồng Ngọc Lũ cách đây vài nghìn năm đã thấy thấp thoáng bóng dáng của tà áo dài với hình tranh khắc phụ nữ mặc trang phục với hai tà áo xẻ.

Kiểu sơ khai của chiếc áo dài xưa nhất được ghi lại là áo dài Giao Lãnh, tương tự như áo tứ thân nhưng khi mặc thì hai thân trước để giao nhau mà không buộc lại. Áo mặc phủ ngoài yếm lót, váy tơ đen, thắt lưng màu bông thắm.

Do kỹ thuật dệt vải lúc đó còn thô sơ, vải được dệt thành từng mảnh khổ nhỏ nên chiếc áo giao lãnh dần được thu gọn thành kiểu áo tứ thân. Áo gồm hai mảnh đằng sau chập lại giữa sống lưng, hai mảnh trước thắt lên và buông xuống thành hai tà áo ở giữa, mặc trong có yếm đào với váy thắm. Áo tứ thân thích hợp cho người phụ nữ miền quê quanh năm cần cù bươn chải, gánh gồng tháo vát.

Chiếc áo dài đã được định hình và chính thức công nhận là quốc phục dưới thời chúa Nguyễn Phúc Khoát (1739-1765). Ông lấy mẫu áo dài của người Chăm kết hợp xẻ tà và mặc cùng với quần. Cách phục trang này đã được quy định trong hiến dụ của ông.

Vào thời Vua Gia Long (1802-1819), chiếc áo dài tứ thân được biến cải thành áo ngũ thân, rất phổ thông trong giới quyền quý và dân thành thị nhằm thể hiện sự giàu sang cũng như địa vị xã hội của mình.

Áo ngũ thân cũng được may như áo tứ thân, nhưng vạt áo bên phải phía trước chỉ được may bằng một thân vải, còn vạt áo bên trái được may bằng hai thân vải. Từ đây áo dài bước qua một trang sử khác và hé lộ nhiều dáng dấp của áo dài ngày nay.

Đầu thế kỷ XX, áo dài Le Mur của họa sĩ Cát Tường, đã thực hiện một cuộc cải cách quan trọng trên chiếc áo tứ thân để biến nó chỉ còn lại hai vạt trước và sau. Vạt trước nổi





dài chấm đất để tăng thêm dáng vẻ uyển chuyển trong bước đi thân trên được may ôm sát theo những đường cong cơ thể người mặc, tạo nên vẻ yêu kiều và gợi cảm rất độc đáo. Hàng nút phía trước được dịch chuyển sang dọc theo vai và sườn phải như chúng ta vẫn thấy ngày nay.

Nói tiếp họa sỹ Cát Tường, năm 1934, họa sỹ Lê Phổ đã bỏ bớt những nét tân kỳ và thêm vào đó những nét lấy từ áo tứ thân, ngũ thân truyền thống tạo ra một kiểu áo vạt dài cổ kính, ôm sát thân người, nối vai và tay không phồng lên, cổ kín, cài nút bên phải. Tà áo dài thời kỳ này đã thực sự tôn lên vóc dáng và vẻ yêu kiều thướt tha của người phụ nữ Việt: gợi cảm nhưng kín đáo, nhẹ nhàng nhưng có sức lôi cuốn mạnh mẽ.

Năm 1960, nhà may Dung ở Sài Gòn đã đưa ra kiểu may áo dài với cách ráp tay giác lăng (raglan), giải quyết được vấn đề khó khăn nhất khi may áo dài: những nếp nhăn ở hai bên nách. Với cách này làn vải được bo sát sao theo thân hình từ dưới nách đến lườn eo, ôm khít từng đường cong của thân hình người phụ nữ, tạo thêm tính thẩm mỹ và hoàn thiện chiếc áo dài Việt Nam.

Cuối thế kỷ XX và những năm đầu của thế kỷ XXI, tà áo dài Việt Nam với muôn màu, muôn vẻ đã ra mắt bạn bè năm châu trong các cuộc thi sắc đẹp, các sự kiện nghệ thuật và đã trở thành quốc phục với bao niềm kiêu hãnh, tự hào, quảng bá hình ảnh tà áo dài Việt Nam đầy quyến rũ và mê hoặc ra toàn thế giới.



## NHÀ THIẾT KẾ MINH HẠNH MẢI MIẾT TÌM KIẾM TÔN VINH VẺ ĐẸP TÀ ÁO DÀI VIỆT NAM

**T**rong làng thời trang Việt Nam và quốc tế, nhắc đến nhà thiết kế Minh Hạnh, điều đầu tiên người ta nghĩ đến là chiếc áo dài. Hơn 20 năm qua, chị là người đã có công mang hồn phách dân tộc đến với bạn bè quốc tế qua tà áo dài Việt Nam.

“Tầm lớp 1, bắt đầu biết thế nào là đẹp, thấy mẹ mặc áo dài tôi quá thích. Đó là những năm 1960, mẹ mặc áo dài lụa cổ cao, chít eo, tà dài là lướt. Đi phố mẹ mặc áo dài, đi chợ cũng mặc. Điều đó khiến tôi xúc động, tôi tự nhủ phải may bằng được áo dài cho búp bê của mình”. Những xúc cảm đặc biệt từ tuổi bé của Minh Hạnh đã gieo mầm cho những đam mê sau này. Kể từ đó, chiếc áo dài đã trở thành nguồn cảm hứng bất tận, thậm chí, một phần máu thịt của chị.

Quá trình sáng tạo với chiếc áo dài truyền thống Việt Nam của Minh Hạnh lấy cảm hứng thiết kế chủ đạo từ việc giữ gìn và phát huy vẻ đẹp dân tộc thông qua các chất liệu rất riêng của dân tộc như thổ cẩm, lụa, sừng... Khi đưa vào các thiết kế áo dài, những chất liệu truyền thống này được biến tấu để vừa giữ được bản sắc riêng, vừa phù hợp với xu hướng thời trang hiện đại.

Một trong những dấu ấn thành công đầu tiên của Minh Hạnh với chiếc áo dài chính là giải thưởng tại cuộc thi thiết kế Makuhari Grand Prix tại Nhật vào năm 1997. Sau đó, chị cũng chính là nhà thiết kế của Việt Nam đầu tiên có vinh dự giới thiệu 100 mẫu áo dài



tại đền Kiyomizu Dera, nơi chùa nhà thiết kế nào có cơ hội được trình diễn thời đó, kể cả giới thiết kế Nhật Bản.

Từ đây, con đường đi ra thế giới của chiếc áo dài Việt Nam ngày càng rộng mở. Những bộ sưu tập áo dài của chị đã xuất hiện trên nhiều sân diễn thời trang lớn của thế giới tại Rome (Ý), Paris (Pháp)... Mỗi khi những bộ sưu tập của Minh Hạnh xuất hiện trong các Festival Huế được tổ chức thường kỳ 2 năm một lần đều khiến các vị khách quốc tế trầm trồ ngưỡng mộ.

Với những cống hiến cho nền thời trang Việt Nam và thế giới, năm 2006, nhà thiết kế Minh Hạnh được Pháp phong tặng tước hiệu Hiệp sỹ Nghệ thuật và Văn chương. Ngoài ra, những mẫu trang phục của chị còn được trưng bày tại nhiều bảo tàng trên thế giới tại Mỹ, Pháp.

Đáng nói hơn, hình ảnh thành công và đầy tâm huyết với chiếc áo dài của Minh Hạnh đã khơi dậy niềm đam mê sáng tạo của các nhà thiết kế trẻ với tà áo dài truyền thống Việt Nam. Có thể kể đến một loạt nhà thiết kế trẻ gắn bó sự nghiệp của mình với áo dài như: Võ Việt Chung, Lan Hương, Việt Hùng, Công Trí, Công Khanh... Mỗi người một vẻ, mang đến một hơi thở mới cho chiếc áo dài Việt Nam, nối dài hành trình phát triển không ngừng của tà áo dân tộc.

Bằng những nỗ lực không mệt mỏi của mình, Minh Hạnh đã giúp đưa văn hóa Việt Nam hội nhập với thế giới bằng ngôn ngữ thời trang. Hơn cả một loại trang phục, điều mà Minh Hạnh truyền bá thông qua chiếc áo dài là nét đẹp tâm hồn của dân tộc Việt Nam.

Hơn 20 năm đã trôi qua, nhưng cảm hứng với chiếc áo dài của chị vẫn nguyên vẹn, thậm chí ngày càng đạt dào hơn khi được tiếp lửa bởi chính tình yêu, sự say mê của thế giới đối với áo dài. Cùng với công ty Vietmode nơi chị đang là Giám đốc sáng tạo, những ý tưởng mới vẫn tiếp tục được nuôi dưỡng, cho hành trình tìm và tôn vinh vẻ đẹp của tà áo dài Việt Nam.







Cầu Nhật Tân - Hà Nội

# PHẦN III

## VIỆT NAM TRÊN ĐƯỜNG HỘI NHẬP



Giàn khoan của Petro Viet Nam



Đội chuyên sản xuất của Samsung tại Việt Nam



Thành phố Hồ Chí Minh về đêm

# KINH TẾ VIỆT NAM VƯỜN LÊN SAU 3 THẬP KỈ ĐỔI MỚI



Cầu vượt tại Thành phố Hồ Chí Minh



Tòa tháp Bitexco tại Thành phố Hồ Chí Minh



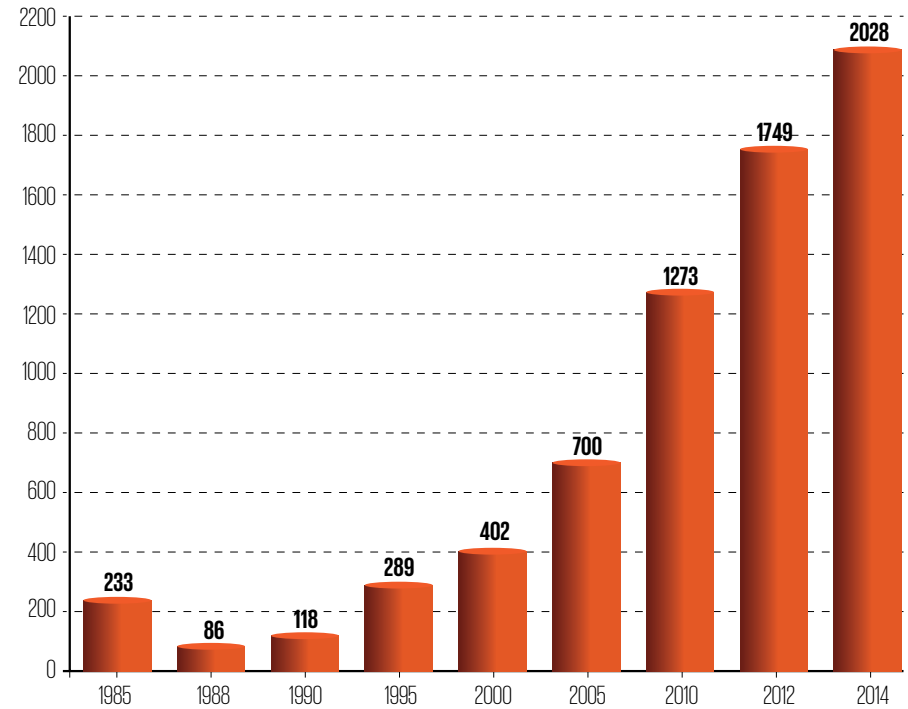
Đường lưới điện 500 KV



Vận chuyển gạo xuất khẩu tại bến cảng

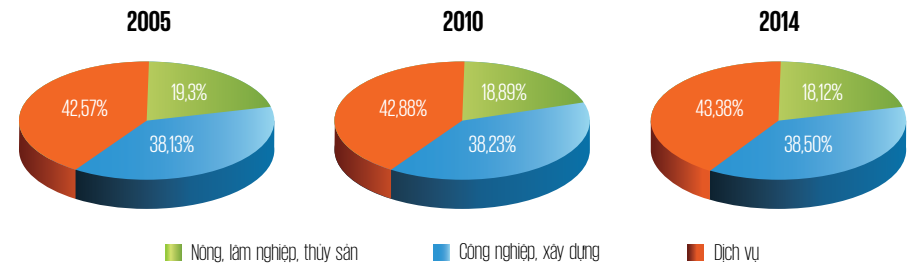
Sau 3 thập kỉ đổi mới và hội nhập quốc tế, Việt Nam đã trở thành một nền kinh tế năng động. Từ một nước chậm phát triển khi bắt đầu đổi mới, nay Việt Nam đã bước vào nhóm nước thu nhập trung bình với GDP bình quân đầu người năm 2014 là 2.028 USD. Với trên 90 triệu người tiêu dùng có thu nhập ngày càng tăng, Việt Nam đang là một thị trường hấp dẫn đối với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

## GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI TÍNH BẰNG USD QUA CÁC NĂM (USD/NGƯỜI)



Tăng trưởng kinh tế từ khi tiến hành đổi mới đến năm 2011 đạt bình quân khoảng 7%/năm. Sau khi tăng trưởng chậm lại trong các năm 2011-2012 do tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, kinh tế Việt Nam đang phục hồi vững chắc, kinh tế vĩ mô ổn định, tăng trưởng kinh tế năm 2013 đạt 5,4% và năm 2014 đạt 5,98%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Năm 2014, tỷ trọng GDP của các ngành nông, lâm, ngư nghiệp là 18,12% (so với 24,5% năm 2000), tỷ trọng của công nghiệp chế biến và xây dựng là 38,5% (so với 36,7% năm 2000), tỷ trọng dịch vụ là 43,38% (năm 2000 là 38,8%).

## CƠ CẤU GDP THEO NHÓM NGÀNH KINH TẾ QUA MỘT SỐ NĂM (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê



Với mục tiêu phấn đấu trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, Việt Nam đang đẩy mạnh cải cách đi đôi với chủ động, tích cực hội nhập quốc tế. Để nâng cao sức cạnh tranh, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, môi trường kinh doanh ngày càng bình đẳng, minh bạch và thúc đẩy chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng bền vững hơn, Việt Nam đang đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế với 3 lĩnh vực trọng tâm là tái cơ cấu đầu tư công, hệ thống ngân hàng và các doanh nghiệp nhà nước. Việt Nam đang nỗ lực hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng.

## Hoàn thành các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDGs)

Đi đôi với phát triển kinh tế, Việt Nam đặc biệt coi trọng phát triển các lĩnh vực xã hội, góp phần cải thiện đời sống mọi mặt của người dân Việt Nam. Sự cam kết mạnh mẽ và quyết tâm của Việt Nam thực hiện các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDGs) được cụ thể hóa bằng việc lồng ghép các mục tiêu MDGs vào các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; cụ thể hóa các mục tiêu này bằng nhiều chương trình quốc gia về giáo dục, y tế, lao động, giảm nghèo, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.

Đến nay, Việt Nam đã hoàn thành 5 trong 8 mục tiêu MDGs trước thời hạn 2015, đặc biệt là mục tiêu xóa đói nghèo, bình đẳng giới, giáo dục phổ thông và y tế. Cụ thể, Việt Nam đã “về đích” sớm đối với mục tiêu xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực và thiếu đói ngay từ năm 2002, tỷ lệ hộ nghèo đã giảm từ 58% trong đầu thập niên 90 của thế kỷ trước xuống còn 5,8-6% năm 2014; hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000; cơ bản hoàn thành mục tiêu về bình đẳng giới và nâng cao vị thế cho phụ nữ; thành công trong việc kiểm soát sốt rét và một số dịch bệnh nguy hiểm; bước đầu ngăn chặn được sự lây lan HIV và đang ở trước ngưỡng có thể hoàn thành mục tiêu giảm tử vong ở trẻ em. Theo Báo cáo phát triển con người (HDR) năm 2013 của UNDP, Việt Nam nằm trong số 40 nước đang phát triển đạt tiến bộ vượt dự kiến về phát triển con người với chỉ số phát triển con người (HDI) tăng 41% trong hai thập kỷ qua. Theo đó, Việt Nam đứng thứ 121/187 quốc gia và vùng lãnh thổ về HDI, được đánh giá ở mức trung bình trên thế giới. Bà Pratibha Mehta, Trưởng đại diện UNDP tại Việt Nam đánh giá: “Việt Nam là một trong những nước rất năng động và đạt được tiến bộ HDI rất nhanh”. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, Việt Nam khẳng định phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt đến năm 2020, phát huy tối đa nhân tố con người, xác định con người là chủ thể, là nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của phát triển. Đây là những minh chứng rõ ràng cho sự nhất quán và quyết tâm cao của Việt Nam trong việc gắn tăng trưởng kinh tế với bảo đảm công bằng và tiến bộ xã hội.

## Hội nhập Quốc tế

Việt Nam đang chủ động, tích cực hội nhập quốc tế với phương châm là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Việt Nam tích cực tham gia và đóng góp có trách nhiệm trong nhiều diễn đàn khu vực và quốc tế quan trọng như Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) (1995), Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM) (1996), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) (1998), Tổ chức



thương mại thế giới (WTO) (2007)... Việt Nam đã được cộng đồng quốc tế tin nhiệm bầu vào Hội đồng Nhân quyền của Liên hợp quốc khóa 2014-2016; đang tích cực ứng cử vào Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020-2021. Năm 2014, Việt Nam đã chính thức tham gia vào lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc nhằm chia sẻ trách nhiệm và đóng góp tích cực vào củng cố môi trường hòa bình, ổn định và hợp tác trên thế giới.

Việt Nam hiện có quan hệ thương mại - đầu tư với hơn 220 quốc gia và vùng lãnh thổ, ký trên 90 hiệp định thương mại song phương, gần 60 hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư, 54 hiệp định chống đánh thuế hai lần với các nước và các tổ chức quốc tế.

Việt Nam đang tiến hành đàm phán FTA với các nền kinh tế hàng đầu thế giới, Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), FTA với EU, FTA với Khối thương mại tự do Châu Âu (EFTA) bao gồm 4 nước Iceland, Liechtenstein, Na Uy và Thụy Sĩ. Tháng 5/2015, Việt Nam đã ký Hiệp định thương mại tự do với Hàn Quốc, Liên minh kinh tế Á Âu bao gồm 5 nước Nga, Armenia, Belarus, Kazakhstan và Kyrgyzstan. Với triển vọng hoàn tất 14 FTA từ nay đến năm 2020, Việt Nam được kì vọng trở thành một mắt xích quan trọng trong mạng lưới liên kết kinh tế rộng lớn với 55 nền kinh tế, trong đó có 15 nước thành viên G20.

## Thương mại

Xuất nhập khẩu của Việt Nam tăng nhanh với tốc độ bình quân 15-20%/năm trong gần 30 năm qua. Năm 2014, kim ngạch xuất khẩu đạt 150 tỷ USD, tăng 13,6% so với năm 2013. Từ một nước nông nghiệp phải nhập khẩu lương thực khi bắt đầu thực hiện đổi mới, nhờ những cải cách sâu rộng trong nông nghiệp, nay Việt Nam trở thành một nước xuất khẩu hàng đầu thế giới về nông sản như gạo, cà phê, hạt tiêu, thủy sản...

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa năm 2014 đạt 148 tỷ USD, tăng 12,1% so với năm 2013, với các thị trường ngày càng đa dạng từ các nước châu Á, châu Âu, châu Mỹ và nhiều khu vực khác, trong đó mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là máy móc thiết bị và nguyên, phụ liệu phục vụ sản xuất.

## Việt Nam - điểm đến hấp dẫn đối với đầu tư quốc tế

Thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) là chủ trương nhất quán của Việt Nam kể từ khi bắt đầu công cuộc đổi mới. Chính phủ Việt Nam cam kết tạo môi trường kinh doanh đầu tư thông thoáng, thuận lợi và bình đẳng cho các nhà đầu tư nước ngoài. Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1987 được sửa đổi, bổ sung cùng với nhiều luật khác như Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư công... đã tạo nên một hệ thống pháp luật đầu tư, kinh doanh ngày càng ổn định và minh bạch.

Kể từ năm 1988 đến ngày 15/12/2014, Việt Nam đã thu hút được 254,3 tỷ USD vốn đăng ký, trong đó 121 tỷ USD đã được giải ngân. FDI là nguồn vốn đầu tư quan trọng của nền kinh tế, chiếm khoảng 25% vốn đầu tư xã hội. Khu vực doanh nghiệp FDI hiện tạo ra 19% GDP của Việt Nam, chiếm khoảng 45% giá trị sản xuất công nghiệp và 65% kim ngạch xuất khẩu, tạo nhiều việc làm cho xã hội. FDI đã thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực quản lý kinh tế, quản trị doanh nghiệp và góp phần đưa Việt Nam tham gia ngày càng sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Theo Báo cáo về đầu tư thế giới 2014 của Tổ chức Thương mại và Phát triển Liên hợp quốc (UNCTAD), Việt Nam là 1 trong 10 điểm đến đầu tư triển vọng đối với các công ty xuyên quốc gia trong giai đoạn 2014-2016. Điều tra của Tổ chức xúc tiến ngoại thương Nhật Bản (JETRO) quý I/2014 cho thấy Việt Nam là một trong những nước hấp dẫn nhất trong ASEAN đối với các doanh nghiệp Nhật Bản khi đầu tư ra nước ngoài. Khoảng 70% doanh nghiệp Nhật Bản đang đầu tư vào Việt Nam có kế hoạch mở rộng kinh doanh trong thời gian tới.

Việt Nam hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài nhờ có những lợi thế: (i) lực lượng lao động trẻ dồi dào với gần 70% người dân trong độ tuổi lao động, một nửa lực lượng lao động ở độ tuổi dưới 34; (ii) nằm ở vị trí kết nối quan trọng trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Việt Nam là một cửa ngõ và giao điểm của nhiều nền kinh tế phát triển năng động trong khu vực. Hệ thống giao thông, cảng biển đang được nâng cấp và từng bước hiện đại tạo thuận lợi cho kết nối kinh tế, thương mại, đầu tư, du lịch với các nước trong khu vực và trên thế giới; (iii) việc Việt Nam đang tích cực thực hiện các cam kết hội nhập quốc tế và tích cực tham gia nhiều liên kết kinh tế quan trọng, đặc biệt là TPP, RCEP..., đang mở ra nhiều cơ hội mới cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước; (iv) chính phủ Việt Nam nhất quán cam kết và nỗ lực không ngừng cải thiện môi trường đầu tư. Giai đoạn 2014-2015, Việt Nam tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính, rút ngắn quy trình xử lý, giảm chi phí hành chính, phấn đấu đến hết năm 2015 đạt mức trung bình về số giờ thực hiện thủ tục hành chính thuế của nhóm ASEAN-6.

Việt Nam ưu tiên thu hút vốn FDI gắn với chuyển giao công nghệ cao, thân thiện với môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, tạo ra sản phẩm có khả năng cạnh tranh và thúc đẩy nền kinh tế tham gia hiệu quả vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Việt Nam đang tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào các lĩnh vực tiềm năng sau đây:

- Về nông nghiệp, Việt Nam là một trong những nước sản xuất và xuất khẩu nông sản có khả năng cạnh tranh. Nhằm mục tiêu xây dựng nền nông nghiệp hiện đại đi đôi với tăng trưởng xanh, Việt Nam đang triển khai nhiều chính sách ưu đãi cho phát triển nông nghiệp, trong đó tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư sử dụng công nghệ cao, chế biến và nâng cao giá trị nông sản.



- Các lĩnh vực công nghệ cao như: công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, vật liệu mới... là các lĩnh vực Việt Nam có nhiều tiềm năng, trong đó riêng ngành công nghệ thông tin có doanh thu khoảng 37 tỷ USD trong năm 2013, tăng 45% so với năm 2012. Chỉ số phát triển công nghệ thông tin của Việt Nam năm 2012 được xếp vị trí thứ 4 khu vực Đông Nam Á và đứng thứ 12/27 nước châu Á - Thái Bình Dương. Nhiều tập đoàn hàng đầu thế giới như Samsung, Nokia, Canon, Intel, Foxconn và Gemtek Technology... đã và đang lựa chọn Việt Nam là một cứ điểm sản xuất quan trọng.
- Hiện đại hóa cơ sở hạ tầng là một trong ba trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam đến năm 2020. Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích đầu tư cơ sở hạ tầng, trong đó mô hình quan hệ đối tác công tư (PPP) ngày càng được coi trọng.
- Việc thực hiện các cam kết mở cửa thị trường theo các cam kết quốc tế như WTO, ASEAN... đang tạo nên những sức hút mới đối với các nhà đầu tư, nhất là trong các lĩnh vực dịch vụ có nhiều tiềm năng như du lịch, vận tải, hậu cần, tài chính, viễn thông... Với thị trường du lịch phát triển nhanh, đạt tốc độ trung bình 12%/năm trong hai thập kỷ qua và đóng góp gần 5% GDP, Việt Nam đã và đang là một điểm đến du lịch hấp dẫn với nhiều cơ hội mới cho đầu tư du lịch.



# NÔNG - LÂM THỦY SẢN



Thu hoạch cá tại Quy Nhơn



Thu hoạch mủ cao su



Cánh phơi và làm sạch thóc



Thu hoạch cà phê tại Tây Nguyên



Sơ chế hạt Điều



Chế biến thủy sản



Niềm vui được mùa lúa



Chăn nuôi bò sữa

trong các năm 2012 và 2013; thu nhập và đời sống nhân dân ngày càng cải thiện hơn, tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn giảm bình quân 1,5% năm; bộ mặt nông thôn thay đổi theo hướng văn minh; trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật của nhiều nông dân được nâng cao hơn trước.

Nông nghiệp ngày càng có nhiều đóng góp tích cực hơn vào tiến trình phát triển, hội nhập của kinh tế cả nước và nền kinh tế toàn cầu. Năm 1986, kim ngạch xuất khẩu nông-lâm-thủy sản mới đạt 400 triệu USD, đến năm 2014 đã đạt tới 30,8 tỷ USD.

Nhờ có những thành tựu đó, nông nghiệp không chỉ đã góp phần quan trọng vào việc ổn định chính trị - xã hội nông thôn và nâng cao đời sống của người nông dân Việt Nam, mà còn ngày càng tạo ra nhiều hơn nữa những tiền đề vật chất cần thiết, góp phần tích cực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong những năm qua.

Nhà nước Việt Nam chủ trương luôn đặt nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở vị trí chiến lược quan trọng, coi đó là cơ sở và lực lượng để phát triển kinh tế-xã hội bền vững, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái. Chính vì vậy mà Việt Nam đặt mục tiêu tới năm 2020 tốc độ tăng trưởng của ngành nông-lâm-thủy sản đạt mức từ 3,5-4%/năm, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia trước mắt và lâu dài; Kết hợp nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn, giải quyết cơ bản việc làm, nâng cao hơn nữa thu nhập của cư dân nông thôn. Lao động nông nghiệp còn khoảng 30% trong tổng lực lượng lao động, tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo đạt trên 50%.

**T**rong 3 thập kỷ đổi mới vừa qua, lĩnh vực sản xuất nông nghiệp của Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu phát triển khả quan. Sản lượng các loại nông sản đều tăng, nổi bật nhất là sản lượng lương thực tăng với tốc độ cao từ năm 1989 cho đến nay. Năm 1989 là năm đầu tiên sản lượng lương thực của Việt Nam vượt qua con số 20 triệu tấn, xuất khẩu 1,4 triệu tấn gạo, đạt kim ngạch 310 triệu USD. Đến năm 2013 sản lượng lương thực đã đạt tới 49,3 triệu tấn và đã xuất khẩu được 6,6 triệu tấn gạo, đạt kim ngạch 2,95 tỷ USD, là nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. GDP trong lĩnh vực nông nghiệp bình quân hàng năm tăng 3,4% giai đoạn 2006-2011 và 2,7%





# ĐẤT NƯỚC BÓN MÙA QUẢ NGỌT, TRÁI SAI

**S**o với các nước trong khu vực, Việt Nam là một trong những nước có diện tích trồng cây ăn quả vào loại lớn nhất. Theo thống kê chưa đầy đủ của Hội Kỳ lục gia Việt Nam, Việt Nam có trên 700.000 ha diện tích đất trồng cây ăn quả; phân bố đều ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam; song miền Tây Nam Bộ chiếm diện tích lớn nhất.

Việt Nam còn là nước có chủng loại trái cây phong phú nhất, hàng trăm loại, vừa có chất lượng dinh dưỡng cao, vừa có hương vị thơm ngon; hứa hẹn mang lại giá trị kinh tế cao. Không chỉ các loại trái cây nhiệt đới, ở vùng núi phía Bắc của Việt Nam cũng có những loại hoa quả ôn đới có tiếng, như đào Sa Pa, mận Bắc Hà...

Nhiều loại trái cây đặc sản của Việt Nam gắn liền, thậm chí trở thành biểu tượng cho một vùng đất, đi vào ca dao, dân ca và cả các tác phẩm nghệ thuật đương đại: dừa Bến Tre, vú sữa Lò Rèn, xoài cát Hòa Lộc, bưởi Năm Roi, thanh long Chợ Gạo, nho Bình Thuận, vải thiều Thanh Hà, nhãn lồng Hưng Yên, mơ Hương Sơn...

Những năm gần đây, nhiều loại trái cây Việt Nam đã lên đường xuất ngoại, được chào đón ở cả những thị trường khó tính nhất như châu Âu, Hoa Kỳ, Nhật Bản... Một số loại quả như thanh long, đã được tiếng là ngon nhất thế giới, kiểu hành "một mình một chợ" ở nhiều thị trường. Kể từ năm 2008, khi bắt đầu được đưa sang thị trường Hoa Kỳ đến nay,







sản lượng thanh long xuất khẩu sang thị trường này tăng đều đặn hàng năm, từ 100 tấn (năm 2008) nay đã đạt 1.000 tấn trong sáu tháng đầu năm 2014. Lượng thanh long xuất đi Nhật Bản và Hàn Quốc cũng đạt khoảng 4.900 tấn/năm. Việt Nam là quốc gia đầu tiên và duy nhất cho đến nay được cấp phép xuất khẩu thanh long sang New Zealand.

Cùng với thanh long, mới đây, Hoa Kỳ đã mở cửa thêm đối với hai loại quả nhập khẩu từ Việt Nam là nhân và vải. Trong năm 2015, Việt Nam sẽ tiếp tục đưa vú sữa và xoài vào Hoa Kỳ; thanh long ruột đỏ và xoài vào Nhật Bản; thanh long vào Đài Loan (Trung Quốc); chôm chôm vào New Zealand; thanh long, vải, xoài vào Australia...

Nhanh nhạy bắt kịp xu thế của thị trường trái cây xuất khẩu, các nhà vườn Việt Nam hiện đã chú trọng việc đầu tư quy mô lớn, áp dụng quy trình sản xuất sạch. Chỉ riêng tại tỉnh Tiền Giang, vốn được coi là “vương quốc trái cây” ở phía Nam, trong 7 chủng loại trái cây chủ lực, đã có 6 loại trái cây đạt tiêu chuẩn GlobalGAP và VietGAP, gồm: vú sữa Lò Rèn Vĩnh Kim, khóm Tân Lập, chôm chôm Tân Phong, nhân Nhi Quí, sơ ri Gò Công và thanh long Chợ Gao. Cũng tại Tiền Giang, người nông dân đã mạnh dạn chuyển đổi giống cây trồng để nâng cao chất lượng trái cây. Giống sầu riêng khổ qua chất lượng kém được thay thế dần bằng các giống sầu riêng chất lượng cao: Ri 6, Mong Thong; giúp nâng khả năng cạnh tranh của thương hiệu sầu riêng Ngủ Hiệp, tạo vùng chuyên canh hiệu quả cao có diện tích tới 6.000ha tại huyện Cai Lậy... Thu nhập từ vườn cây đặc sản đã có thể lên đến hàng trăm triệu đồng/ha, gần gấp đôi so với cách đây 20 năm.

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, trung bình mỗi tháng năm 2014, kim ngạch xuất khẩu rau quả tươi của Việt Nam đạt khoảng 120 triệu USD và với tốc độ tăng trưởng mạnh như hiện nay, xuất khẩu rau quả có thể mang về cho Việt Nam khoảng 1,4 tỷ USD - con số cao nhất từ trước đến nay và triển vọng năm 2015 được dự báo là rất sáng sủa.



# TRUNG NGUYỄN VÀ HÀNH TRÌNH ĐƯA HƯƠNG VỊ CÀ PHÊ VIỆT NAM LAN TỎA KHẮP THẾ GIỚI

**Đ**ược khai sinh từ vùng đất Tây Nguyên, nơi được biết đến với những đồi cà phê bạt ngàn, Trung Nguyên là doanh nghiệp đi tiên phong trong việc định vị thương hiệu cà phê Việt Nam trên bản đồ cà phê thế giới thông qua những bước đi táo bạo.

Câu chuyện về Trung Nguyên bắt đầu từ bước rẽ ngang của chàng sinh viên đại học ngành y Đặng Lê Nguyên Vũ cách đây gần 20 năm để chuyển sang thu mua cà phê về rang xay. Những trăn trở về nghịch lý của ngành cà phê Việt Nam cũng bắt đầu lớn lên trong ông từ đó: tại sao Việt Nam, chủ yếu là vùng Buôn Ma Thuột, nơi có hạt cà phê vào loại ngon nhất thế giới, xuất khẩu cà phê cũng vào loại hàng đầu thế giới, nhưng giá trị thu về vẫn thấp và người nông dân vẫn nghèo? Câu trả lời nằm ở khâu chế biến cà phê và làm thương hiệu riêng, chỉ có làm cách đó thì giá trị của hạt cà phê mới tăng lên nhiều lần. Đặng Lê Nguyên Vũ quyết định phải góp phần thay đổi nghịch lý này và ông bắt tay vào xây dựng thương hiệu cà phê Trung Nguyên.



Từ một cửa hàng nhỏ ở phố núi Buôn Ma Thuột, cà phê Trung Nguyên đã vượt ra khỏi ranh giới Tây Nguyên để làm một cuộc đổ bộ xuống thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1998, thông qua phương thức nhượng quyền thương hiệu. Hàng trăm cửa hàng ra đời với một phong cách riêng, tạo nên sức hút mạnh mẽ đối với những người ghiền cà phê, muốn thưởng thức một loại cà phê đảm bảo chất lượng, lại có nhiều lựa chọn về hương vị khác nhau một cách tinh tế. Sau 2 năm phát triển thị trường tại thành phố Hồ Chí Minh, cũng bằng phương thức nhượng quyền thương hiệu, năm 2000 các quán cà phê Trung Nguyên xuất hiện hàng loạt tại Thủ đô Hà Nội và nhiều tỉnh, thành phố trên khắp cả nước.

Năm 2003, Trung Nguyên bắt đầu tiến thêm một bước nữa với việc cho ra đời thương hiệu cà phê hòa tan G7, sẵn sàng đối đầu với thương hiệu cà phê của Nestle đã có bề dày phát triển hàng trăm năm tại thị trường Việt Nam. Ngay trong năm đó, trong một sự kiện “thử mù” tại Dinh Thống Nhất, thành phố Hồ Chí Minh, có đến 89% người tiêu dùng đã chọn G7 là sản phẩm yêu thích hơn so với các sản phẩm khác. Đây là lần đầu tiên một thương hiệu cà phê Việt Nam “canh tranh” trực tiếp với một thương hiệu nổi tiếng toàn cầu.

Sau khi chắc chắn ở thị trường trong nước, doanh nghiệp này bắt đầu nghĩ tới việc vươn ra thị trường thế giới. Năm 2003, Trung Nguyên chính thức hiện diện tại Roppongi, một quận trung tâm thành phố Tokyo, Nhật Bản - với ly cà phê có giá còn cao hơn ly cà phê Starbucks lúc bấy giờ. Đây cũng là lần đầu tiên một thương hiệu của Việt Nam được nhượng quyền ra nước ngoài.

Từ Nhật Bản, Trung Nguyên tiếp tục xâm nhập thị trường Singapore, có mặt tại các vị trí đắc địa nhất như Marina Bay Sands, cao ốc Liang Court, khu mua sắm phức hợp Katong Mall... Với việc hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN vào năm 2015, Trung Nguyên định hướng coi ASEAN là thị trường nội địa, với Singapore là bộ phận. Gần đây nhất, vào tháng 11/2014, Trung Nguyên cũng đã có mặt tại Dubai.

Hiện Trung Nguyên đang sở hữu 1 nhà máy chế biến cà phê rang xay với công suất 40.000 tấn/năm tại Ban Mê Thuột và 3 nhà máy chế biến cà phê hòa tan tại tỉnh Bình Dương và Bắc Giang với tổng công suất 155.000 tấn/năm. Tập đoàn cũng đang xây dựng một nhà máy chế biến cà phê khác tại Buôn Mê Thuột.

Với những nỗ lực cải tiến chất lượng và phát triển thương hiệu không ngừng nghỉ của mình, Trung Nguyên đã 3 lần liên tiếp được Bộ Công Thương Việt Nam bình chọn là Thương hiệu Quốc gia trong các năm 2010, 2012 và 2014.

Ngày 27/4/2011, cái tên “Cà phê Trung Nguyên” đã xuất hiện trên tờ báo danh tiếng Financial Times của Anh như một trường hợp nghiên cứu điển hình về mô hình doanh nghiệp thành công và được bình chọn là một trong những doanh nghiệp thành công nhất. Còn người sáng lập thương hiệu cà phê Trung Nguyên - doanh nhân Đặng Lê Nguyên Vũ - vào tháng 2/2012 đã được tạp chí National Geographic Traveller vinh danh là “Vua Cà phê Việt Nam”; tháng 8/2012, tạp chí Forbes lại khắc họa chân dung về ông như một “Vua Cà phê Việt Nam”, ca ngợi ông là nhân vật “zero to hero” (từ vô danh thành anh hùng).

Cùng với sản phẩm cà phê, khát vọng lớn hơn mà Trung Nguyên muốn chuyển tải đến thế giới là văn hóa cà phê Việt Nam. Để thực hiện điều đó, cùng với mô hình không gian cà phê Trung Nguyên, mô hình Brain Station (Làng Cà phê Trung Nguyên) được tập đoàn xây dựng như một điểm nhấn quan trọng tại thủ phủ cà phê Buôn Ma Thuột. Thu hút hơn 43.000 lượt khách mỗi tháng và đang chuẩn bị đón vị khách thứ 2 triệu, Làng Cà phê Trung Nguyên là điểm đến hấp dẫn, thú vị cho những ai yêu cà phê, thích sáng tạo và khám phá văn hóa.

Lớn hơn cả câu chuyện cà phê, Trung Nguyên đã và đang nỗ lực kêu gọi tinh thần sáng tạo, dẫn thân và lập nghiệp để làm giàu của thanh niên Việt Nam. Bên cạnh đó, các hoạt động Cà phê Thứ Bảy, Không gian Sáng tạo Trung Nguyên đã trở thành nơi hội tụ của giới trí thức, văn nghệ sĩ, những người yêu sáng tạo trong nước và quốc tế. Tất cả những lực lượng này sẽ là động lực chính trong công cuộc kiến thiết đất nước và xây dựng Việt Nam hùng mạnh, sánh vai với các cường quốc trên thế giới.

Giờ đây, Việt Nam đang đứng vị trí thứ hai trong danh sách các quốc gia xuất khẩu cà phê lớn nhất của thế giới với sản lượng cà phê xuất khẩu năm 2013 đạt 1,3 triệu tấn. Với nhiều người, đó có thể là một thành tích đáng ca ngợi, nhưng với Trung Nguyên, như vậy vẫn chưa đủ, bởi để biến giấc mơ chinh phục thị trường thế giới của doanh nghiệp này thành hiện thực, vẫn còn rất nhiều việc phải làm. Một trong những điều quan trọng mà họ hướng tới là hạt cà phê Việt Nam được trả lại giá trị xứng đáng, để những người nông dân Tây Nguyên sẽ thực sự giàu có trên đời cà phê của mình.

## THÔNG TIN CƠ BẢN

- ◆ Tên công ty: **Công ty cổ phần Tập đoàn Trung Nguyên.**
- ◆ Người sáng lập: **Đặng Lê Nguyên Vũ.**
- ◆ Năm thành lập: **1996.**
- ◆ Vốn điều lệ: **500.000 tỷ đồng.**
- ◆ Doanh thu năm 2013: **853.650 tỷ đồng.**
- ◆ Số lượng nhân viên: **trên 3.200 người.**
- ◆ Các chi nhánh trong nước: **Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ.**
- ◆ **Nhượng quyền kinh doanh thương hiệu tại Singapore.**





# NÂNG TẦM GIÁ TRỊ THANH LONG

**B**ằng chiến lược đầu tư bài bản và cách làm sáng tạo, Công ty TNHH Thanh long Hoàng Hậu (Bình Thuận) đã trở thành nhà sản xuất và xuất khẩu thanh long hàng đầu tại Việt Nam. Theo ông Trần Ngọc Hiệp, Giám đốc Công ty TNHH Thanh long Hoàng Hậu, Công ty TNHH Thanh long Hoàng Hậu được thành lập vào năm 1988 chỉ với 3 ha đất trồng thanh long. Mặc dù diện tích trồng thanh long không lớn, nhưng do đầu tư theo mô hình sản xuất hàng hóa, áp dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến cũng như điều khiển thanh long ra hoa sớm, cho thu hoạch trái vụ để đạt năng suất cao từ 30-40 tấn/ha, nên công ty luôn có nguồn sản phẩm lớn, ổn định và chất lượng tốt. Thời điểm năm 1988, toàn tỉnh Bình Thuận chưa có ai đầu tư theo hình thức này. Nhờ vậy, lần đầu tiên sản phẩm thanh long của công ty đã xuất khẩu sang được thị trường Đài Loan (Trung Quốc).

Thế nhưng đây là thị trường khá “dễ tính” và không đem lại giá trị gia tăng cao. Bằng các bước đi riêng phù hợp, cũng như khéo tận dụng các lợi thế có được, từ chỗ nhượng cho đến sự hỗ trợ của các cơ quan quản lý nhà nước, Công ty Thanh long Hoàng Hậu đã xây dựng một chiến lược táo bạo hơn, đó là thâm nhập vào các thị trường khó tính, đòi hỏi tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt, nhưng đồng thời mang lại lợi nhuận lớn.

Muốn có chỗ đứng vững chắc tại các thị trường như châu Âu, Nhật, Hoa Kỳ, Hàn Quốc..., ban lãnh đạo của Công ty Thanh long Hoàng Hậu đã đầu tư nguồn lực lớn cho việc áp dụng chuẩn GlobalGAP từ chu trình sản xuất trái thanh long cho đến khâu phân phối sản phẩm đến tận tay người tiêu dùng. Theo đó, công ty thực hiện quy trình sản xuất rất nghiêm ngặt: thanh long phải được trồng trong vùng sản xuất sạch được công nhận; kỹ thuật canh tác, xử lý vệ sinh, thu hái, bảo quản đều được thực hiện theo tiêu chuẩn kỹ thuật cao.

Do thanh long chỉ giữ được chất lượng và mỹ quan trong vòng 2 tuần, nên việc bảo quản sau thu hoạch để giữ trái cây tươi lâu, tăng giá trị thương mại rất được chú trọng. Công ty đã áp dụng công nghệ bảo quản bằng lớp phủ ăn được. Lớp phủ này không phản ứng với sản phẩm, không độc hại, không ảnh hưởng tới sức khỏe con người.

Bằng việc chủ động áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, sản phẩm của công ty đã đạt được các tiêu chuẩn chất lượng: sản phẩm sạch, đạt chuẩn về màu sắc,

mẫu mã, trọng lượng, chất lượng. Nhờ đó, sản phẩm của Thanh long Hoàng Hậu đã thâm nhập được thị trường châu Âu vào năm 2004. Đến nay, Công ty Thanh long Hoàng Hậu đã có gần 300 ha trồng thanh long đạt tiêu chuẩn GlobalGAP.

Không dừng lại ở đó, để duy trì tình trạng sản phẩm một cách tốt nhất, công ty đã sử dụng đường hàng không, thay vì đường biển để đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng nhanh hơn. Ngoài ra, công ty cũng tự xây dựng hệ thống phân phối cho riêng mình mà không thông qua nhà trung gian nào. Ông Hiệp lý giải, bán sản phẩm dưới thương hiệu của nhà nhập khẩu có thể dễ thâm nhập thị trường lúc ban đầu, nhưng hiệu quả kinh tế không cao như mong muốn. Vì thế, quá trình xây dựng thương hiệu cho sản phẩm “Thanh long Hoàng Hậu” vất vả hơn, nhưng thực sự bền vững.



Chính nhờ sở hữu một thương hiệu tốt, công ty dễ dàng thâm nhập vào nhiều thị trường, giá bán tốt hơn và giành được thế chủ động trong đàm phán hợp đồng. Nhờ cách làm bài bản, vào tháng 9/2008, Công ty Thanh long Hoàng Hậu được Cục kiểm dịch động thực vật Hoa Kỳ và Trung tâm kiểm dịch xuất nhập khẩu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chứng nhận đạt tiêu chuẩn nhà đóng gói để xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ. Tháng 10/2008, lô hàng thanh long xuất khẩu đầu tiên của công ty đã đến Hoa Kỳ và được người tiêu dùng tại đây chấp nhận. Hiện nay, thương hiệu Thanh long Hoàng Hậu không chỉ chiếm lĩnh thị trường Việt Nam mà còn ở nhiều châu lục khác trong đó riêng châu Âu chiếm 80% thị phần.

Sự thành công của Công ty Thanh long Hoàng Hậu đã có tác động lan tỏa tích cực đến việc sản xuất thanh long tại tỉnh Bình Thuận và là mô hình làm giàu cho nhiều nông dân khác nơi theo. Công ty Thanh long Hoàng Hậu đã giúp hướng dẫn những nông dân trong vùng cách trồng và cách chăm sóc cây thanh long để đạt năng suất cao. Nhờ đó, thanh long được nhìn nhận là một trong những loại trái cây đem lại giá trị cao và giúp cho hàng ngàn hộ nông dân trở nên khá giả.

Trong thời gian tới, Công ty Thanh long Hoàng Hậu không chỉ dừng lại ở việc sản xuất thanh long tươi mà còn phát triển thêm nhiều sản phẩm từ trái thanh long, như mút thanh long, nước ép thanh long..., mở ra những cơ hội mới cho nông sản Việt Nam vươn xa ra thị trường thế giới.

Vào cuối năm 2013, công ty đã bỏ ra 2 tỷ đồng để mua bản quyền khai thác giống thanh long ruột tím (LD5) của Viện Nghiên cứu Cây ăn quả miền Nam. Thanh long LD5 có ưu điểm màu sắc lạ, tai lá đẹp, thịt giòn, đạt năng suất cao từ 30 - 40 tấn/ha. Theo ông Trần Ngọc Hiệp, đây là một sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà khoa học và doanh nghiệp để đem đến thị trường một sản phẩm độc đáo, có tính cạnh tranh cao. Sự hợp tác này còn tạo ra nguồn vốn để các nhà khoa học tiếp tục nghiên cứu những sản phẩm có giá trị cao cho ngành nông nghiệp Việt Nam.



## CUỘC CHUYỂN MÌNH CỦA THỦY SẢN BẾN TRE

Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre được Sở Thủy sản tỉnh Bến Tre thành lập năm 1977. Khởi đầu từ một xưởng chế biến đông lạnh với vài chục công nhân và năng lực chế biến khoảng 100 tấn sản phẩm/năm, sau gần 40 năm phát triển, giờ đây số công nhân của công ty đã lên tới 1.000 người và năng lực chế biến đã được nâng lên gấp 100 lần.

Năm 2003, sau 26 năm hoạt động dưới mô hình doanh nghiệp nhà nước, công ty thực hiện cổ phần hóa, bán 49% cổ phần ra công chúng và chỉ 2 năm sau đó nhà nước đã thoái toàn bộ vốn khỏi công ty.

Ngay khi chuyển đổi thành công ty cổ phần, công ty đã nhanh chóng xác lập chiến lược không ngừng cải tiến kỹ thuật và mở rộng sản xuất, nâng cao năng lực quản lý, đẩy nhanh tốc độ phát triển và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Chỉ có hai sản phẩm chính là cá tra và nghêu, nhưng Thủy sản Bến Tre đã chứng minh là một công ty có năng lực hoạt động hiệu quả và tầm nhìn tốt. Mặc dù những năm gần đây thị trường xuất khẩu cá tra của Việt Nam bước vào giai đoạn khó khăn, phải đối phó với nhiều hàng rào kỹ thuật, nhiều vụ kiện chống bán phá giá... nhưng công ty vẫn kinh doanh ổn định, giữ vững thị phần ở các thị trường khó tính. Điều này có được là nhờ ngay từ năm 2005, công ty đã phát triển một quy trình sản xuất khép kín từ trại ương giống cá, hệ thống nuôi trồng, sản xuất chế biến theo tiêu chuẩn ASC và GlobalGAP.

Đến năm 2010, công ty xây dựng hệ thống kiểm soát nguyên liệu đầu vào và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, đáp ứng được nhu cầu cung cấp sản phẩm cá “sạch”, không nhiễm kháng sinh, hóa chất. Điều này không chỉ giúp công ty tăng uy tín trên thị trường quốc tế, mà còn tạo ưu thế về giá bán so với sản phẩm của các doanh nghiệp khác.

Một thế mạnh khác của Thủy sản Bến Tre là nghêu xuất khẩu. Từ năm 2004 đến nay, Thủy sản Bến Tre là công ty đứng đầu trong các doanh nghiệp xuất khẩu nghêu của Việt Nam. Công ty sở hữu vùng nuôi nghêu lớn nhất cả nước, với dây chuyền công nghệ chế





Day chuyên chế biến cá tra xuất khẩu

biến rất tốt và tay nghề nhân công cao. Ngoài ra, với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực nuôi trồng, sản xuất và chế biến nghề, các sản phẩm của công ty đều sạch sẽ, không nhiễm bất kỳ các loại hóa chất, kháng sinh nào. Đây là yếu tố quan trọng duy trì chất lượng sản phẩm cao, khẳng định được uy tín với các nước nhập khẩu.

Ngoài ra, nghề cũng là sản phẩm đặc thù của công ty, gần như không bị “đụng hàng” với sản phẩm của các công ty khác, giúp cho Thủy sản Bến Tre có được lợi nhuận cao và không phải đối diện với các vụ kiện bán phá giá như sản phẩm cá tra hay tôm.

Cho tới nay, các sản phẩm của công ty xuất khẩu đã đến được những thị trường đòi hỏi chất lượng cao với các quy định kỹ thuật, vệ sinh an toàn thực phẩm nghiêm ngặt như Nhật, Hoa Kỳ, châu Âu, Canada, Úc, Singapore, Hàn Quốc... Điều này đã giúp cho Thủy sản Bến Tre trở thành một trong những công ty chế biến và xuất khẩu thủy sản có uy tín nhất ở Việt Nam.

Tháng 12/2006, Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Kể từ đó tới nay, cổ phiếu của công ty luôn đứng trong top đầu các công ty thủy sản có cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

Năm 2012, công ty đạt doanh thu 634 tỷ đồng, trong khi đó lợi nhuận đạt 79 tỷ đồng. Năm 2013 con số tương ứng là 534 tỷ đồng và 74 tỷ đồng. Trong 9 tháng đầu năm 2014, doanh thu của công ty đạt 350 tỷ đồng, lợi nhuận đứng ở mức 61,6 tỷ đồng.

Một trong các yếu tố góp phần làm nên thành công của công ty là ban lãnh đạo có bề dày kinh nghiệm, đã gắn bó với doanh nghiệp từ những ngày đầu hoạt động và có nền tảng vững chắc về chuyên môn nông nghiệp, thủy sản và quản lý trong lĩnh vực xuất khẩu thủy sản.

Ngoài ra, yếu tố quan trọng khác được lãnh đạo công ty nhắc tới là việc chuyển đổi mô hình tổ chức công ty, đặc biệt là việc tận dụng những lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương mà Việt Nam tham gia ký kết với các quốc gia khác làm động lực thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động kinh doanh xuất khẩu của công ty.

## THÔNG TIN CƠ BẢN

- ◆ Năm thành lập: **1977.**
- ◆ Vốn điều lệ: **141 tỷ đồng.**
- ◆ Doanh thu (tính đến hết quý III/2014): **350 tỷ đồng.**
- ◆ Lợi nhuận sau thuế (tính đến hết quý III/2014): **63 tỷ đồng.**

# CÔNG NGHIỆP



Sau 3 thập kỷ đổi mới, ngành công nghiệp của Việt Nam đã có những bước phát triển vượt bậc và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy mạnh sự thay đổi về cơ cấu kinh tế của cả nước, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, góp phần nâng cao thu nhập và đời sống của người dân, tạo nhiều công ăn việc làm.

Từ một quốc gia phải nhập khẩu phần lớn các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu và hầu hết vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị cho sản xuất, tới nay Việt Nam đã vươn lên sản xuất được nhiều mặt hàng công nghiệp và tiêu dùng, đáp ứng cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.



Cơ sở vật chất kỹ thuật và năng lực sản xuất của ngành cũng đã được tăng cường, nhiều ngành công nghiệp mới có kỹ thuật cao ra đời, như ngành khai thác và chế biến dầu khí, công nghiệp đóng tàu, điện tử, viễn thông...

Cơ cấu ngành công nghiệp cũng có sự chuyển dịch mạnh mẽ, gắn liền với sự phát triển theo hướng đa dạng hóa, từng bước hình thành một số ngành trọng điểm và mũi nhọn, có tốc độ phát triển cao, thuận lợi về thị trường và có khả năng xuất khẩu.

Các ngành khai thác nguồn lực kinh tế và thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đều phát triển ấn tượng. Một số loại sản phẩm đã được sản xuất với khối lượng ngày càng lớn như: sắt thép, xi măng, đồ điện tử, may mặc, giày dép... Năm 2013, những mặt hàng công nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao, đặc biệt là một số mặt hàng có giá trị xuất khẩu vượt trội như: điện thoại và linh kiện tăng 67,1%; dệt may tăng 18,9%; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 35,3% (so với năm 2012)...

Trong năm 2013, chỉ số sản xuất công nghiệp của Việt Nam tăng 5,43% so với năm 2012. Năm 2014, chỉ số này tăng 7,15%, đóng góp 2,75 điểm phần trăm vào mức tăng chung của toàn nền kinh tế. Hiện nhóm ngành công nghiệp và xây dựng chiếm tới trên 38,5% GDP của Việt Nam, thực sự trở thành động lực và đầu tàu tăng trưởng của toàn bộ nền kinh tế.

Để Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020, ngành công nghiệp đang có chiến lược phát triển lâu dài theo hướng giảm tính gia công; đẩy mạnh phát triển công nghiệp phụ trợ; nâng cao hiệu quả đầu tư, năng suất lao động, đổi mới thiết bị kỹ thuật - công nghệ, đưa công nghiệp về nông thôn để chế biến nông, lâm-thủy sản, làm tăng giá trị gia tăng, bảo vệ và cải thiện môi trường.



# ĐƯỜNG TỚI SỐ 1 CỦA VIETTEL

**T**ổng công ty Viễn thông Quân đội Viettel tiền thân là Công ty Điện tử Viễn thông Quân đội, được thành lập năm 1989 với chức năng chuyên nghiên cứu, sản xuất thiết bị thông tin dùng trong quân đội. Năm 1995 Viettel chính thức trở thành nhà cung cấp dịch vụ viễn thông thứ hai của Việt Nam, sau Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT). Sinh sau đẻ muộn trong làng viễn thông, bước chân vào thị trường khi hai thương hiệu của VNPT là VinaPhone và MobiFone đang giữ vị trí thống lĩnh, Viettel đã lật ngược thế cờ nhờ có chiến lược khôn ngoan và quyết tâm thực hiện khát vọng lớn.

Một trong những dấu ấn đầu tiên tạo ra bước ngoặt của Viettel trên thị trường đó là chiến lược "lấy nông thôn vây thành thị", không đối đầu trực tiếp với các đối thủ mà đi đường vòng - phủ sóng về nông thôn. Tại thị trường nông thôn, Viettel đã đưa ra các chính sách khôn ngoan để đưa chiếc điện thoại đến gần gũi hơn với người dân nông thôn với hình ảnh người nông dân cầm di động khắp nơi, trên đồng ruộng, lúc chăn bò, lúc trò chuyện nghỉ ngơi... Với chiến dịch quảng bá thông minh này, Viettel đã khai thác được một lượng lớn khách hàng nông thôn.

Sau khi thành trì nông thôn đã vững chắc, Viettel quay trở lại chiếm lĩnh thị trường thành phố với một chiến lược khôn khéo khác: tập trung vào học sinh, sinh viên với những gói cước ưu đãi - nhóm đối tượng mà các nhà mạng khác bỏ lỡ. Những lớp học sinh, sinh viên đó sau này trở thành giới văn phòng, doanh nhân đã trở thành khách hàng trung thành mang lại doanh thu lớn cho Viettel. Giai đoạn đó, mỗi năm Viettel đều đạt lợi nhuận





ở mức 20 - 25%. Sau những dấu mốc tăng trưởng liên tục, năm 2012, Viettel đã soạn ngôi VNPT để trở thành nhà cung cấp dịch vụ viễn thông di động lớn nhất Việt Nam xét về mặt doanh thu.

Không chỉ nhanh chân chiếm lĩnh thị trường trong nước, Viettel còn là một trong số những doanh nghiệp viễn thông đầu tiên của Việt Nam tiến quân ra nước ngoài. Đến nay, Viettel đã được cấp 9 giấy phép đầu tư ở nước ngoài và chính thức đầu tư ở 7 nước (Lào, Campuchia, Đông Timor, Mozambique, Cameroon, Haiti và Peru). Hiện Viettel đã kinh doanh có lãi tại bốn nước với tổng số thuê bao đang hoạt động gần 10 triệu. Tại Lào và Campuchia, sau một năm khai trương, cả hai mạng viễn thông là Unitel và Metfone của Viettel đều vươn lên giữ vị trí số 1 về thị phần (với khoảng 50% về thuê bao). Đến năm thứ 3 hoạt động, cả hai công ty này đã có lợi nhuận.

Viettel đang xây dựng chiến lược trở thành công ty toàn cầu và đặt mục tiêu đến năm 2020 sẽ lọt vào Top 10 tập đoàn viễn thông lớn nhất thế giới. Để hiện thực hóa tham vọng này, tập đoàn đặt mục tiêu đạt được khoảng 25 giấy phép đầu tư mạng viễn thông ở nước ngoài với tổng số dân từ 500 - 600 triệu dân, trong đó có những nước kinh tế phát triển hơn hẳn Việt Nam ở châu Âu và châu Mỹ. Lãnh đạo Viettel xác định, đầu tư ra nước ngoài là chiến lược lâu dài của Viettel. Đây là cách mà Viettel duy trì tăng trưởng và phát triển bền vững.

Quá trình phát triển của Viettel còn là quá trình không ngừng đưa ra các dòng sản phẩm mới. Không dừng lại ở mạng di động, doanh nghiệp này còn phát triển sang các lĩnh vực khác như dịch vụ cung cấp thiết bị đầu cuối, truyền hình trả tiền, quản lý dữ liệu, tìm kiếm việc làm, sản xuất thiết bị thông tin, bất động sản... Trong đó đáng chú ý nhất là việc Viettel tiến quân vào lĩnh vực truyền hình trả tiền - một lĩnh vực kinh doanh được coi là còn rất màu mỡ ở Việt Nam với chỉ 20% hộ dân dùng truyền hình trả tiền, tương đương 4,5 triệu thuê bao. Viettel cũng đã nắm 70% cổ phần của Công ty Xi măng Cẩm Phả, 15% cổ phần của Ngân hàng Quân đội và 33% cổ phần của Công ty Tài chính Vinaconex - Viettel. Tất cả những hướng mở rộng đó đều nhằm mục tiêu cán mốc doanh số 15 tỷ USD vào năm 2015 của tập đoàn.

Năm 2014, Viettel đạt doanh thu 196.650 tỷ đồng (gần 10 tỷ USD), tăng 20% so với năm 2013, lợi nhuận trước thuế đạt 40.352 tỷ đồng (gần 2 tỷ USD). Nếu tốc độ tăng trưởng này được duy trì trong khoảng thời gian còn lại thì câu chuyện 15 tỷ USD doanh số trong năm 2015 của tập đoàn này vẫn còn rất nhiều thách thức. Nhưng nếu nhìn vào những bước phát triển ngoạn mục và các "cú hích" mà Viettel tạo ra trên thị trường, có thể thấy, con số đó không phải là không có cơ sở.



## MỘT SỐ GIẢI THƯỞNG TRONG LĨNH VỰC VIỄN THÔNG CỦA VIETTEL

### TẠI VIỆT NAM

Mạng di động lớn nhất Việt Nam và mạng di động có tốc độ phát triển nhanh nhất thế giới (do tạp chí Wireless Intelligence bình chọn).

- ◆ Số 1 về truyền dẫn cáp quang ở Việt Nam
- ◆ Số 1 về mạng lưới phân phối ở Việt Nam
- ◆ Số 1 về đột phá kỹ thuật
- ◆ Số 1 về tổng đài chăm sóc khách hàng

### TRÊN THẾ GIỚI

- ◆ "Nhà cung cấp dịch vụ của năm tại thị trường mới nổi" của hệ thống Giải thưởng Frost&Sullivan Asia Pacific ICT Awards 2009.
- ◆ "Nhà cung cấp dịch vụ viễn thông tốt nhất thế giới tại các nước đang phát triển" do World Communication Awards 2009 bình chọn.
- ◆ Thương hiệu Metfone tại Campuchia được World Communication Awards 2011 bình chọn là "Nhà cung cấp dịch vụ viễn thông tốt nhất thế giới tại thị trường đang phát triển".
- ◆ Thương hiệu Unitel tại Lào được World Communication Awards 2012 bình chọn là "Nhà cung cấp dịch vụ viễn thông tốt nhất thế giới tại thị trường đang phát triển".

# THAM VỌNG 3 TỶ USD CỦA VINAMILK



Sau gần 40 năm phát triển bền vững, Vinamilk giờ đây đã khẳng định vị thế dẫn đầu trong ngành sữa Việt Nam và đang từng bước đưa thương hiệu sữa Việt Nam đi ra thế giới. Thành công của Vinamilk là câu chuyện điển hình của doanh nghiệp Việt Nam hội nhập bằng tinh thần không ngừng cải tiến, sáng tạo và tìm tòi hướng đi mới.

Được thành lập năm 1976, trên cơ sở tiếp quản 3 nhà máy sữa: Nhà máy sữa Thống Nhất, nhà máy sữa Trường Thọ và nhà máy sữa bột Dielac, ngay từ đầu, Vinamilk đã chủ trương đi theo hướng hiện đại hóa ngành sữa. Chủ trương này được thực hiện xuyên suốt trong quá trình phát triển của Vinamilk, tạo nên sức mạnh giúp doanh nghiệp này nhanh chóng vượt lên dẫn đầu thị trường trong nước ngay từ những năm sau đổi mới và đứng vững trong cuộc cạnh tranh khốc liệt với các thương hiệu sữa quốc tế khi Việt Nam bắt đầu hội nhập.

Trong chiến lược sản xuất, Vinamilk hướng đến mục tiêu tìm ra những sản phẩm mới có lợi cho sức khỏe của người tiêu dùng. Năm 1993, sản phẩm sữa chua và kem sản xuất bằng dây chuyền sản xuất mới nhập khẩu lần đầu tiên được Vinamilk tung ra thị trường, đã ngay lập tức tạo nên sức hút mạnh mẽ đối với người tiêu dùng. Từ thời điểm đó, những sản phẩm của Vinamilk luôn tạo ấn tượng tốt với người tiêu dùng Việt Nam.



Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Vinamilk đã đi đầu trong việc chủ động nguồn sữa nguyên liệu. Từ năm 2006, Vinamilk đã đầu tư xây dựng hệ thống trang trại nuôi bò sữa công nghệ cao tại nhiều địa phương trong cả nước với tổng vốn đầu tư ban đầu hơn 500 tỷ đồng và đến nay đã tăng lên 1.600 tỷ đồng. Với hệ thống trang trại này, Vinamilk đang hướng tới mục tiêu nội địa hóa 50% nguyên liệu đầu vào cho sản xuất của công ty.

Theo một báo cáo của công ty nghiên cứu thị trường Nielsen, hiện Vinamilk đang nắm giữ vị trí tiên phong tại thị trường Việt Nam với việc thống trị dòng sản phẩm sữa đặc có đường và sữa chua với thị phần lần lượt là 75% và 85%. Để tiếp tục khai thác thị trường sữa Việt Nam còn dồi dào tiềm năng, năm 2013-2014, Vinamilk mở thêm 2 siêu nhà máy mới sản xuất sữa bột và sữa nước với hệ thống tự động hoàn toàn điều khiển bằng robot tại tỉnh Bình Dương với tổng vốn đầu tư hơn 4.000 tỷ đồng (khoảng 200 triệu USD). Đây là nhà máy hiện đại bậc nhất ở khu vực châu Á, có công suất khoảng 55.000 tấn sữa mỗi năm. Vinamilk cũng là doanh nghiệp sữa đầu tiên trong ngành sữa thế giới sử dụng kho thông minh xuất nhập hàng bằng hệ thống robot.

Không dừng lại ở trong nước, thương hiệu sữa Vinamilk đã vươn ra thế giới một cách mạnh mẽ bằng việc hiện diện tại 31 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có Hoa Kỳ. Công ty đã nắm giữ 19,3% cổ phần tại nhà máy Mirak (New Zealand) vào năm 2010.



Cuối năm 2013, Vinamilk đầu tư 7 triệu USD để nắm 70% cổ phần của Driftwood, công ty chuyên sản xuất và phân phối sản phẩm từ sữa, nước hoa quả và đồ ăn nhẹ như bánh mì, pho mát... tại bang California (Hoa Kỳ). Năm 2014, Vinamilk liên doanh với một đối tác Campuchia xây dựng nhà máy chế biến sữa tại Campuchia. Dự án có tổng vốn đầu tư 23 triệu USD, trong đó Vinamilk nắm 51% cổ phần. Cũng trong năm 2014, công ty đã đầu tư 3 triệu USD vào công ty con ở Ba Lan. Công ty này có chức năng bán buôn nguyên liệu nông nghiệp như: động vật sống, nguyên liệu để sản xuất sữa, thực phẩm và đồ uống cũng như bán buôn bán lẻ sữa và các chế phẩm từ sữa. Trong 3 năm tới, công ty định hướng tập trung vào thị trường Trung Đông, châu Phi, Cuba và Hoa Kỳ.

Với chiến lược phát triển đúng đắn, kể từ sau khi niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2006 đến nay, doanh thu và lợi nhuận của Vinamilk liên tục tăng. Hiện giá trị vốn hóa thị trường của công ty đạt khoảng 5,5 tỷ USD. Vinamilk được giới đầu tư đánh giá là một trong những thương hiệu có tỷ suất lợi nhuận cao nhất tại Việt Nam, cổ phiếu của công ty được liệt vào hạng bluechip và luôn có tỷ lệ nắm giữ cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt mức cao nhất theo qui định của luật pháp Việt Nam.

Vinamilk là thương hiệu sữa nội địa duy nhất được vinh danh Thương hiệu Quốc gia của Việt Nam từ năm 2010 và cũng là thương hiệu sữa duy nhất của Việt Nam và khu vực đoạt Giải thưởng Công nghiệp Toàn cầu năm 2014 tại Canada.

Có thể nói, Vinamilk là trường hợp thành công điển hình của chính sách cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước của Chính phủ Việt Nam. Từ tư tưởng vượt khó của Vinamilk trong thời kỳ bao cấp đến sự năng động trong giai đoạn đổi mới và tư tưởng vươn lên trong giai đoạn hội nhập, tất cả đều là những yếu tố cốt lõi tạo ra những bước phát triển đột phá của Vinamilk đến thời điểm này. Chủ tịch Hội đồng quản trị Vinamilk, bà Mai Kiều Liên - người được Forbes Asia bình chọn trong Top 50 doanh nhân nữ quyền lực khu vực châu Á - Thái Bình Dương năm 2012, 2013 và 2014 - đúc kết bí quyết thành công của Vinamilk rất đơn giản, đó là "vận dụng nhanh, sáng tạo các chính sách của Nhà nước".

Đến thời điểm này, Vinamilk đang nuôi tham vọng trở thành tập đoàn đa quốc gia và lọt vào top 50 doanh nghiệp sản xuất sữa lớn nhất thế giới vào năm 2017 với doanh thu 3 tỷ USD/năm.

## THÔNG TIN CƠ BẢN

- ◆ Năm thành lập: **1976**
- ◆ Vốn điều lệ: **10.006 tỷ đồng**
- ◆ Doanh thu năm 2014 (ước tính): **36.000 tỷ đồng**
- ◆ Thị trường xuất khẩu: **31 quốc gia và vùng lãnh thổ**
- ◆ Đầu tư ra nước ngoài: **New Zealand, Hoa Kỳ, Campuchia, Ba Lan**
- ◆ Số lượng nhân viên: **hơn 6.000**

# REE

## LỬA THỦ VÀNG, GIAN NAN THỦ SỨC



Bà Nguyễn Thị Mai Thanh  
Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc REE

Được thành lập năm 1977 từ một xưởng cơ khí cũ kỹ, chuyên sản xuất thiết bị điện lạnh cho các nhà máy nước đá, bước ngoặt lớn nhất của Công ty Cổ phần Cơ Điện lạnh (REE) diễn ra vào năm 1992 khi Chính phủ Việt Nam thực hiện chương trình thí điểm cổ phần hóa một số doanh nghiệp nhà nước. Lúc đó, REE không nằm trong nhóm sáu doanh nghiệp hạt giống của chương trình thí điểm này. Nhận thấy công ty cần một động lực mới để tạo đà cho sự phát triển trong tương lai, lãnh đạo công ty đã quyết tâm kiến nghị REE tham gia vào chương trình trên. Với kết quả kinh doanh tốt những năm trước đó, REE đã được phép thực hiện cổ phần hóa vào cuối năm 1993.

Tuy nhiên, chặng đường đi tới thành công của REE không hoàn toàn suôn sẻ. Khi mở hình kinh tế thị trường được vận hành tại Việt Nam, cùng với sự hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của quốc gia, đó chính là lúc các doanh nghiệp phải đương đầu với những thách thức không hề nhỏ đến từ cả bên trong và bên ngoài. Năm 1998 - một năm sau cuộc khủng hoảng tài chính châu Á - tình hình kinh doanh và triển khai dự án của các nhà đầu tư nước ngoài ở Việt Nam bị ảnh hưởng nghiêm trọng, nhiều công trình xây dựng bị đình trệ, hoạt động kinh doanh của REE trở nên bấp bênh do mảng kinh doanh chính của công ty là dịch vụ cơ điện công trình bị suy giảm nặng nề.

Trong những tháng ngày khó khăn đó, REE đã tiến hành sắp xếp lại sản xuất, đưa nhà xưởng về Khu công nghiệp Tân Bình (TP.HCM). Với mặt bằng đất rộng, mặt tiền đường Cộng Hòa, REE tiến hành xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê. Tòa E-Town đầu tiên với diện tích 30.000 m<sup>2</sup>, khánh thành năm 2002, được lấp đầy khách thuê chỉ trong vòng 18 tháng. Đây chính là cú huých để công ty tự tin phát triển thêm gần 80.000 m<sup>2</sup> văn phòng cho thuê nữa trong suốt một thập niên sau đó.

Vào năm 2000, khái niệm thị trường chứng khoán vẫn còn khá mới mẻ đối với nhiều doanh nghiệp Việt Nam. Thế nhưng ngay khi Việt Nam đưa sản giao dịch chứng khoán



chiếm khoảng 37% tổng tài sản của REE.

Từng là một doanh nghiệp nhà nước nhưng REE rất linh hoạt trong việc xoay chuyển tình thế khi đối mặt với khủng hoảng. Cụ thể, vào thời điểm khủng hoảng kinh tế của Việt Nam năm 1986, REE bước hẳn sang mảng cơ điện lạnh, còn trong thời kỳ khủng hoảng tài chính châu Á 1997-1998, REE chuyển sang mảng kinh doanh văn phòng cho thuê. Cũng như vậy, sau cú vấp ngã năm 2008, REE kiên quyết rời bỏ lĩnh vực đầu tư tài chính, dốc nguồn lực đầu tư chiến lược vào hạ tầng tiện ích.

Kết quả là mảng kinh doanh hạ tầng tiện ích đã đóng góp tới một nửa lợi nhuận của REE trong năm 2013. Tính đến cuối tháng 9/2014, tổng tài sản của REE đã đạt mức 370 triệu USD, trong đó vốn chủ sở hữu đạt 260 triệu USD. Nhờ việc đưa REE vượt qua khủng hoảng một cách ấn tượng, năm 2013, bà Nguyễn Thị Mai Thanh, Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc REE đã được tạp chí Forbes

vinh danh trong danh sách “Những nữ doanh nhân quyền lực châu Á”.

Bà Thanh cho biết: “REE đã trải qua nhiều chặng đường, từ xây dựng nền tảng, hướng tới đổi mới (1996-1999), đại chúng hóa và mở rộng hoạt động (2000-2010), đến củng cố để tăng trưởng bền vững (2010-2015). Trong quá trình ấy, điều làm tôi hài lòng nhất là ngoài lĩnh vực cơ điện lạnh truyền thống, REE đã tương đối thành công và chắc chắn trong lĩnh vực mới là bất động sản và đầu tư hạ tầng”.

Nhìn lại những vấp ngã trong quá trình đồng hành cùng sự phát triển của REE, bà Mai Thanh bộc bạch: “REE đã trải qua nhiều sóng gió. Một kinh nghiệm được rút ra là phải tự biết mình, dám đối mặt với thực tế thương trường, quyết tâm bỏ sung khiếm khuyết và không ngừng củng cố vị thế cạnh tranh”.

chính thức đầu tiên vào hoạt động trong năm đó, lãnh đạo công ty đã quyết định niêm yết cổ phiếu, biến REE trở thành 1 trong 2 doanh nghiệp niêm yết đầu tiên của Việt Nam. Đó là một bước ngoặt lớn không chỉ với REE mà với cả nền kinh tế Việt Nam, bởi việc niêm yết cổ phiếu đã giúp công ty có thêm một kênh huy động vốn mới để phát triển, nâng cao hiệu quả của công tác quản trị doanh nghiệp cũng như danh tiếng của công ty trên thị trường.

Năm 2006-2007, REE nổi lên trên thị trường chứng khoán Việt Nam như một cổ phiếu hạng nhất (blue-chip) với giá cổ phiếu tăng liên tục, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài luôn ở mức cao nhất mà pháp luật Việt Nam cho phép (49%).

Khi thị trường chứng khoán sôi động, cũng giống khá nhiều công ty khác, REE nhảy vào lĩnh vực đầu tư tài chính. Nhưng đến năm 2008, khủng hoảng tài chính toàn cầu xảy ra, REE đã “ngã” đau, lỗ tới 153 tỷ đồng do các tài sản tài chính bị giảm giá mạnh. Phải mất đến 4 năm sau, khi thời cơ mua bán và sáp nhập doanh nghiệp đến, REE mới giải quyết được triệt để vấn đề đầu tư tài chính kém hiệu quả thông qua việc cắt giảm, cơ cấu lại toàn bộ danh mục đầu tư, tập trung vào năng lực cốt lõi. Dịch vụ cơ điện công trình, văn phòng cho thuê và đầu tư vào các dự án hạ tầng tiện ích (điện, nước) giờ đây là 3 mảng kinh doanh cốt lõi mà REE tập trung phát triển.

Đến nay, REE có tỷ lệ sở hữu trên 20% ở 11 công ty, bao gồm 2 công ty sản xuất nước sạch theo hình thức xây dựng - vận hành - sở hữu (B.O.O) là Thủ Đức và Đầu tư & Kinh doanh nước sạch Sài Gòn và 3 công ty sản xuất điện (Nhiệt điện Ninh Bình, Thủy điện Thác Bà, Thủy điện Thác Mơ). Năm 2011, khi thị trường chứng khoán giảm mạnh, REE đã tranh thủ mua ròng cổ phiếu để nâng tỷ lệ sở hữu nhằm chiếm ảnh hưởng quan trọng tại các công ty được đầu tư. Khoản đầu tư tại các công ty này đang

## THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ REE

- ◆ Năm thành lập: **1977**
- ◆ Vốn điều lệ: **2.690 tỷ đồng**
- ◆ Số lượng nhân viên: **1.160**
- ◆ Doanh thu năm 2013: **2.413 tỷ đồng**
- ◆ Lợi nhuận sau thuế 2013: **976 tỷ đồng, tăng 49% so với năm 2012**
- ◆ Doanh thu 9 tháng đầu năm 2014: **3.060 tỷ đồng**
- ◆ Lợi nhuận sau thuế 9 tháng đầu năm 2014: **817 tỷ đồng**





Ông Trương Gia Bình, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn FPT (người thu nhất bên trái) tại lễ công bố thỏa thuận mua lại công ty RWE IT Slovakia



Lăng phần mềm của FPT

# FPT VÀ NỖ LỰC ĐƯA VIỆT NAM VÀO BẢN ĐỒ CÔNG NGHỆ THẾ GIỚI

Năm 1998, vào dịp kỷ niệm 10 năm thành lập Công ty Cổ phần FPT (FPT), ông Trương Gia Bình, khi đó là Tổng giám đốc FPT đã tuyên bố: FPT sẽ tiến hành toàn cầu hóa với hướng đi chiến lược là xuất khẩu phần mềm. Hoa Kỳ và Ấn Độ là hai thị trường đầu tiên mà FPT nhắm tới.

Chiến lược thâm nhập thị trường Hoa Kỳ của FPT được cụ thể hóa trong 7 điểm, bao gồm: Thuần thực tiếng Anh - CMMi 4 (chuẩn chất lượng công nghiệp quốc tế chuyên cho lĩnh vực phát triển phần mềm); Thất chặt quan hệ hợp tác đào tạo với các trường đại học; Hợp pháp hóa sử dụng phần mềm; Tiếp cận các mũi nhọn công nghệ hiện đại nhất; Xuất khẩu phần mềm cho các công ty công nghệ hàng đầu thế giới; Sử dụng các chuyên gia Hoa Kỳ.

Tuy nhiên, chỉ sau 2 năm xuất ngoại vào thị trường Hoa Kỳ và Ấn Độ, FPT đã không đạt được những mục tiêu như kỳ vọng. Doanh thu mảng xuất khẩu phần mềm đạt trên 400.000 USD, nhưng tổng số tiền mà tập đoàn phải bỏ ra đầu tư đã nhiều hơn gấp đôi con số nói trên.

Tuy thất bại tại Hoa Kỳ và Ấn Độ, FPT vẫn kiên trì theo đuổi mục tiêu xuất ngoại. Nhật Bản là cái đích tiếp theo mà FPT nhắm đến, bởi đây là thị trường phần mềm đứng thứ hai thế giới, chỉ sau Hoa Kỳ, với doanh số khoảng 100 tỷ USD/năm. Sau nhiều nỗ lực, năm 2000, FPT đã có được hợp đồng đầu tiên với NTT IT, công ty con của tập đoàn NTT Nhật Bản với khối lượng công việc là "one man month" (tương đương khoảng 172 giờ làm việc của một kỹ sư phần mềm trong vòng 1 tháng). Để chinh phục thị trường khó tính này, FPT đã đưa ra nhiều chính sách phục vụ đặc lực cho việc phát triển đào tạo con người như tổ chức các khóa đào tạo tiếng Nhật, đồng thời tuyển dụng thêm những nguồn nhân lực mới từ Nhật Bản.

Từ đó đến nay, Nhật Bản là thị trường có đóng góp doanh thu lớn nhất cho lĩnh vực xuất khẩu phần mềm của FPT. Năm 2014, thị trường Nhật Bản chiếm tới 45% tổng doanh thu xuất khẩu phần mềm của tập đoàn. Ông Trương Gia Bình, Chủ tịch Tập đoàn FPT cho biết, hơn 60 công ty uy tín nhất ở Nhật đều là khách hàng của FPT.

Sau khi thâm nhập thành công thị trường Nhật Bản, FPT tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động tại các thị trường khác như Singapore, châu Âu và tiếp tục chinh phục thị trường Hoa Kỳ. Tháng 2/2006, FPT lần đầu tiên làm tổng thầu nước ngoài bằng hợp đồng trị giá 6,42 triệu USD với tập đoàn dầu khí Petronas (Malaysia).

Kết thúc năm 2014, doanh thu xuất khẩu phần mềm của FPT đạt khoảng 136 triệu USD, tăng 35% so với năm 2013. Trong đó, 2 thị trường lớn nhất là Nhật Bản và Hoa Kỳ có tốc độ tăng trưởng tương ứng là hơn 30% và 39% (đã loại ảnh hưởng của biến động tỷ giá). Đặc biệt, thị trường châu Âu có mức tăng trên 110% về doanh thu nhờ công ty mới hợp nhất là FPT Slovakia.

Bên cạnh tăng trưởng về hoạt động kinh doanh, năng lực công nghệ của FPT cũng được thế giới ghi nhận. Năm 2006, FPT là doanh nghiệp phần mềm Việt Nam đầu tiên được Viện Công nghệ Phần mềm Hoa Kỳ (SEI) cấp chứng chỉ CMMi 5 (chuẩn quản lý quy trình chất lượng của Mỹ) và là một trong hơn 100 công ty phần mềm trên thế giới được cấp



Các kỹ sư phần mềm của FSoft, một công ty con của Tập đoàn FPT

chứng chỉ này. Sau khi đạt chuẩn quản lý quy trình chất lượng ở mức cao nhất này, để hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ thông tin khác của Việt Nam thì lấy chứng chỉ và áp dụng CMMi 5, góp phần nâng cao năng lực của ngành, năm 2009, FPT đã chuyển giao toàn bộ Bộ tài liệu kinh nghiệm triển khai, xây dựng, áp dụng và thi lấy chứng chỉ CMMi 5 cho Bộ Thông tin và Truyền thông.

Tháng 1/2014, FPT được lọt vào danh sách 100 nhà cung cấp dịch vụ gia công toàn cầu của Hiệp hội gia công chuyên nghiệp quốc tế (IAOP). Với những nỗ lực của mình, FPT đã đưa Việt Nam vượt qua Ấn Độ, trở thành đối tác được ưu tiên thứ hai tại thị trường Nhật Bản, đứng trong top 10 điểm đến xuất khẩu phần mềm hấp dẫn nhất trên thế giới.

## CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

- ◆ Ngày thành lập: **13/9/1988.**
- ◆ Vốn điều lệ: **3.440 tỷ đồng.**
- ◆ Doanh thu năm 2013: **28.647 tỷ đồng.**
- ◆ Doanh thu tính đến hết tháng 11/2014 đạt: **30.857 tỷ đồng.**
- ◆ Số lượng nhân viên: **22.000 người.**
- ◆ FPT hiện đang có mặt tại 19 quốc gia trên thế giới gồm: Việt Nam, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Singapore, Malaysia, Đức, Anh, Pháp, Slovakia, Philippines, Lào, Thái Lan, Campuchia, Myanmar, Kuwait, Bangladesh, Hà Lan, Indonesia, Úc.
- ◆ Hoạt động của FPT trải rộng trong hầu hết các lĩnh vực của ngành công nghệ thông tin, từ phát triển phần mềm, tích hợp hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin đến viễn thông, đào tạo nhân lực.

# DU LỊCH



## VÀI NÉT VỀ NGÀNH DU LỊCH VIỆT NAM

**L**à quốc gia có thiên nhiên trù phú, văn hóa đa dạng và giàu bản sắc, con người thân thiện và cởi mở, chính trị ổn định, Việt Nam đang trở thành một trong những điểm đến hấp dẫn với khách du lịch quốc tế. Năm 2014, trong một cuộc khảo sát về xu hướng du lịch toàn cầu, Việt Nam được xếp hạng thứ 2 châu Á về tiềm năng phát triển du lịch, chỉ sau Trung Quốc.





Với nhiều cảnh quan thiên nhiên đẹp, Việt Nam là điểm đến hấp dẫn của nhiều du khách quốc tế.

Khai thác những tiềm năng và lợi thế mà không phải quốc gia nào cũng có được này, những năm qua, du lịch Việt Nam đã có những bước phát triển ấn tượng. Hình ảnh Việt Nam ngày càng được thế giới biết đến nhiều hơn với hàng loạt các điểm đến được bình chọn là địa chỉ yêu thích của du khách quốc tế. Được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn, ngành du lịch đóng vai trò ngày càng quan trọng hơn trong nền kinh tế Việt Nam.

Trước đây, nếu thị trường du lịch chỉ có sự hiện diện của các doanh nghiệp nhà nước thì đến nay, thành phần kinh tế tư nhân đã tham gia ngày càng đông đảo vào sân chơi này, tạo ra sự cạnh tranh sôi động với nhiều thương hiệu mạnh như Saigon Tourist, Vietravel, Thiên Minh Group, Sun Group... Các sản phẩm du lịch được đa dạng hóa với nhiều loại hình du lịch mới và theo kịp xu hướng phát triển của du lịch quốc tế như: du lịch nghỉ dưỡng, du lịch mạo hiểm, du lịch kết hợp sự kiện (MICE)... Ngoài ra, nhiều hoạt động quảng bá hình ảnh đất nước đến với bạn bè quốc tế được tổ chức thường xuyên cùng với chính sách hỗ trợ tích cực của Nhà nước đã tạo ra động lực cho ngành du lịch phát triển.

Việt Nam đã bước đầu hình thành các trung tâm động lực phát triển du lịch vùng miền và địa phương. Ở phía Bắc có sự hình thành rõ nét tứ giác Hà Nội - Hạ Long - Hải Phòng - Ninh Bình. Chuỗi miền Trung với trung tâm là Đà Nẵng kết nối với Huế. Duyên hải Nam Trung Bộ có hai tâm điểm là Nha Trang (tỉnh Khánh Hòa) và Phan Thiết (tỉnh Bình Thuận). Ở phía Nam, trung tâm là thành phố Hồ Chí Minh kết nối với các tỉnh lân cận.

Với những nỗ lực đó, ngành du lịch đã có những bước khởi sắc rõ rệt và đang được kỳ vọng sẽ là con gà đẻ trứng vàng cho nền kinh tế Việt Nam.

Năm 2013, doanh thu ngành du lịch đạt khoảng 200.000 tỷ đồng, chiếm 5,5% GDP của cả nước. Cũng trong năm này, Việt Nam thu hút khoảng 7,6 triệu lượt khách du lịch quốc tế. Lượng khách quốc tế quay lại Việt Nam ngày càng cao với tỷ lệ khoảng 34%. Ngành du lịch cũng đang góp phần tích cực tạo công ăn việc làm, giải quyết an sinh xã hội. Đến năm 2013, ước tính đã có trên 1,7 triệu lao động làm việc trong lĩnh vực du lịch.

Trong chiến lược phát triển du lịch đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Việt Nam đặt mục tiêu đến năm 2020 đưa du lịch cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có tính



chuyên nghiệp, có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ hiện đại, sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, đậm đà bản sắc dân tộc và có khả năng cạnh tranh được với các nước trong khu vực và trên thế giới. Ngành cũng đặt mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam trở thành quốc gia có ngành du lịch phát triển.

Những mục tiêu cụ thể cũng đã được đưa ra: tốc độ tăng trưởng của ngành du lịch bình quân thời kỳ 2011 - 2020 đạt 11,5 - 12%/năm. Năm 2020, Việt Nam dự kiến đón 10 - 10,5 triệu lượt khách du lịch quốc tế và 47 - 48 triệu lượt khách du lịch nội địa; tổng thu từ khách du lịch đạt 18 -19 tỷ USD, đóng góp 6,5 -7% GDP của cả nước, tạo ra 3 triệu việc làm trong đó có 870.000 lao động trực tiếp. Năm 2030 tổng thu từ du lịch dự kiến tăng gấp 2 lần năm 2020.

Để thực hiện được mục tiêu này, ngành du lịch đã đưa ra những biện pháp đồng bộ, theo hướng phát triển bền vững, xây dựng hệ thống sản phẩm du lịch chất lượng, đặc sắc, phát triển sản phẩm du lịch xanh, tôn trọng yếu tố tự nhiên và văn hóa địa phương, cùng với đó là các giải pháp nhằm phát triển hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch cũng như nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

# VINGROUP

## NỖ LỰC NÂNG CAO DANH TIẾNG CHO NGÀNH DU LỊCH VIỆT NAM

Vào những ngày đầu tiên của tháng 12/2014, không phải tại những sân khấu lồng lộng ở Nha Trang, Đà Nẵng hay Hạ Long, lần đầu tiên danh vị Hoa hậu Việt Nam 2014 được xưng tên tại đảo Phú Quốc - hòn đảo lớn nhất của Việt Nam nằm ở phía Nam của đất nước. Đảo Ngọc sẽ không thể có vinh dự và không đủ cơ sở vật chất để tổ chức sự kiện lớn này nếu không có sự xuất hiện của Vinpearl Resort Phú Quốc.

Nhận thấy tiềm năng du lịch to lớn của Đảo Ngọc sau khi có sân bay mới và cơ sở hạ tầng được cải thiện, Vingroup đã quyết định đầu tư khu nghỉ dưỡng Vinpearl Resort Phú Quốc có mô hình tương tự như dự án đã rất thành công của mình ở Nha Trang. Nằm trên diện tích hơn 300 ha ở phía Bắc đảo, khu nghỉ dưỡng này gồm một khách sạn 5 sao với 750 phòng và 30 biệt thự, sân golf 27 lỗ, khu vui chơi giải trí Vinpearl Land.

Sự xuất hiện của thương hiệu Vinpearl ở Phú Quốc không những góp phần thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch đang tăng lên nhanh chóng mà còn lấp lỗ hổng mà Phú Quốc cũng như ngành du lịch Việt Nam đang phải đối diện trong nhiều năm qua là thiếu các sản phẩm vui chơi giải trí. Những sản phẩm du lịch mới của Vinpearl Resort Phú Quốc như khu thủy cung, sân khấu nhạc nước, công viên nước, sân golf... sẽ tạo nên sức hút mạnh mẽ, lôi kéo khách du lịch và các nhà đầu tư tới hòn đảo này. Nhờ đó, chẳng bao lâu nữa, Phú Quốc có thể sẽ giành được ngôi vị "hoa hậu" của ngành du lịch Việt Nam, thậm chí của Đông Nam Á.

Có thể nói, thương hiệu Vinpearl của tập đoàn Vingroup đã góp phần thay đổi bộ mặt của ngành du lịch Việt Nam. Hơn chục năm trước, thành phố biển Nha Trang chỉ có lác đác vài khách sạn tầm trung. Nhưng sau khi Vinpearl xuất hiện trên đảo Hòn Tre năm 2006, sức hút du lịch của Nha Trang đã tăng vọt. Với diện tích gần 200.000 m<sup>2</sup>, bao gồm nhiều công trình hiện đại, đặc sắc không thua kém các công viên giải trí hàng đầu của các nước trong khu vực và trên thế giới như cáp treo vượt biển dài nhất thế giới 3.320 m, khu công viên nước rộng 60.000 m<sup>2</sup> với nhiều trò chơi cảm giác mạnh, thủy cung như một đại dương thu nhỏ với gần 300 loài sinh vật biển quý giá, khu sân khấu nhạc nước, Vinpearl như thời nam châm thu hút khách du lịch đến với Nha Trang ngày một đông. Cứ 2 khách du lịch đến với Khánh Hòa thì có 1 khách đến Vinpearl. Khách đông đã kích thích các nhà đầu tư khác đổ vốn xây dựng khách sạn ở Nha Trang, nhiều thương hiệu khách sạn quốc tế lớn của thế giới đã xuất hiện tại đây như: InterContinental, Best Western và Sheraton.

Không thể phủ nhận, Vingroup đang đi tiên phong trong việc đầu tư vào chuỗi dịch vụ du lịch với đẳng cấp 5 sao. Khởi đầu từ Nha Trang, chuỗi khách sạn, khu nghỉ dưỡng, biệt thự biển, công viên giải trí và sân golf mang thương hiệu Vinpearl lần lượt xuất hiện ở Đà Nẵng, Phú Quốc và sắp tới là Hạ Long, Bình Định... Những địa điểm Vingroup đầu tư



Vinpearl Resort Phú Quốc

đều có sức hút đặc biệt đối với du khách trong nước và quốc tế. Nhìn tổng thể, các dự án của Vingroup không những tạo nên hệ thống cơ sở vật chất cao cấp cho ngành du lịch Việt Nam, mà còn cung cấp các sản phẩm du lịch ngày càng đa dạng, tăng thêm sức hút và góp phần nâng cao sức cạnh tranh của ngành du lịch Việt Nam so với các nước trong khu vực.

Không chỉ có vậy, Vingroup còn tạo dấu ấn trên nhiều lĩnh vực khác. Từ một doanh nghiệp thành công với sản phẩm mì ăn liền tại Ucraina, Vingroup đã trở thành thương hiệu số 1 Việt Nam trong lĩnh vực bất động sản và du lịch. Với những dự án bất động sản quy mô lớn mang thương hiệu Vinhomes như Times City (12.000 căn hộ), Royal City (4.500 căn hộ), Vinhomes Riverside (1.000 biệt thự) và đang triển khai dự án Vinhomes Central Park (10.000 căn hộ), Vingroup đã trở thành nhà đầu tư bất động sản lớn nhất Việt Nam. Ngoài ra, Vingroup đã mở rộng kinh doanh sang lĩnh vực y tế, giáo dục, bán lẻ với kế hoạch phát triển chuỗi bệnh viện quốc tế Vinmec, hệ thống trường học Vinschool, chuỗi trung tâm thương mại Vincom Centre và Vincom MegaMall, chuỗi siêu thị VinMart.

Với mong muốn đem đến những sản phẩm - dịch vụ tiêu chuẩn quốc tế và trải nghiệm mới về phong cách sống hiện đại, tập đoàn kinh tế tư nhân hàng đầu Việt Nam này đang chứng tỏ vai trò tiên phong dẫn dắt thị trường trong những lĩnh vực mà tập đoàn kinh doanh ở Việt Nam.

### THÔNG TIN SƠ LƯỢC VỀ VINGROUP

- ◆ Chủ tịch: **Phạm Nhật Vượng, tỷ phú đầu tiên của Việt Nam được tạp chí Forbes vinh danh**
- ◆ Tiền thân là **Tập đoàn Technocom, thành lập năm 1993 tại Ucraina, sản xuất mì ăn liền Mivina**
- ◆ Bắt đầu quay về Việt Nam đầu tư từ năm 2000 với thương hiệu Vincom (bất động sản) và Vinpearl (du lịch).
- ◆ Năm 2012 Vincom và Vinpearl sát nhập thành Vingroup.
- ◆ Vốn điều lệ hiện tại: **14.033 tỷ đồng**
- ◆ Doanh thu năm 2013: **18.378 tỷ đồng**. Lợi nhuận sau thuế **7.149 tỷ đồng**.
- ◆ Doanh thu 9 tháng 2014: **21.524 tỷ đồng**. Lợi nhuận sau thuế **3.427 tỷ đồng**.







# MỘT SỐ DOANH NGHIỆP; ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI ĐIỂN HÌNH



Vào ngày 17/11/2014, dự án đầu tư lớn nhất từ trước tới thời điểm đó của Samsung tại Việt Nam trị giá 3 tỷ USD đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên cấp phép. Đó là Dự án Tổ hợp Công nghệ cao Samsung Thái Nguyên (Samsung Electronics Vietnam Thai Nguyen - SEVT2). Trước đó 1,5 tháng, tập đoàn này đã chính thức nhận Giấy chứng nhận đầu tư cho Dự án Samsung CE Complex (SECO), vốn đầu tư 1,4 tỷ USD, tại thành phố Hồ Chí Minh và Dự án Samsung Display (SEV) có vốn đầu tư 1 tỷ USD ở Bắc Ninh. Tổng vốn đầu tư của Samsung tại Việt Nam tính đến cuối năm 2014 đã lên tới trên 11,2 tỷ USD.

Nếu không tính liên doanh Samsung Vina được thành lập gần 20 năm trước thì kể từ khi quyết định đầu tư tại Việt Nam nhà máy sản xuất điện thoại di động đầu tiên tại tỉnh Bắc Ninh với số vốn đầu tư ban đầu chỉ là 670 triệu USD, Samsung đã không ngừng rót vốn vào Việt Nam và trở thành nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất tại đây.

Các dự án của Samsung được đầu tư nhanh và hiệu quả, đóng góp lớn cho kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, giải quyết việc làm, cũng như đóng góp cho ngân sách nhà nước.

Theo số liệu thống kê, năm 2009, kim ngạch xuất khẩu của Samsung chỉ đạt 245 triệu USD, năm 2013 con số này đã tăng lên tới 23,9 tỷ USD, chiếm khoảng 20% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Con số này năm 2014 là 26,25 tỷ USD. Có thêm dự án SEVT2, dự kiến, Samsung sẽ tạo việc làm cho khoảng 100.000 lao động Việt Nam, tăng mạnh so với con số khoảng 70.000 người ở thời điểm cuối năm 2014.

Không chỉ giúp tăng kim ngạch xuất khẩu, giải quyết việc làm, Samsung còn đang trở





Một phân xưởng sản xuất điện thoại di động của Samsung tại tỉnh Bắc Ninh.

thành “thỏi nam châm” thu hút đầu tư của các nhà đầu tư về tỉnh từ nhiều quốc gia trên toàn cầu về Việt Nam. Hàng tỷ USD đã được các nhà cung cấp cho Samsung đầu tư tại Việt Nam, mang lại giá trị sản xuất và xuất khẩu lớn, cũng như tạo việc làm. Samsung đã góp một phần quan trọng cho sự thiết lập và phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ cho lĩnh vực điện tử ở Việt Nam.

Việc Samsung đầu tư lớn vào Việt Nam và đang từng bước biến Việt Nam thành cứ điểm sản xuất toàn cầu hoàn chỉnh của mình là điều chưa từng có trong lịch sử thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam. Khi các dự án của Samsung hoạt động ổn định, Việt Nam sẽ sản xuất tới 60% số lượng điện thoại của Samsung.

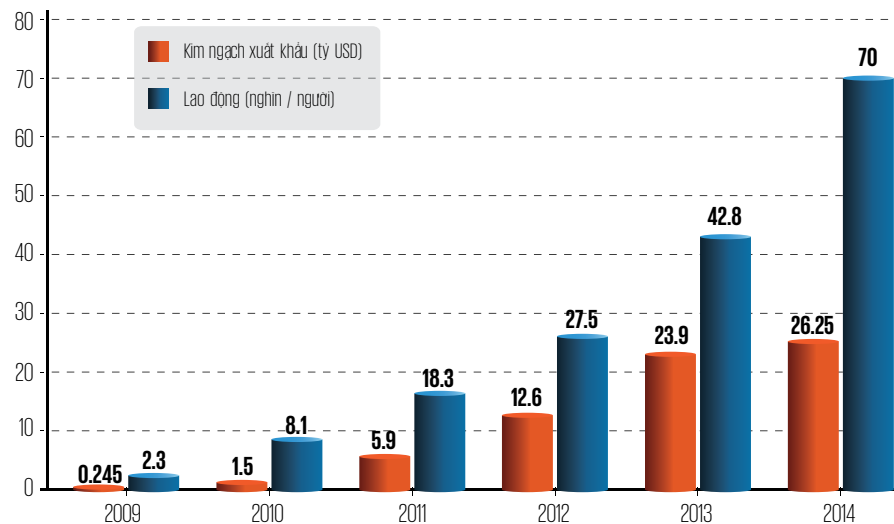
Không chỉ sản xuất, lắp ráp, Samsung còn trực tiếp đầu tư cho các nhà máy sản xuất linh, phụ kiện, như Samsung Electro Mechanics, hay Samsung Display, Samsung SDI. Từ chỗ chỉ sản xuất điện thoại di động, tablet, thì nay tất cả các sản phẩm mũi nhọn của Samsung như máy vi tính, đồ điện tử gia dụng đều đã và sẽ được sản xuất tại Việt Nam...

Ngoài đầu tư cho sản xuất, Samsung còn đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D) tại Việt Nam. Hiện nay trung tâm R&D của Samsung đã đi vào hoạt động ở Hà Nội, thu hút khoảng 1.000 kỹ sư làm việc.

Với những đóng góp to lớn như vậy, Samsung luôn được Chính phủ Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi và dành cho những ưu đãi đầu tư ở mức cao nhất theo quy định của pháp luật Việt Nam.



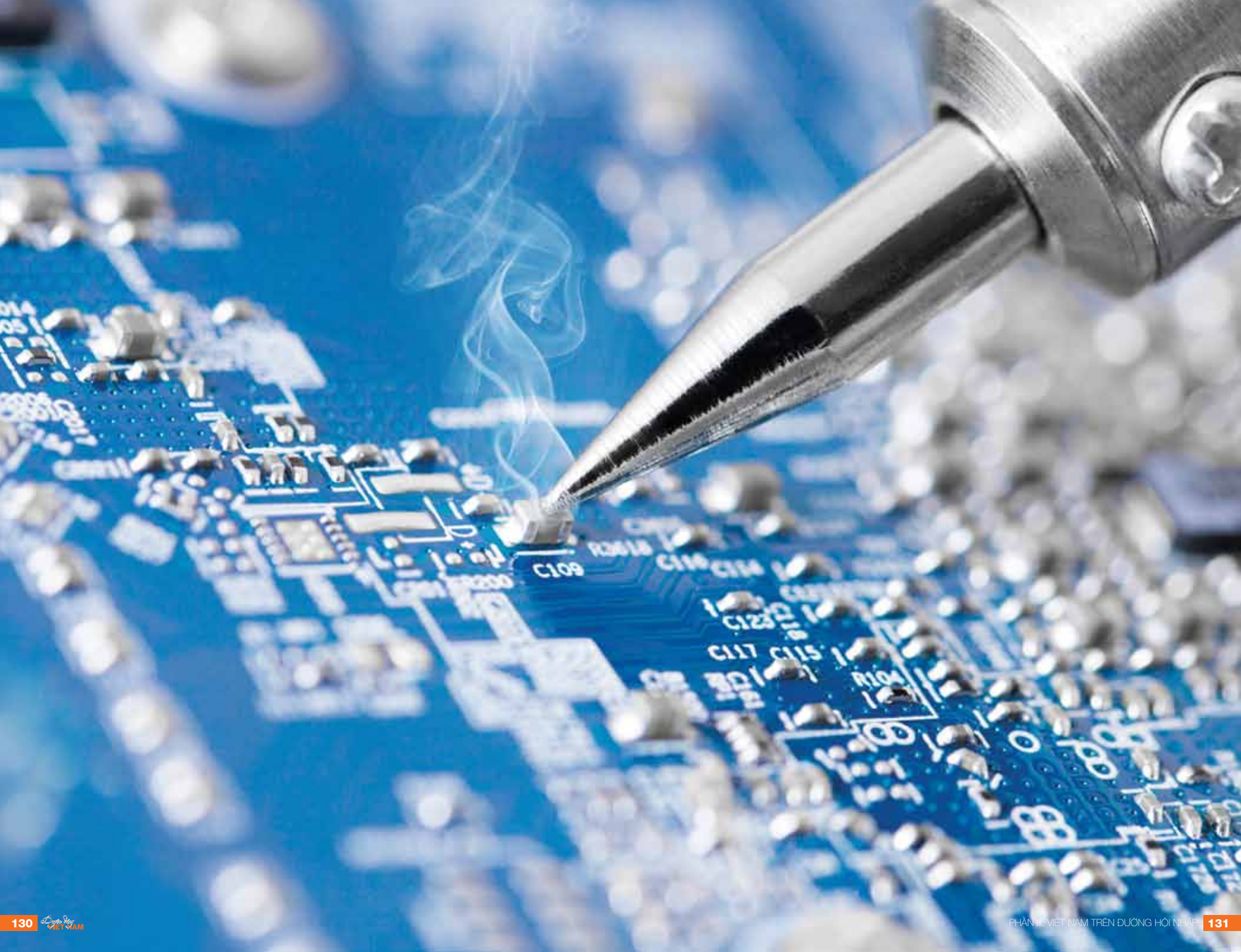
### KIM NGẠCH XUẤT KHẨU VÀ SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN LÀM VIỆC TẠI CÁC DỰ ÁN CỦA SAMSUNG



### CÁC DỰ ÁN CỦA SAMSUNG TẠI VIỆT NAM

- ◆ Tổ hợp Công nghệ cao Samsung Thái Nguyên (Samsung Electronics Vietnam Thai Nguyen 2 - SEVT2), vốn đầu tư **3 tỷ USD**
- ◆ Tổ hợp Công nghệ cao Samsung Thái Nguyên (SEVT), vốn đầu tư **2 tỷ USD**
- ◆ Samsung Electro Mechanics tại Thái Nguyên, vốn đầu tư **1,23 tỷ USD**
- ◆ Samsung Electronics Vietnam (SEV) tại Bắc Ninh, vốn đầu tư **2,5 tỷ USD**
- ◆ Samsung Display tại Bắc Ninh, vốn đầu tư **1 tỷ USD**
- ◆ Samsung SDI tại Bắc Ninh, vốn đầu tư **123 triệu USD**
- ◆ Samsung CE Complex (SECC) tại TP.HCM, vốn đầu tư **1,4 tỷ USD**









*Đội máy bay được trang bị động cơ GE của hãng hàng không quốc gia Việt Nam Vietnam Airlines.*



*Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết tham nhà máy của GE.*

# GE ĐỒNG HÀNH CÙNG VIỆT NAM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Là một trong những công ty Hoa Kỳ đầu tiên có mặt tại Việt Nam từ năm 1993, GE (General Electric) đã ghi được nhiều dấu ấn nổi bật trong chặng đường 20 năm xây dựng và phát triển tại đây. Với tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ, Việt Nam có nhu cầu đa dạng trong các lĩnh vực trọng điểm như hàng không, năng lượng và y tế nhằm phục vụ mục tiêu tăng trưởng bền vững. GE mang đến Việt Nam chiến lược “company-to-country” (“tư doanh nghiệp tới quốc gia”) nhằm hỗ trợ Việt Nam trở thành quốc gia lớn mạnh trên thị trường quốc tế.

Năm 2010, GE đã xây dựng và đưa vào hoạt động nhà máy sản xuất máy phát điện tua-bin gió trị giá 61 triệu USD tại thành phố cảng Hải Phòng. Là nhà máy đầu tiên có vốn đầu tư của GE tại Việt Nam, nhà máy đã tạo ra hơn 600 việc làm và xuất khẩu hàng nghìn máy phát điện cùng các linh kiện tua-bin gió, đóng góp vào chuỗi cung ứng các giải pháp



*Nhà máy sản xuất máy phát điện tua-bin gió tại Hải Phòng của GE.*

năng lượng trên toàn thế giới. Cho tới nay, GE đã đầu tư tổng cộng hơn 110 triệu USD mở rộng quy mô sản xuất tại nhà máy này với tổng giá trị xuất khẩu hơn 400 triệu USD.

GE đồng thời đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển nguồn năng lượng tái tạo đầy tiềm năng tại Việt Nam. Tham gia vào một trong những dự án điện gió đầu tiên của Việt Nam ở tỉnh Bạc Liêu, đồng bằng sông Cửu Long, do công ty Công Lý làm chủ đầu tư, GE đã cung cấp 62 tua-bin gió với tổng công suất trên 99 MW. Tiếp nối sự hợp tác thành công này, tháng 10/2014, GE đã chính thức được công ty Giải pháp Năng lượng gió HBRE lựa chọn là nhà cung cấp 14 tua-bin gió cho giai đoạn 1 của dự án phong điện Tây Nguyên tại tỉnh Đắk Lắk - một trong ít nơi có nguồn năng lượng gió tốt nhất tại Việt Nam. Tính đến nay, các thiết bị GE đã cung cấp hơn 2.000 MW điện, tương đương khoảng 10% tổng công suất điện năng của Việt Nam.

Trong lĩnh vực vận tải hàng không, hiện đội máy bay của Tổng công ty Hàng không Việt Nam – Vietnam Airlines và các hãng hàng không khác của Việt Nam như Jetstar Pacific và Vietjet Air đều đang sử dụng các động cơ tiên tiến của GE. Cuối năm 2013, GE đã ký kết hợp đồng cung cấp 40 động cơ GE9x cho đội bay Boeing 787 Dreamliner của Vietnam Airlines và hợp đồng cung cấp 40 động cơ CFM cho đội bay A320/321 CEO của Vietjet Air. Mỗi quan hệ hợp tác ở tầm cao mới này sẽ hỗ trợ các hãng hàng không Việt Nam trong việc mở rộng mạng bay, nâng cao chất lượng dịch vụ và hiện thực hóa mục tiêu trở thành những hãng hàng không hàng đầu trong khu vực Châu Á.

Trong lĩnh vực y tế, các thiết bị và sáng kiến của GE đang hỗ trợ cải thiện chất lượng khám chữa bệnh cho hàng triệu bệnh nhân, nâng cao chất lượng chẩn đoán và điều trị y tế với chi phí cạnh tranh. Hiện nay, 50% số bệnh viện và phòng khám ở Việt Nam được trang bị ít nhất một thiết bị của GE. Các y, bác sĩ cũng có thêm cơ hội tiếp xúc với các phương pháp tân tiến nhất trong nền y khoa thế giới thông qua các chương trình đào tạo của GE tại Việt Nam.

Với chiến lược đầu tư vào con người, các hoạt động đào tạo của GE góp phần nâng cao trình độ tay nghề của kỹ sư, công nhân, đưa chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam đạt chuẩn quốc tế. Cuối năm 2013, tập đoàn GE đã khánh thành Trung tâm thiết kế kỹ thuật đầu tiên tại Việt Nam (VEC), tập trung vào việc thiết kế, phát triển sản phẩm và dịch vụ cho ngành dầu khí. Trung tâm đặt tại thành phố Hồ Chí Minh, dự kiến sẽ tuyển dụng khoảng 200 kỹ sư người Việt trong vòng vài năm tới, nhằm phục vụ cho ngành công nghiệp dầu khí tại Việt Nam cũng như trong khu vực.

Áp dụng chính sách nội địa hóa nhân lực từ khi mới vào Việt Nam, với nòng cốt là đội ngũ lãnh đạo tài năng người Việt, GE Việt Nam đang ngày càng củng cố và định vị hình ảnh của mình trên bản đồ đầu tư toàn cầu.

## THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ GE

◆ Năm thành lập: **1993**

Các dự án lớn tại Việt Nam:

- ◆ Nhà máy sản xuất máy phát điện tua-bin gió tại Hải Phòng (**61 triệu USD**).
- ◆ Cung cấp thiết bị và dịch vụ cho các dự án lớn tại Việt Nam: **Dự án điện gió Bạc Liêu; dự án “Nâng dung lượng tụ bù đường dây 500 kV Pleiku - Phú Lâm; Dự án mỏ Hải Thạch - Mộc Tinh ngoài khơi Việt Nam; Cung cấp động cơ Genx cho đội bay Boeing 787 Dreamliner của Vietnam Airlines và động cơ CFM cho đội bay A320/321 CEO của Vietjet Air.**
- ◆ Số lượng nhân viên: **hơn 700 người.**





# INDOCHINA CAPITAL

## THÀNH CÔNG DÀNH CHO NGƯỜI MẠO HIỂM

Với 20 năm hoạt động, Indochina Capital, một trong những quỹ đầu tư 100% vốn nước ngoài hàng đầu trong lĩnh vực bất động sản, thị trường vốn và dịch vụ tài chính ở Việt Nam đã để lại nhiều dấu ấn tại đây.

Với ba văn phòng tại Hà Nội, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh, Indochina Capital quy tụ gần 100 chuyên gia đầu tư và hơn 200 chuyên gia nước ngoài cho các dự án cùng đội ngũ nhân sự người Việt tại Việt Nam và nước ngoài để hiện thực hóa các hoạt động đầu tư.

Trong lĩnh vực bất động sản, với ba quỹ đầu tư dạng đóng với vốn đăng ký 500 triệu USD và giá trị các dự án đang triển khai hoặc đầu tư tương đương 2 tỷ USD, Indochina Land (quỹ chuyên đầu tư bất động sản của Indochina Capital) đã triển khai hàng loạt dự án cao cấp được thị trường ghi nhận và đánh giá cao, từ khu dân cư, tổ hợp nhà ở, trung tâm thương mại, văn phòng, đến các khách sạn, khu nghỉ dưỡng và các tiện ích.

Ngay từ những ngày đầu, Indochina Land đã tạo chỗ đứng riêng cho mình với vai trò là người đi tiên phong và kiến tạo xu hướng bất động sản cao cấp với danh mục các dự án đẳng cấp 5 sao tiêu chuẩn quốc tế trên khắp Việt Nam. Có thể kể đến một loạt những cái tên như: Indochina Plaza Hanoi, Hyatt Regency Danang, The Nam Hai, Indochina Riverside Towers, Montgomerie Links Vietnam, Six Senses Con Dao... Mỗi công trình sau khi ra mắt đều tạo được ấn tượng mạnh trên thị trường bởi phong cách khác biệt, sự sáng tạo cũng như đẳng cấp không thể trộn lẫn. Chính bởi sự khác biệt và tiên phong đó đã mang đến những kết quả ấn tượng cho các dự án bất động sản của Indochina Land. Bất chấp sự khủng hoảng của thị trường bất động sản Việt Nam trong những năm vừa qua, đến nay Indochina Land đã đạt doanh thu bán hàng ấn tượng, lên tới 400 triệu USD.

Có thể nói, thành công của Indochina Land là điển hình cho thành công của người dám mạo hiểm đi đầu và khai phá những vùng đất mới trong kinh doanh. Indochina Land đã nghiên cứu rất kỹ khả năng phát triển tương lai và mạo hiểm khi đầu tư vào những nơi mà ban đầu ít người thành công. Chẳng hạn như năm 2006, khi du lịch tại khu vực miền Trung Việt Nam vẫn chưa nổi bật trên bản đồ du lịch khu vực và thế giới, Indochina Land đã đầu tư khu nghỉ dưỡng hạng sang The Nam Hai ở Quảng Nam. Lúc đó, ít người biết và nghĩ rằng dự án này có giá phòng lên tới hơn 500 USD/đêm và giá bán biệt thự lên tới nửa triệu đôla Mỹ. Giờ đây, khi cơ sở hạ tầng khu vực miền Trung đã được cải thiện và du lịch bùng nổ, biệt thự tại dự án The Nam Hai có giá 2,5 triệu USD/căn. Tiếp theo, Indochina Land phát triển thành công khu nghỉ dưỡng Hyatt Regency Danang tại thành



Một số dự án bất động sản của Indochina Land tại Đà Nẵng.

phố Đà Nẵng, bán được 26 trong tổng số 27 biệt thự và 171 trong tổng số 183 căn hộ chung cư cao cấp.

Cũng với chiến lược mạo hiểm đó, năm 2011, Indochina Land một lần nữa khiến thị trường bất ngờ với việc đầu tư vào khu phức hợp Indochina Plaza Hanoi với niềm tin mạnh mẽ về tương lai phát triển của hệ thống tàu điện nội đô Hà Nội. Indochina Capital đã đi trước một bước khi hoàn thành dự án bất động sản cao cấp này ngay trước nhà ga của tuyến tàu điện Nhổn - Cát Linh đang hình thành.

Bí quyết thành công của Indochina Land còn nằm ở chiến lược đầu tư tập trung vào phân khúc cao cấp và không dàn trải. Với tổng nguồn quỹ đang quản lý là 500 triệu USD, Indochina Land có thể phát triển nhiều dự án một lúc khi thị trường sôi động. Nhưng cách làm của Indochina Land là làm dự án nào xong dự án đó, tránh vết xe đổ của nhiều nhà đầu tư khác khi đầu tư dàn trải khiến các dự án đều dở dang. Indochina Capital kiên định đầu tư vào thị trường ngách là bất động sản cao cấp cho dù phân khúc này rất khó. Nói về phân khúc mà họ lựa chọn, Tổng giám đốc Indochina Land - ông Peter Ryder - chia sẻ: "Đầu tư vào phân khúc bất động sản cao cấp có rất nhiều thử thách, nhưng một khi bạn đã biết cách làm, bạn sẽ làm tốt bởi có ít sự cạnh tranh hơn". Thực tế, mỗi công trình



của Indochina Land đều được thiết kế, xây dựng dựa trên tiêu chí phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng, tạo nên cộng đồng cư dân hiện đại với phong cách sống khác biệt và tiện ích hoàn hảo.

Tại Việt Nam, Indochina Land chính là một trong những nhà đầu tư bất động sản cao cấp tiên phong đón đầu sự phát triển về cơ sở hạ tầng của các thành phố lớn, mà theo mô tả của ông Marc Townsend, Tổng giám đốc Công ty tư vấn bất động sản CBRE - là đang diễn ra với tốc độ kinh ngạc. Các dự án của Indochina Land đã góp phần mang lại một diện mạo và phong cách sống mới cho đô thị Việt Nam.

Với những thành công trong việc phát triển các dự án tại Việt Nam, năm 2009 và 2011, Indochina Land đã được Euromoney công nhận là "Nhà phát triển bất động sản tốt nhất Việt Nam". Ngoài ra, quỹ này cũng giành được Giải thưởng Bất động sản châu Á - Thái Bình Dương năm 2011 và Giải thưởng Bất động sản Đông Nam Á vào các năm 2011 và 2013.

Ở mảng đầu tư tài chính, Indochina Capital cũng ghi dấu ấn với tổng số vốn 45 triệu USD đầu tư vào chứng khoán đã niêm yết tại Việt Nam. Trong ba quý đầu năm 2014, giá trị đầu tư của Indochina Capital đã tăng 27%, vượt mức tăng của chỉ số VN Index là 20%. Tổng giám đốc Indochina Capital Peter Ryder khẳng định: sẽ tiếp tục mở rộng lĩnh vực này trong vài năm tới.

Với chiến lược đầu tư đúng đắn, Indochina Capital đã tạo dựng được vị thế vững chắc ở thị trường Việt Nam. Sự khởi sắc trở lại của nền kinh tế Việt Nam cùng với những nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh của Chính phủ càng củng cố thêm quyết tâm gắn bó lâu dài với Việt Nam của quỹ này.

## THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ INDOCHINA CAPITAL

- ◆ Năm thành lập: **1999**
- ◆ Năm 2005: **Lập Quỹ đầu tư bất động sản Indochina Land Holdings 1 huy động 42 triệu USD**
- ◆ Năm 2006: **Lập Quỹ đầu tư bất động sản Indochina Land Holdings 2 huy động 265 triệu USD**
- ◆ Năm 2010: **Lập Quỹ đầu tư Indochina Holdings 3, huy động 180,3 triệu USD**







# PHẦN IV VÀI NÉT VỀ NGOẠI GIAO VIỆT NAM



# 70 NĂM BỘ NGOẠI GIAO VIỆT NAM NHỮNG MỐC SON PHÁT TRIỂN VÀ TRƯỞNG THÀNH (1945-2015)

**28/8/1945** Chính phủ Lâm thời Việt Nam - Dân chủ Cộng hòa công bố danh sách các thành viên Chính phủ. Chủ tịch Hồ Chí Minh kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

**20/7/1954** Ký Hiệp định Genève về đình chỉ chiến sự ở Việt Nam tại Genève, Thụy Sĩ.

**27/1/1973** Ký Hiệp định Paris về Việt Nam tại Paris, Pháp.

**12/7/1976** Chính thức gia nhập Tổ chức Giáo dục-Khoa học-Văn hóa của Liên Hiệp Quốc.

**20/9/1977** Thành viên chính thức của Liên hợp quốc.

**10/1979** Lần đầu tiên được bầu là thành viên của Hội đồng Chấp hành UNESCO nhiệm kỳ 1979-1983 (tiếp tục tham gia Hội đồng chấp hành UNESCO lần thứ 2 nhiệm kỳ 2001-2005 và lần thứ 3 nhiệm kỳ 2010-2013).

**28/11/1990** Thiết lập quan hệ với liên minh Châu Âu.

**1992** Tham gia sáng kiến Hợp tác kinh tế tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS), do Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) khởi xướng.

**10/1993** Thiết lập quan hệ với Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB).

**25/7/1994** Thành viên Công ước Liên hợp quốc về Luật biển 1982 (UNCLOS).

**1/1978** Tham gia thành lập các cơ chế hợp tác sông Mê Công.

**6/1996** Tham gia Ủy hội sông Mê Công và Hợp tác phát triển ASEAN lưu vực sông Mê Công (AMBDC).

**12/7/1995** Thiết lập quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ.

**28/7/1995** Thành viên Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

**02/3/1996** Tham gia sáng lập Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM).

**14-16/11/1997** Lần đầu tiên tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh Pháp ngữ lần thứ 7 tại Hà Nội.

**01/01/1998** Thành viên Hội đồng kinh tế - xã hội Liên hợp quốc (ECOSOC), nhiệm kỳ 1998-2000.

**15/11/1998** Thành viên Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á-Thái Bình Dương (APEC).

**15-16/12/1998** Lần đầu tiên tổ chức Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 6 tại Hà Nội.

**2001** Thành viên Ủy ban Nhân quyền của Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2001-2003; năm 2014, là thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc, nhiệm kỳ 2014-2016.

**04/11/2002** Ký Hiệp định khung về Khu vực thương mại tự do (FTA) ASEAN - Trung Quốc (FTA đầu tiên ASEAN ký kết với các đối tác). Cho tới nay ASEAN đã ký FTA với Nhật Bản, Hàn Quốc, Ôt-xtrây-li-a, Niu Di-lân, Ấn Độ.

**04/11/2002** Cùng các nước ASEAN và Trung Quốc ký Tuyên bố về Ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) dịp Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 8 tại Phnom Penh (Campuchia).

**08-09/10/2004** Lần đầu tiên tổ chức Hội nghị Cấp cao Diễn đàn hợp tác Á - Âu lần thứ 5 tại Hà Nội.

**11/2004** Thành viên Tổ chức Chiến lược hợp tác kinh tế Ayeyarwady - Chao Phraya - Mê Công (ACMECS).



<b>29-30/11/2004</b>	Đồng sáng lập Hợp tác tứ giác phát triển Việt Nam - Campuchia - Lào - Myanmar, dịp Hội nghị Cấp cao CLMV lần thứ nhất tại Viêng-chăn, Lào.
<b>01/01/2006</b>	Lần đầu tiên đảm nhận vai trò thành viên Ủy ban Liên Chính phủ Công ước về bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể, nhiệm kỳ 2006 - 2010.
<b>09-15/11/2006</b>	Tổ chức thành công Hội nghị Cấp cao APEC lần thứ 14 tại Hà Nội.
<b>11/01/2007</b>	Thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), đánh dấu tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam ở tầm toàn cầu.
<b>01/01/2008</b>	Chính thức đảm nhận trọng trách Ủy viên không thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, nhiệm kỳ 2008-2009.
<b>2010</b>	Lần đầu tiên đảm nhận cương vị Chủ tịch ASEAN, với nhiều đóng góp nổi bật thúc đẩy tiến trình xây dựng Cộng đồng ASEAN.
<b>06-07/06/2010</b>	Lần đầu tiên tổ chức Diễn đàn Kinh tế thế giới Đông Á (WEF Đông Á) tại Thành phố Hồ Chí Minh.
<b>13/11/2010</b>	Chính thức tham gia đàm phán Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), đánh dấu việc tham gia các liên kết kinh tế thế hệ mới (tiếp đó là với EU, Liên minh Hải quan Nga-Belarus-Kazakhstan, Khối Thương mại tự do châu Âu - EFTA, Hàn Quốc).
<b>20/11/2012</b>	Tham gia khởi động đàm phán Hiệp định đối tác toàn diện khu vực giữa ASEAN với 6 đối tác Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Ôt-xtrây-li-a và Niu Di-lân (RCEP).
<b>01/01/2013</b>	Lần đầu tiên Việt Nam có ứng cử viên đảm nhận cương vị Tổng Thư ký ASEAN, nhiệm kỳ 2013-2017.
<b>23/9/2013</b>	Lần đầu tiên đảm nhận vai trò Chủ tịch Hội đồng thống đốc Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA), nhiệm kỳ 2013-2014.
<b>27/9/2013</b>	Chính thức thông báo Việt Nam sẵn sàng tham gia Lực lượng gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc (PKO) tại Đại hội đồng Liên hợp quốc khóa 68, New York (Hoa Kỳ).

<b>19/11/2013</b>	Lần đầu tiên được bầu vào Ủy ban Di sản Thế giới UNESCO, nhiệm kỳ 2013-2017.
<b>05/4/2014</b>	Tổ chức Hội nghị Cấp cao lần thứ 2 của Ủy hội sông Mê Công quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh.
<b>Đến tháng 12/2014</b>	Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao chính thức với 185 nước, có quan hệ thương mại với hơn 220 nước và vùng lãnh thổ; thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với 13 quốc gia, quan hệ đối tác chiến lược theo lĩnh vực với 2 nước và quan hệ đối tác toàn diện với 11 nước khác; đã ký kết trên 90 hiệp định thương mại song phương, gần 60 hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư, 54 hiệp định chống đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và các đối tác quốc tế. Lần đầu tiên trong lịch sử có quan hệ bình thường với tất cả các nước lớn, các ủy viên thường trực của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc.

# TỔNG HÀNH DINH NGÀNH NGOẠI GIAO VIỆT NAM QUA CÁC CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ



**C**hỉ vài ngày sau khi Hà Nội hoàn toàn giải phóng (10/10/1954), đoàn cán bộ nhân viên Bộ Ngoại giao từ chiến khu về đã được giao tiếp quản dinh thự số 1 Tôn Thất Đàm, vốn là Sở Tài chính thời Pháp thuộc. Từ ấy, tòa nhà màu vàng bên ngã năm cạnh Quảng trường Ba Đình trở thành trụ sở của Bộ Ngoại giao Việt Nam cho đến ngày hôm nay.

Mặt trước của trụ sở Bộ Ngoại giao số 1 Tôn Thất Đàm cách đây hơn 60 năm cũng vẫn như bây giờ. Từ tường rào thấp rất mỹ thuật đến các chi tiết hoa văn trên những bức



tường màu vôi vàng, chiếc cổng sắt lớn mở vào sảnh vẫn như xưa, hàng cây long não già nua nhưng lúc nào cũng xanh tươi rì rào trong gió.

Ít ai biết rằng, chính Bác Hồ - vị Bộ trưởng Ngoại giao đầu tiên của Việt Nam - ngay từ ngày ở chiến khu Việt Bắc đã “chấm” ngôi nhà này là trụ sở Bộ Ngoại giao. Sáu mươi năm qua, các thế hệ cán bộ ngoại giao đã gìn giữ ngôi nhà mà Bác Hồ giao cho như một báu vật, trân trọng từng viên gạch, viên ngói. Màu vôi vàng đậm, màu cửa nâu, các bậc cầu thang bằng gỗ lim vẫn vẹn nguyên, trường tồn với thời gian. Trụ sở số 1 Tôn Thất Đàm luôn là địa chỉ đỏ, nơi nuôi dưỡng nguyên khí ngoại giao đất nước; góp phần vào sự nghiệp bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và mở rộng quan hệ với các nước, góp phần đắc lực làm cho Việt Nam ngày càng hùng mạnh và có vai trò xứng đáng ở khu vực và quốc tế, đúng như ước mong của Bác. Trụ sở Bộ Ngoại giao cũng là địa điểm tổ chức trọng thể những sự kiện đối ngoại hàng năm như Lễ thượng cờ ASEAN và Quốc kỳ Việt Nam vào ngày Thành lập ASEAN 8/8 và là nơi đón tiếp các vị quan khách quốc tế tới làm việc với Bộ Ngoại giao.

Dấu ấn về tòa nhà màu vàng lịch sử sẽ không bao giờ phai nhạt trong trí óc và trái tim của các nhà ngoại giao.



# DANH SÁCH CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

NƯỚC

CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

## CHÂU Á

1

**ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM  
TẠI TRUNG QUỐC**

Guang Hua Lu, No 32, Beijing, 100600  
Code 00-86-10  
Điện thoại 65 321 155 / 65 321 125  
Fax 65 325 720  
Lãnh sự 65 325 414  
Email vnemb.cn@mofa.gov.vn  
vnemb.cn19@yahoo.com

2

**TỔNG LÃNH SỰ QUÁN  
VIỆT NAM TẠI QUẢNG CHÂU**

Hotel Landmark B Building North, 2nd Floor,  
Qiaoguang Rd (Haizhu Square), Guangzhou  
Code 00-86-20  
Tổng Lãnh sự 83 305 916  
Fax 83 305 915  
Lãnh sự 83 305 910-11  
Email tlsx.quangchau@mofa.gov.vn  
tlsx.quangchau@gmail.com

3

**TỔNG LÃNH SỰ QUÁN  
VIỆT NAM TẠI HỒNG KÔNG**

15/F, Great Smart Tower, 230 Wan Chai Rd., Wan  
Chai, Hongkong  
Code 00-85-2  
Điện thoại 25 914 517 / 25 914 510  
Fax 25 914 524 / 25 914 539  
Email vnconsul.hongkong@mofa.gov.vn  
vnconsul.hongkong@gmail.com

NƯỚC

CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

4

**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN KT-VH  
VIỆT NAM TẠI ĐÀI BẮC**

3F No. 65 Sung Chiang Rd, Taipei  
Code 00-886-2  
Điện thoại 25 166 626  
Fax 25 041 761  
Lãnh sự 25 166 648  
Email vnconsul.taipei@mofa.gov.vn  
vnconsul.taipei@gmail.com

5

**ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM  
TẠI NHẬT BẢN**

50-11, Motoyoyogi-cho-Shibuya- ku Tokyo  
Code 00-81  
Điện thoại 34 663 313 / 34 663 314  
Fax 34 663 391 / 34 667 652  
Lãnh sự 34 663 311  
Email vnemb.jp@mofa.gov.vn  
vnembasy@blue.ocn.ne.jp

6

**TỔNG LÃNH SỰ QUÁN VIỆT NAM  
TẠI OSAKA**

4-2-15 Ichino-cho Higashi, Sakai-ku, Sakai-shi,  
Osaka 590-0952  
Code 00-81-72  
Điện thoại 2 216 666, máy lẻ 02; 01  
Fax 2 216 667  
Email tlsxqn.osaka@mofa.gov.vn  
tlsxqn.osaka@gmail.com

7

**ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM  
TẠI HÀN QUỐC**

28-58, Samchong-Dong, Chongno-Ku, 110-230  
Code 00-82-2  
Điện thoại 7 382 318 / 7 392 065  
Fax 7 392 064  
Lãnh sự 7 347 948  
Email dsqvnhq@mofa.gov.vn  
vndsqa@yahoo.com

8

**ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM  
TẠI CHDCND TRIỀU TIÊN**

7 Munsu Street, Pyongyang  
Code 00-850-2  
Điện thoại 3 817 358 / 3 817 357  
Fax 3 817 632 / 3 817 649  
Lãnh sự 3 817 111  
Email vnembassydprk@mofa.gov.vn  
vnembassydprk@yahoo.com

NƯỚC	CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI
<b>9</b>	Enlchtaivany Urgunchulur 47 - Ulaan Baatar Code 00-97-611 Điện thoại 454 632 Fax 458 923 Email ulanbator@mofa.gov.vn dsq.ulanbator@gmail.com
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI MÔNG CỔ</b>	
<b>10</b>	Thatluang Rd, Vientiane Code 00-856-21 Điện thoại 413 409 Fax 413 379 / 414 601 Lãnh sự 413 400 Email vnemb.lao@mofa.gov.vn vnemb.lao@gmail.com
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI LÀO</b>	
<b>11</b>	31 Ban Pha Bat, Paksé, Champassak Code 00-856-31 Điện thoại 212 827 Fax 212 058 Lãnh sự 214 140 Email vnemb.la@mofa.gov.vn
<b>TỔNG LÃNH SỰ QUÁN VIỆT NAM TẠI PÁC-XÊ</b>	
<b>12</b>	118 Si-Sa-Vang-Vông, Mường Khăn-Tha-bu-li, Savannakhet Code 00-85-6 Điện thoại 21 24 18 Fax 21 21 82 Email lanhsusavan@mofa.gov.vn vnconsul.savannakhet@yahoo.com
<b>TỔNG LÃNH SỰ QUÁN VIỆT NAM TẠI SAVANAKHET</b>	
<b>13</b>	436 Monivong, Phnom Penh Code 00-855-23 Điện thoại 726 274 / 362 741 Fax: 726 495 Lãnh sự 726 284 / 362 531 Email ttpc@mofa.gov.vn
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI CAMPUCHIA</b>	
<b>14</b>	310 Ekreach - Khan Mittapheap – Sihanouk City Code 00-855-34 Điện thoại 934039 / 933466 Fax 9 33 669 Email tlsxvn.siha@mofa.gov.vn tlsxsiha@gmail.com
<b>TỔNG LÃNH SỰ QUÁN VIỆT NAM TẠI SIHANOUK VILLE</b>	

NƯỚC	CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI
<b>15</b>	Road No.3 Sangkat Svay Por, Battambang Code 00-855 Điện thoại / Fax 536 888 866 Email: consul.battambang@mofa.gov.vn vnconsul.battambang@yahoo.com.vn
<b>TỔNG LÃNH SỰ QUÁN VIỆT NAM TẠI BATTAMBANG</b>	
<b>16</b>	83/1 Wireless Road, Pathumwan, Bangkok 10330 Code 00-66-2 Điện thoại 2 515 836 / 2 534 464 Fax 2 517 201 / 2 507 525 Lãnh sự 2 515 837 / 115 hoặc 116 Email vnemb.th@mofa.gov.vn vnemb.th79@yahoo.com.vn
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI THÁI LAN</b>	
<b>17</b>	65/6 Chatapadung, Khonkaen 40000 Code 00-66-43 Điện thoại 242 190 / 336 049 Fax 241 154 Email konkaen.th@mofa.gov.vn lanhsukhonkaen@yahoo.com.vn
<b>TỔNG LÃNH SỰ QUÁN VIỆT NAM TẠI KHONKAEN</b>	
<b>18</b>	70-72 Than Lwin Road, Bahan Township - Yangon Code 00-95-1 Điện thoại 501 992 / 501 993 / 511 305 Fax 514 897 Email vnembmyr@mofa.gov.vn vnembmyr2012@gmail.com
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI MYANMAR</b>	
<b>19</b>	No 427- 428, Ban That Bosot, Luang Prabang Town -Luang Prang Province Code 00-856 Điện thoại 71 254 748 / 254 745 Fax 71 254 746 Email tlsx-lpb@mofa.gov.vn tlsxlpb@yahoo.com
<b>TỔNG LÃNH SỰ QUÁN VIỆT NAM TẠI LUANG PRABANG</b>	
<b>20</b>	Level 21 Grand Plimmer Tower, 2-6 Gilmer Terrace Po Box 8042 Wellington Code 00-64 Điện thoại 44 735 912 Fax 44 735 913 Email vnemb.nz@mofa.gov.vn embassyvn@clear.net.nz
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI NEW ZEALAND</b>	



NƯỚC	CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI
<b>21</b>	No.14 C.W.S(B) Road 33/24, Gulshan Model Town, Dhaka 1212
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI BANGLADESH</b>	Code 00-88 Điện thoại 029 854 052 Fax 029 854 051 Email dhaka@mofa.gov.vn vnemb.bld@gmail.com
<b>22</b>	No.4 Persiaran Stonor-50450 Kuala Lumpur
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI MALAYSIA</b>	Code 00-603 Điện thoại 21 484 534 Fax 21 636 334 Lãnh sự 21 484 036 Email vnemb.my@mofa.gov.vn chancery@vietnamembassy-malaysia.org
<b>23</b>	10 Leedon Park, 267887
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI SINGAPORE</b>	Code 00-65-6 Điện thoại 4 625 938 Fax 4 689 863 Lãnh sự 4 625 994 / 4 625 938 Email vnemb.sg@mofa.gov.vn vnemb.sg@gmail.com
<b>24</b>	Teuku Umar. No 25, Jakarta Pusat, Jakarta
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI INDONESIA</b>	Code 00-62-21 Điện thoại 3 100 358 Fax 3 149 615 Lãnh sự 3 158 537 Email jakarta@mofa.gov.vn vietnamemb@yahoo.com
<b>25</b>	670 Ocampo Pablo Malate, Manila
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI PHILIPPINES</b>	Code 00-63-2 Điện thoại 5 216 843 / 5 252 837 Fax 5 260 472 Lãnh sự 5 240 364 Email vnemb.ph@mofa.gov.vn vnembdp.ph@gmail.com
<b>26</b>	No 9, Spg 148-3 jalan Telanai - BA 2312, BSB
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI BRUNEI</b>	Code 00-673 Điện thoại 2 651 580 Fax 2 651 574 Email vnemb_brunei@mofa.gov.vn vnembassy@yahoo.com

NƯỚC	CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI
<b>27</b>	20 Kautilya Marg, Chanakya-Puri, NewDelhi
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI AN ĐỘ</b>	Code 00-91-11 Điện thoại 26 879 858 / 26 879 852 Fax 26 879 869 E-mail vnemb.in@mofa.gov.vn vnemb.in@gmail.com
<b>28</b>	Room 507, Hong Ta Mansion, No 155, Beijing Lu, Kunming
<b>TỔNG LÃNH SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI CÔN MINH - TRUNG QUỐC</b>	Code 86 - 871 Điện thoại 3 515 889 / 3 522 669 Fax 3 516 667 Email consul.conminh@mofa.gov.vn ttsqcm@yahoo.com
<b>29</b>	001 Floor, Touzi Dasha 109 Minzu Avenue - Nanning
<b>TỔNG LÃNH SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI NAMNING - TRUNG QUỐC</b>	Code 86 - 771 Điện thoại 551 0562 Fax 553 4738 Email consul.namning@mofa.gov.vn ttsqvn@rediffmail.com
<b>30</b>	1117, Str.11 Sector E7, Islamabad
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI PAKISTAN</b>	Code 00-92 Điện thoại 512 655 785 (mây lẻ 103) Fax 512 655 783 Email vnemb.pk@mofa.gov.vn vnemb.pakistan@yahoo.com
<b>31</b>	B-306 Oberoi Chamber, New Link Rd Andheri (w) MUMBAI 400 053
<b>TỔNG LÃNH SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI BOMBAY</b>	Code 00-91-22 Điện thoại 2673 6688 Fax 2673 6633 Email tlsx.mumbai@mofa.gov.vn tlsx.mumbai@yahoo.com
<b>32</b>	6 Timbarra Crescent, Malley Canberra, ACT2606
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI ÚC</b>	Code 00-61-2 Điện thoại 62 866 059 / 62 901 549 Fax 62 864 534 Lãnh sự 62 901 556 Email vnemb.au@mofa.gov.vn vembassy@inet.net.au

NƯỚC	CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI
<b>33</b>	Suite 205, Level 2 Edgecliff Centre 203- 233 New South Head Road Edgecliff - NSW 2027
<b>TỔNG LÃNH SỰ QUAN VIỆT NAM TẠI SYDNEY</b>	Code 00-61-2 Điện thoại 932 72 539 / 932 71 912 Fax 932 81 653 Email <a href="mailto:consul.sydney@mofa.gov.vn">consul.sydney@mofa.gov.vn</a> <a href="mailto:vnconsul@inet.net.au">vnconsul@inet.net.au</a>
<b>34</b>	No.9 JL. Pekalongan, Menteng, Jakarta-Pusat 10310
<b>PHẢI ĐOÀN VIỆT NAM TẠI ASEAN</b>	Code 00-62-21 Điện thoại 31 907 255 / 31 907 845 Fax 31 906 642 Email <a href="mailto:pdvn.asean@mofa.gov.vn">pdvn.asean@mofa.gov.vn</a> <a href="mailto:pdvn.asean@gmail.com">pdvn.asean@gmail.com</a>
<b>35</b>	4 <sup>th</sup> Floor, Aquahakata, 5-3-8 Nakasu, Hakata-ku, Fukuoka, 810-0801
<b>TỔNG LÃNH SỰ QUAN VIỆT NAM TẠI FUKUOKA</b>	Code 00-81 Điện thoại 922 637 668 / 922 637 678 Fax 922 637 676 Email <a href="mailto:consul.fukuoka@mofa.gov.vn">consul.fukuoka@mofa.gov.vn</a> <a href="mailto:tsqvn-fukuoka@shirt.ocn.ne.jp">tsqvn-fukuoka@shirt.ocn.ne.jp</a>
<b>36</b>	3F, Huachen Financial Mansion, No 900, Pudong Ave, Shanghai
<b>TỔNG LÃNH SỰ QUAN VIỆT NAM TẠI THƯỢNG HẢI</b>	Code 00-86-21 Điện thoại 68 555 871 / 2 Fax 68 555 873 Email <a href="mailto:tsqvn.th@mofa.gov.vn">tsqvn.th@mofa.gov.vn</a> <a href="mailto:vnconsul.thuonghai@gmail.com">vnconsul.thuonghai@gmail.com</a>
<b>37</b>	30/5 Ward Place, Colombo-7
<b>ĐẠI SỨ QUAN VIỆT NAM TẠI SRILANKA</b>	Code 00-94 Điện thoại 112 696 050 Fax 112 692 040 Email <a href="mailto:vnemb-srilanka@mofa.gov.vn">vnemb-srilanka@mofa.gov.vn</a> <a href="mailto:vnemb.srilanka@yahoo.com">vnemb.srilanka@yahoo.com</a>
<b>38</b>	Level 8, 16 St Georges Terrace Perth WA 6000 P O Box 3122 East Perth WA 6892
<b>TỔNG LÃNH SỰ QUAN VIỆT NAM TẠI PERTH - ỨC</b>	Code 00-61 Điện thoại 892 211 158 Fax 892 256 881 Email <a href="mailto:consul.perth@mofa.gov.vn">consul.perth@mofa.gov.vn</a> <a href="mailto:vnconsulate.perth@gmail.com">vnconsulate.perth@gmail.com</a>

NƯỚC	CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI
------	--

## CHÂU ÂU

<b>39</b>	Moscow, Bolshaya Pirogovskaia, 13
<b>ĐẠI SỨ QUAN VIỆT NAM TẠI NGÀ</b>	Code 00-7-499 Điện thoại 2 451 092 Fax 2 463 121 Email <a href="mailto:vnemb.ru@mofa.gov.vn">vnemb.ru@mofa.gov.vn</a> <a href="mailto:vnemb.ru@gmail.com">vnemb.ru@gmail.com</a>
<b>40</b>	107/1, Pushkinskaya Street Vladivostok
<b>TỔNG LÃNH SỰ QUAN VIỆT NAM TẠI VLADIVOSTOK</b>	Code 00-7-4232 Điện thoại 226 927 / 205814 / 226948 Fax 261496 Email <a href="mailto:consul.vladivostok@mofa.gov.vn">consul.vladivostok@mofa.gov.vn</a> <a href="mailto:tls_vla@yahoo.com">tls_vla@yahoo.com</a>
<b>41</b>	51 Tovarna –Str 01103/ Kiev
<b>ĐẠI SỨ QUAN VIỆT NAM TẠI UCRAINA</b>	Code 00-380-44 Điện thoại /Fax 2 845 542 Lãnh sự 2 845 738 Email <a href="mailto:vnemb.ua@mofa.gov.vn">vnemb.ua@mofa.gov.vn</a> <a href="mailto:vnemb_ua@yahoo.com">vnemb_ua@yahoo.com</a>
<b>42</b>	Rashidov-Str-100,Tashkent-700084
<b>ĐẠI SỨ QUAN VIỆT NAM TẠI UZBEKISTAN</b>	Code 00-998-71 Điện thoại 1 356 493 / 1 344 541 Fax 1 206 265 / 1 206 556 Email <a href="mailto:vnemb.uz@mofa.gov.vn">vnemb.uz@mofa.gov.vn</a> <a href="mailto:vnemb.uzbek@yahoo.com">vnemb.uzbek@yahoo.com</a>
<b>43</b>	UL Resorowa 36 02-956 Warszawa
<b>ĐẠI SỨ QUAN VIỆT NAM TẠI BA LAN</b>	Code 00-48-22 Điện thoại 6 516 098 Fax 6 516 095 Email <a href="mailto:vnemb.pl@mofa.gov.vn">vnemb.pl@mofa.gov.vn</a> <a href="mailto:vnemb.vso1@yahoo.com">vnemb.vso1@yahoo.com</a>



NƯỚC	CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI
<b>44</b>	1146 Budapest - Thokoly Ut 41
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI HUNGARY</b>	Code 00-36-1 Điện thoại 342 5583 / 342 9922 Fax 352 8798 Lãnh sự 343 3836 Email vp-budapest@mofa.gov.vn vp_budapest@yahoo.com
<b>45</b>	Sofia 1113 Ul. Jetvarka No 1
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI BUNGARI</b>	Code 00-359-2 Điện thoại 9 632 743 (201) / 9632 609 (200) Fax 9 633 658 Lãnh sự 9 632 609 máy lẻ 110 Email vnemb.bg@mofa.gov.vn vnemb.bg@gmail.com
<b>46</b>	Str.C.A. Roseth Nr. 35 Sector 2 Bucaest
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI RUMANI</b>	Code 00-4021 Fax 312 1626 / 211 3738 Lãnh sự 311 0334 Email vnemb.romania@mofa.gov.vn vnemb.romania@gmail.com
<b>47</b>	Plzenská 214 - 150 00 - Praha 5
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI SÊC</b>	Code 00-42-02 Điện thoại 57 211 540 Fax 57 211 792 Lãnh sự 24 922 074 Email vnemb.cz@mofa.gov.vn dsqvietnamcz@yahoo.com plsdsqcqz@yahoo.com
<b>48</b>	Koza, No 109, G.O.P, Ankara
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI THỎ NHÌ KỲ</b>	Code 00-90 -312 Điện thoại 4 468 049 / 4 480 185 Fax 4 465 623 Email dsqvnturkey@mofa.gov.vn dsqvnturkey@yahoo.com
<b>49</b>	Gammel Vartov Vej 20-2900Hellekup Copenhagen
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI DENMAK</b>	Code 00-45 Điện thoại 39 183 932 Fax 39 184 171 Email embvndk@mofa.gov.vn embvndk@hotmail.com

NƯỚC	CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI
<b>50</b>	Kulosaarentie 12, 00570 Helsinki
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI PHẦN LAN</b>	Code 00-358 Điện thoại 95 626 302 Fax 96 229 902 Lãnh sự 96 229 900 Email vnemb.fi@mofa.gov.vn vietnamfinland@gmail.com
<b>51</b>	Villa Hanoi, Kennedy-Alle 49, Frankfurt/M
<b>TỔNG LÃNH SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI FRANFURT (ĐỨC)</b>	Code 00- 49-69 Điện thoại 795 336 515 Fax 795 336 511 Email tlsxvietnam_frankfurt@mofa.gov.vn gkvietnam_frankfurt@mofa.gov.vn
<b>52</b>	ElsenstraBe 3 12435 Berlin-Treptow
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI ĐỨC</b>	Code 00-49 Điện thoại 03 053 630 108 Fax 03 053 630 200 Lãnh sự 03 053 630 102 Email vnemb.de@mofa.gov.vn vnembassy.berlin@gmail.com
<b>53</b>	Schlosslistrasse 26-3008 Bern
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI LIÊN BANG THỤY SĨ</b>	Code 00- 41- 31 Điện thoại 3 887 878 Fax 3 887 879 Email vnemb.ch@mofa.gov.vn dsqbern@yahoo.com
<b>54</b>	Felix Mottl - Strabe A -1190 Vienna
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI ÁO</b>	Code 00-43-1 Điện thoại 3680755 Fax 3680754 Lãnh sự 3680755 / 10 Email vnemb.at@mofa.gov.vn office@vietnambassay.at
<b>55</b>	61 rue de Miromesnil, 75008 Paris
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI PHÁP</b>	Code 00-33-1 Điện thoại 44 146 400 Fax 45 243 948 Lãnh sự 44 146 421 / 44 146 426 Email vnemb.fr@mofa.gov.vn vnparis.fr@gmail.com

NƯỚC	CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI
<b>56</b>	12-14 Victoria Road, London W8-5rd
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI ANH</b>	Code 00-4420 Điện thoại 793 71 912 Fax 75653853 Email vnemb.uk@mofa.gov.vn vanphong@vietnamembassy.org.uk
<b>57</b>	220040 Minsk, Mozajskovo str.house No 3
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI BELARUS</b>	Code 00-375 Điện thoại/Fax 172 374 879 Email dsqvn.belarus@mofa.gov.vn dsqvn.bel2@gmail.com
<b>58</b>	2-Le Verrier, 75006 Paris
<b>PHẠI ĐOÀN VIỆT NAM TẠI UNESCO (PARIS)</b>	Code 00-33-1 Điện thoại 44 32 0877 / 44 32 0873 Fax 44 32 0879 Email unescovn@yahoo.com
<b>59</b>	Boulevard General Jacques 11050 Bruxelles
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI BỈ</b>	Code 00-32-2 Điện thoại 3 792 731 Fax 3 74 9 376 Lãnh sự 3 792 747 Email vnemb.be@mofa.gov.vn vnemb.brussels@skynet.be
<b>60</b>	Nassauplein 12 2585 EB The Hague
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI HÀ LAN</b>	Code 00-31-70 Điện thoại 3 648 917 / 3 644 300 Fax 3 648 656 Email vnembassy.nl@mofa.gov.vn vnembassy.nl@gmail.com
<b>61</b>	Orby Slottsvag 26125 ALVSJO - Stockholm
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI THỤY ĐIỂN</b>	Code 00-46-8 Điện thoại 55 621 070 / 55 621 071 Fax 55 621 080 Lãnh sự 55 621 077 / 55 621 079 Email vnemb.se@mofa.gov.vn

NƯỚC	CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI
<b>62</b>	Avenida Alfonso XIII, No.5 - 28016 Madrid
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI TÂY BAN NHA</b>	Code 00-34 Điện thoại 915 102 867 Fax 914 157 067 Email vnemb.es@mofa.gov.vn vnemb.es@gmail.com
<b>63</b>	Via di Bravetta, 156 – 00164 Roma
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI ITALIA</b>	Code 00-39-06 Điện thoại 66 160 726 Fax 66 157 520 Email vnemb.it@mofa.gov.vn vnemb.it@gmail.com
<b>64</b>	30 Chemin des Corbikettes 1218 le – Grabd-Saconnex, Geneve
<b>PHẠI ĐOÀN VIỆT NAM TẠI GENEVA</b>	Code 00-41-2 Điện thoại 7 918 540 / 7 982 485 Fax 7 980 724 / 7 982 469 Email geneva@mofa.gov.vn info@vnmission-ge.gov.vn
<b>65</b>	411 –DVS-22 –Karla Libknhesta - 620075
<b>TỔNG LÃNH SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI EKATERINBURG (NGA)</b>	Code 00-73-43 Điện thoại 2 530 280 (81 / 83 / 84) Fax 2 530 282 Email consul.ekaterinburg@mofa.gov.vn vnconsul_eka@yahoo.com
<b>66</b>	St. Olavs gate 21C, 0165 Oslo
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI NAUY</b>	P.O. Box 6635 St. Olavsplass, 0130 Oslo Code 00-47 Điện thoại 22 203 300 Fax 22 203 301 Email vnemb.no@mofa.gov.vn vietnamnorway@gmail.com
<b>67</b>	15 Dunajska, Bratislava, Slovakia - PO 81108
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI SLOVAKIA</b>	Code 00-421 Điện thoại 252 451 263 / 252 451 276 Fax 252 451 273 Email vnemb.sl@mofa.gov.vn vnemb.slvk@yahoo.com



NƯỚC	CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI
<b>68</b>	Iereos Dousi St. 54, Marousi 15126
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI HY LẬP</b>	Code 00-30
	Điện thoại 2 106 128 733
	Fax 2 106 128 734
	Email vnemb.gr@mofa.gov.vn
	vnemb.gr@gmail.com

<b>69</b>	No 6- Xary-Arka, A-xta-na
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI KAZASTAN</b>	Code 00-77
	Điện thoại 172 990 375
	Fax 172 990 379
	Email vnemb.kz@mofa.gov.vn
	vnemba.kz09@yahoo.com

## CHÂU MỸ

<b>70</b>	1233, 20th Str, N.W. Suite 400 Washington DC, 20036
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI HOA KỲ</b>	Code 00-1-202
	Điện thoại 8 610 737
	Fax 8 610 917
	Lãnh sự 8 610 694 / 8 612 293
	Email vnemb.us@mofa.gov.vn
	vanphong@vietnamembassy.us info@vietnamembassy.us

<b>71</b>	Suite 430, California Street, San Francisco, CA. 94109
<b>TỔNG LÃNH SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI SAN FRANCISCO</b>	Code 00-1-415
	Điện thoại 9 221 707
	Fax 9 221 848 / 9 221 757
	Email consul.sanfrancisco@mofa.gov.vn
	vnconsulatesf@vietnamconsulate-sf.org

<b>72</b>	Edificio St. Georges Bank (Antiguo Banco Atlantico), Piso 2, Local 1, Entre Calle 50 y 53, Obarrio, Ciudad de Panama
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI PANAMA</b>	Code 00-507
	Điện thoại 2 642 551
	Fax 2 656 056
	Email vnemb.pa@mofa.gov.vn
	embavinapa@cwpanama.net
	convietnam@cwpanama.net

NƯỚC	CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI
<b>73</b>	No.55 MacKay Street Ottawa, K1M 2B2
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI CANADA</b>	Code 00-1-613
	Điện thoại 2 361 398 / 2 360 772
	Fax 2 36 2 704
	Email vnembassy.can@mofa.gov.vn
	vietnamembassy@rogers.com

<b>74</b>	No. 5ta.Avenide# 1802,esquina a 18, Miramar,Playa, La Habana
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI CUBA</b>	Code 00-53-7
	Điện thoại 2 041 502 / 2 041 042
	Fax 2 041 041
	Email emvicu@mofa.gov.vn
	embavicu@gmail.com
	myvutrong@yahoo.com
	thienhuu57@yahoo.com

<b>75</b>	No. 255 Sierra Ventana 255 lomasde Chapultepec Delegation - Miguel Hidalgo CP.11000
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI MEXICO</b>	Code 00-52
	Điện thoại 555 401 632
	Fax 5 55 401 612
	Lãnh sự 555 4 07 587
	Email vietnam.mx@mofa.gov.vn
	vietnammexico@gmail.com

<b>76</b>	Calle 11 de Setiembre 1442, C.P (1426) - Capital Federal
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI ARGENTINA</b>	Code 00-54-114
	Điện thoại 7 831 802 / 7 831 425
	Fax 7 820 078
	Email vnemb.ar@mofa.gov.vn
	atn.sqvn@gmail.com

<b>77</b>	SHIS, QI 09, Conj10, Casa 1, Lago Sul, CEP: 71.615-070
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI BRAZIL</b>	Code 00-55- 61
	Điện thoại 33 645 876
	Fax 33 645 836
	Email embavina.br@mofa.gov.vn
	embavina.brasil@yahoo.com

NƯỚC	CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI
<b>78</b> <b>ĐẠI SỨ QUAN VIỆT NAM TẠI CHILE</b>	Avenida Eliodoro Yayasnsnez 2897 – Providencia, Santiago de Chile Code 00-56-2 Điện thoại 22 443 633 Fax 22 443 799 Email sqvnchile@mofa.gov.vn vnemb.chile@yahoo.cl
<b>79</b> <b>PHỤ VIỆT NAM TẠI NEW YORK</b>	866 United Nations Plaza Suite 435 New York, 10017 Code 00-1-212 Điện thoại 6 440 594 Fax 6 445 732 / 6 446 972 Email pdnyr@mofa.gov.vn vnmission.ny@gmail.com
<b>80</b> <b>ĐẠI SỨ QUAN VIỆT NAM TẠI VENEZUELA</b>	9ta Transversal, entre 6ta y 7ma Avenidas, Quinta Las Mercedes, Altamira, Chacao 1060-025 D.F, Caracas Code 00-58 Điện thoại 2 126 357 402 Fax 2 122 647 324 Email vnemb.ve@mofa.gov.vn vnemb.venezuela@yahoo.com
<b>81</b> <b>TỔNG LÃNH SỰ QUAN VIỆT NAM TẠI HOUSTON (MỸ)</b>	No.5333 Westheimer Rd, suite 800 Houston, TX 77056 Code 00-1 Điện thoại 8 322 667 068 Fax 7 138 100 159 Email tlsxghouston@mofa.gov.vn vietnamconsulateinhouston@gmail.com
<b>82</b> <b>TỔNG LÃNH SỰ QUAN VIỆT NAM TẠI VANCOUVER</b>	#800-605, Robson Street, Vancouver B.C V6B5J3 Code 00-1-604 Điện thoại 6 290 189 Fax 6 812 906 Email consul.vancouver@mofa.gov.vn consul.vancouver@gmail.com

NƯỚC	CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI
<b>TÂY Á - CHÂU PHI</b>	
<b>83</b> <b>ĐẠI SỨ QUAN VIỆT NAM TẠI ALGIERI</b>	No.30, Rue Chénoua, Hydra - Alger Code 00-213-21 Điện thoại 608 843 / 609 141 Fax 693 778 Email vnemb.dz@mofa.gov.vn sqvnalgerie@yahoo.com.vn
<b>84</b> <b>ĐẠI SỨ QUAN VIỆT NAM TẠI CÁC TIỂU VƯƠNG QUỐC ARẬP THÔNG NHẤT</b>	Villa 101& 102, Street 27, Sector 24, Al Mushrif. Abu Dhabi – The U.S.E, P.O Box: 113038 Code 00-971 Điện thoại 24 496 710 / 24 498 089 Fax 24 496 730 Email dsqvn_uae@mofa.gov.vn vnemb1@emirates.net.ae
<b>85</b> <b>ĐẠI SỨ QUAN VIỆT NAM TẠI ISRAEL</b>	4 <sup>th</sup> Floor. Beit Asia, 4 Weizman Str. Tel Aviv Code 00-972 Điện thoại 36 966 304 Fax 36 966 243 Email vnembassy.il@mofa.gov.vn vnembassy.il@gmail.com
<b>86</b> <b>ĐẠI SỨ QUAN VIỆT NAM TẠI IRAN</b>	No. 6 East Ordibehesht, Mardani Sharestan 8 <sup>th</sup> . St. Pey Syan. St. M.Ardabili Valiyeer Ave. Tehran Code 00-98-21 Điện thoại 22 411 670 Fax 22 416 045 Email vnemb.ir@mofa.gov.vn SQVNIRAN05@yahoo.com
<b>87</b> <b>ĐẠI SỨ QUAN VIỆT NAM TẠI LIBI</b>	Al Hadba Al Khadra – Tripoli Libya P.O. Box: 587 Code 00-218-21 Điện thoại 4 903 664 / 3694/1354 / 1456 Fax 4 901 499 Email vnemb.ly@mofa.gov.vn dsqvnlib@yahoo.com



NƯỚC	CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI
<b>88</b>	110, Sudan str.Mohandesseen, Cairo
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI AI CẬP</b>	Code 00-202 Điện thoại 37 623 841/ 37 623 863 Fax 33 368 612 Email vnemb.eg@mofa.gov.vn vnembeg@yahoo.com.vn
<b>89</b>	No 27 - Mezzouda Souisui Rabat Royaume Du Maroc
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI MAROC</b>	Code 00-212 Điện thoại 537 659 256 Fax 537 659 210 Email ambamaroc@mofa.gov.vn vnambassade@yahoo.com.vn
<b>90</b>	Jabriya, Block 10, Str.19, Villa 96 - KuWait
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI KUWAIT</b>	Code 00-965 Điện thoại 25 311 450 Fax 25 351 592 Email vnemb.kw@mofa.gov.vn vnemb_kw@yahoo.com
<b>91</b>	Plot 11, Bongoyo Road, Oysterbay, PO Box: 9724 Dar Es Salaam
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI TANZANIA</b>	Code 00-255 Điện thoại 222 664 535 Fax 222 664 537 Email vnemb.tz@mofa.gov.vn vnemb.taz2009@yahoo.com.vn
<b>92</b>	Via AL4, Lotes 4-5, Bairro Talatona-Luanda Sul, LUANDA CP 1774
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI ANGOLA</b>	Code 00-244 Điện thoại 222 010 697 Fax 222 010 696 Email vnemb.angola@mofa.gov.vn sqvnangola@gmail.com
<b>93</b>	87 Brooks Street, Brooklyn, P.O. Box : 13692 Hatfield 0028 Pretoria, Republic of South Africa
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI NAM PHI</b>	Code 00-27-12 Điện thoại 3 628 119 Fax 3 628 115 Email vnemb.za@mofa.gov.vn vietnamembassy.sa@gmail.com

NƯỚC	CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI
<b>94</b>	23 Al-Dhiyafah Str, Al-Nuzha District, Riyadh
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI Ả-RẬP-XÊ-UT</b>	Code 00-966 Điện thoại 114 547 887 Fax 114 548 844 Email vnemb.sa@mofa.gov.vn vietsa@ymail.com
<b>95</b>	No 9 River Niger Street , Maitama, Abuja
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI NIGERIA</b>	Code 00-234 Điện thoại 8 147 086 724 Hotline 8 137 086 724 Email vnemb.ng@mofa.gov.vn dsqvnigeria@yahoo.com
<b>96</b>	Villa No.8, West bay Lagoon. P.O.Box: 23595 Doha
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI QATAR</b>	Code 00-974 Điện thoại 44 128 480 Fax 44 128 370 Email vnemb.qa@mofa.gov.vn vietnamembassy.doha@gmail.com
<b>97</b>	Av.Francisco Orlando Mabunbwe 1048/1026 Caixa Postal: 4051 - Maputo
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI MOZAMBIQUE</b>	Code 00-258 Điện thoại 21 497 912 Fax 21 491 992 Email maputo@mofa.gov.vn vnemb_mzb@yahoo.com dsqvnmoz@yahoo.com
<b>98</b>	
<b>ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI IRAQ</b>	Email vnemb.iq@mofa.gov.vn dsqvn.iraq@yahoo.com



















# NOTES

BẢN BIÊN SOẠN  
TS. LÊ HẢI BÌNH  
THS. TRẦN THỊ BÍCH VÂN  
THS. PHẠM TUẤN HỒNG HẠNH  
THS. NGUYỄN THU HÀ  
NGUYỄN QUÝ LÂM

THIẾT KẾ VÀ TRÌNH BÀY

**LêBros**<sup>®</sup>

SỬA BẢN IN  
NGUYỄN BẢO VÂN

 NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN

CHIU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN  
GIAM ĐỐC

**NGUYỄN THẾ SƠN**

CHIU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG  
TỔNG BIÊN TẬP

**LÊ THỊ THU HƯƠNG**

BIÊN TẬP  
**PHÙNG THỊ MỸ**

In 1.000 bản | Kích: 13,3 x 20,4cm | 180 trang | Giữ bản quyền: Bộ Ngoại Giao - Việt Nam  
In tại Công ty TNHH MTV In và Thương Mại Thông tấn xã Việt Nam - Vinadataxa  
Địa chỉ: 70/342 Khuông Đình - Hạ Đình - Thanh Xuân - Hà Nội

Giấy ĐKXB số: 961 - 2015/CXBIPH/01 - 30/ThT | Quyết định xuất bản số 96/QĐ - NXBTT, cấp ngày 23 tháng 04 năm 2015.  
In xong nộp lưu chiểu tháng 05 năm 2015.





Hang Sơn Đông

SÁCH KHÔNG BÁN



9 786049 450044